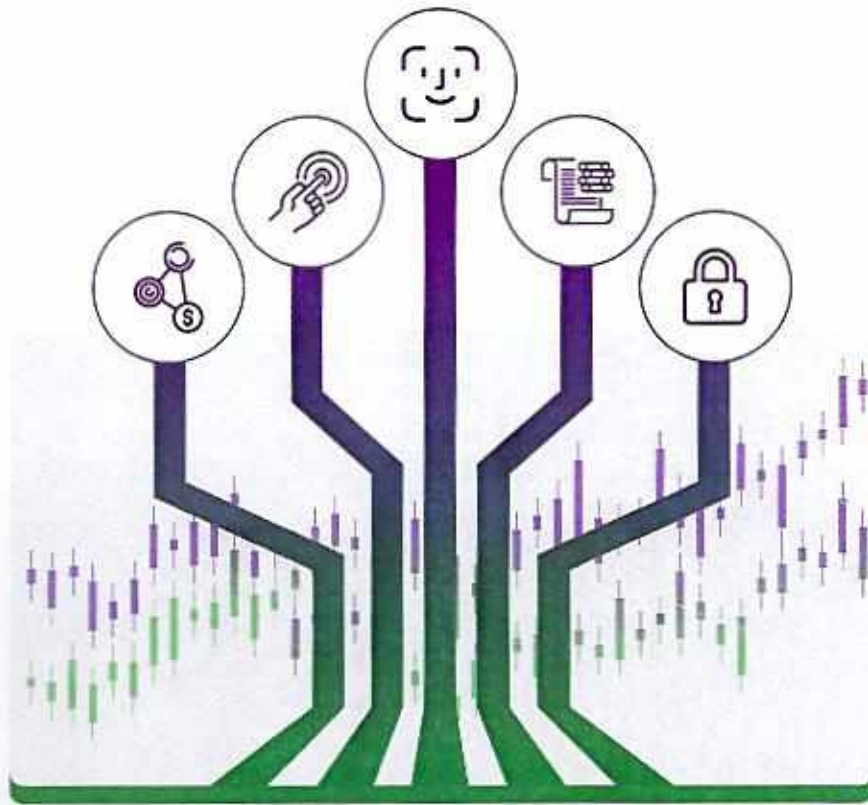




PSI

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.



TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021

Mục lục

MỞ ĐẦU

1	THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
2	TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	6
3	DẤU ẤN 2021	8

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

1	GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY	12
2	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
3	CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG	14
4	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	18
5	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ	20
6	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	25
7	ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO	26
8	CÁC RỦI RO	32

Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	40
2	NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH	44
3	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	45
4	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	46
5	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	48
6	YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG	49
7	VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	52

Phần III. DỰ BÁO NĂM 2022 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

1	TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021	56
2	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2021	58
3	TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2022	59
4	MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2022	62

Phần IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	66
2	CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA BAN LÃNH ĐẠO	76
3	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	78
4	BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	92
5	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR CỦA CÔNG TY	94
6	THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG IR	101

Phần V. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	104
2	MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	104
3	NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG	106

Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

“

“Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng PSI.

Sau 15 năm Trưởng thành và Phát triển, chúng tôi đã sẵn sàng cho một hành trình chinh phục mới! Tôi tin rằng, PSI sẽ tiếp tục vươn lên những tầm cao mới trong cấu lạc bộ nghìn tỷ”.

”

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



3

2

1

TRỤ CỘT

NỀN TẢNG

MỤC TIÊU

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2021 tiếp tục là một năm bão tố đối với toàn thế giới do những biến chủng mới của virus. Chúng ta đã chứng kiến đại dịch Covid tàn quét cuộc sống của loài người, kéo theo sự tổn thất đối với hầu hết các ngành nghề kinh doanh và nền kinh tế chung.

Tuy nhiên, năm 2021 cũng là năm ghi nhận nhiều thành quả đáng tự hào nhất trong lịch sử 15 năm hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI). Vượt qua tất cả thử thách, bám chặt định hướng hoạt động 3 Trụ cột – 2 Nền tảng – 1 Mục tiêu, PSI đã chứng minh sức bật mạnh mẽ của mình.

Với sự sôi động của hoạt động nguồn vốn, tổng tài sản của công ty tính đến cuối năm 2021 đã tăng gần 80%, tạo nên sức mạnh cho PSI trong việc cung cấp dịch vụ chứng khoán, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng cao của nhà đầu tư.

Doanh thu cao nhất từ trước đến nay, lớn gấp 3 lần năm trước. Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 400% so với năm 2020. 3 mảng hoạt động cốt lõi của PSI gồm Dịch vụ chứng khoán, Ngân hàng đầu tư (IB) và Nguồn vốn đều ghi nhận kết quả rực rỡ, vượt kế hoạch.

Đây cũng là năm mà PSI tận lực giải quyết các vấn đề tồn đọng từ rất nhiều năm trước. Công ty đã giảm tỷ trọng danh mục đầu tư kém hiệu quả, thu hồi các khoản nợ xấu, qua đó tăng chất lượng tài sản. Với các nỗ lực này, PSI nhanh chóng phát hành thành công trên 1.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ cho đối tác trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Hệ thống công nghệ tiên tiến xây dựng hoàn thiện từ năm 2020 đã phát huy giá trị trong năm 2021 bùng nổ thanh khoản của thị trường chứng khoán. Hệ sản phẩm đa dạng và linh hoạt của PSI cũng được đón nhận khi không ngừng đem lại hiệu quả đầu tư bền vững cho các khách hàng.

Như vậy, cho đến nay, chiến lược 3 trụ cột – 2 nền tảng – 1 mục tiêu đã được chứng minh là chiến lược dài hạn đúng đắn. Trong đó, 3 trụ cột là Tập đoàn Dầu khí, Ngân hàng mẹ PVcomBank và cổ đông chiến lược SMBC Nikko. 2 nền tảng là con người và công nghệ. 1 mục tiêu, đó là mô hình Ngân hàng đầu tư với trọng tâm là lĩnh vực năng lượng.

Thưa Quý cổ đông, sau 15 năm trưởng thành, giờ đây PSI đã có đầy đủ sự tự chủ, năng lực cạnh tranh và khát vọng để chinh phục các dấu son mới.

Năm 2022 sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức. Nhưng với một công ty luôn phải đổi mới trước biến động và thách thức từ ngày thành lập như PSI, chúng tôi luôn sẵn sàng đón đợi và tìm giải pháp để vượt qua.

Trong hành trình mới, PSI đã chuẩn bị nhân lực, tài chính, công nghệ để tiếp tục triển khai chiến lược kinh doanh được chọn. Thị trường sẽ nhanh chóng nhận diện được rõ ràng bản sắc của PSI - đó là công ty chứng khoán đi đầu trong lĩnh vực năng lượng với những sản phẩm, dịch vụ đặc thù.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng PSI. Sau 15 năm Trưởng thành và Phát triển, chúng tôi đã sẵn sàng cho một hành trình chinh phục mới. Tôi tin rằng PSI sẽ tiếp tục vươn lên những tầm cao mới trong cấu lạc bộ nghìn tỷ.

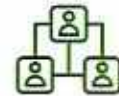
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ANH TUẤN

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN



Một công ty chứng khoán hoạt động hiệu quả, lấy khách hàng ngành năng lượng làm trọng tâm.

SỨ MỆNH



Cung cấp dịch vụ chứng khoán, tài chính trên nền tảng ứng dụng công nghệ tiên tiến và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp nhằm mang đến cơ hội đầu tư hiệu quả cho khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



- Lấy khách hàng làm trung tâm, từ đó nâng cao chất lượng xứng đáng là công ty có dịch vụ hàng đầu trên thị trường.
- Nâng cao năng lực tài chính vững mạnh nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trên thị trường bằng các giải pháp tài chính nhanh gọn với mức phí cạnh tranh nhất.
- Đặt yếu tố công nghệ làm trọng tâm trong hoạt động quản trị và phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng. Ứng dụng các công nghệ hiện đại phù hợp với năng lực tài chính và nhu cầu của khách hàng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu của một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.
- Phát huy tối đa các lợi thế sẵn có để nâng cao hiệu quả kinh doanh và mang lại lợi nhuận cho công ty, cán bộ nhân viên cũng như lợi ích cho các cổ đông.
- Từng bước xây dựng mối quan hệ ngày càng sâu rộng với đối tác chiến lược là SMBC Nikko và các Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam cũng như trong khu vực.



DẤU ẤN 2021

Năm 2021 ghi nhận **DẤU ẤN** của một năm thành công vượt bậc, tạo đà cho thành công mới trong những năm tiếp theo của PSI





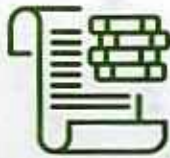
DOANH THU CAO NHẤT LỊCH SỬ

Tổng Doanh thu năm 2021 đạt 455,3 tỷ đồng, tương đương vượt 252% kế hoạch năm 2021 và vượt 290% so với cùng kỳ năm 2020.



TỔNG TÀI SẢN CAO NHẤT LỊCH SỬ

Quy mô tổng tài sản của PSI đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ khi vượt lên trên 2.000 tỷ đồng.



PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG 15 TRIỆU USD TRÁI PHIẾU CHO ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI

PSI đã phát hành thành công 3.200 trái phiếu, tương ứng 320 tỷ đồng (khoảng 15 triệu USD) cho đối tác nước ngoài. Động thái này khẳng định uy tín và vị thế của công ty trên thị trường tài chính.



VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG VƯỢT 1.000 TỶ ĐỒNG

Trong năm 2021, cổ phiếu PSI tăng trưởng gần 5 lần đưa giá trị vốn hóa của Công ty lên trên 1.000 tỷ đồng.



THAY ĐỔI GIAO DIỆN WEBSITE

PSI chính thức ra mắt website mới vào tháng 7/2021 với thiết kế năng động, ứng dụng công nghệ hiện đại, tính hợp nhiều tính năng dịch vụ giúp tăng trải nghiệm người dùng

Phần I. THÔNG TIN CHUNG

1	GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY	4
2	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	5
3	CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG	6
4	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	7
5	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ	8
6	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	9
7	ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO	10
8	CÁC RỦI RO	11





GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY

Tên Công ty bằng Tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
Tên Công ty bằng Tiếng Anh: PETROVIETNAM SECURITIES INCORPORATED

Tên giao dịch: PSI

Tên viết tắt: PSI

Giấy phép hoạt động số: 26/JBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2006

Vốn điều lệ: 598.413.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 598.413.000.000 đồng

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: 024 3934 3888

Số fax: 024 3934 3999

Website: www.psi.vn

Mã cổ phiếu: PSI

Chính thức đi vào hoạt động
và khai trương chi nhánh TP.
Hồ Chí Minh



Tăng vốn điều lệ lên 509,25 tỷ
vào tháng 10/2010
Niêm yết cổ phiếu trên Sở
Giao dịch Chứng khoán Hà
Nội vào tháng 7/2010



2006

2007

2009

2010

2011



Chính thức được cấp phép
hoạt động



Thành lập hai chi nhánh mới
tại Vũng Tàu và Đà Nẵng



Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ
đồng thông qua việc chào bán
thành công 14,9% cổ phần cho
công ty SMBC Nikko (Nhật Bản)

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 07/02/2007 với Hội sở chính tại Hà Nội và 01 Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, số vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng. Sau 15 năm Trưởng thành và Phát triển, PSI đã phát triển theo chiến lược 3 trụ cột - 2 nền tảng - 1 mục tiêu để đứng vững trên thị trường, tự chủ trong hoạt động kinh doanh và xây dựng hình ảnh, vị thế mới là Công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng (PVcomBank) hoàn tất việc mua vào hơn 20,4 triệu cổ phiếu PSI, nâng tỉ lệ sở hữu lên 51,17% vốn điều lệ của PSI



Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu PSI, với khối lượng gần 400 tỷ đồng



Phát hành thành công 1.000 tỷ đồng Trái phiếu



2016

2018

2019

2020

2021



- Hoàn thành xây dựng Chiến lược phát triển đến 2020 tầm nhìn đến 2030 trình ĐHCĐ 2019; Mục tiêu đến năm 2020, đưa PSI trở thành Công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng.
- Đầu tư mới phần mềm chứng khoán và hạ tầng công nghệ thông tin.
- Khai trương, đi vào hoạt động 03 điểm giao dịch tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu PSI, với khối lượng lên đến 500 tỷ đồng

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG



Giải thưởng bình chọn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT 2010**



Giải thưởng

**THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG
QUỐC GIA năm 2010**

**DANH HIỆU DOANH NHÂN
XUẤT SẮC ĐẤT VIỆT năm 2010**



Được bình chọn

**CÔNG TY TƯ VẤN M&A
TIÊU BIỂU**

và giải



**THƯƠNG VỤ PHÁT HÀNH
RIÊNG LẺ TIÊU BIỂU**

(với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán
- Sáp nhập doanh nghiệp 2011



Top 5 Công ty chứng khoán

DOANH THU DỊCH VỤ TƯ VẤN LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG năm 2010



Top 10 Công ty chứng khoán

CÓ LỢI NHUẬN CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG năm 2010



Giải thưởng

THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG NHẤT NGÀNH CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM

năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức



Giải thưởng

CÔNG TY TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU

giai đoạn 2009 - 2013 do Diễn đàn M&A 2013 trao tặng

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG



Là đơn vị tư vấn tái cấu trúc

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN



Top 5 Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trong

NGHIỆP VỤ TƯ VẤN NIÊM YẾT VÀ ĐẤU GIÁ

tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh năm 2015



Top 10 Công ty Chứng khoán

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG năm 2015



Tổ chức thành công

“HÀNH TRÌNH NĂNG LƯỢNG”

Chương trình nằm trong hoạt động của Bộ chỉ số PVN Index



Giải thưởng Thương hiệu

**TIÊN PHONG HỘI NHẬP KINH TẾ
QUỐC TẾ DO HỘI CÁC DOANH NGHIỆP
VỪA VÀ NHỎ TRAO TẶNG** năm 2016



Top 10 công ty chứng khoán

**THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU
LỚN NHẤT** năm 2021



Tư vấn thoái IPO cho

3 ĐƠN VỊ LỚN CỦA PVN

Tổng công ty TY Dầu Việt Nam, công ty CP Lọc hóa Dầu Bình Sơn và
Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam



Cùng cổ đông chiến lược SMBC Nikko, triển khai thành công 2
Hợp đồng tư vấn M&A với Maeda và Stanley.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí PSI cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo Tiêu chuẩn Quốc tế bao gồm:

Dịch vụ
ngân hàng đầu tư

Tư vấn đầu tư,
tư vấn tài chính

Môi giới
chứng khoán

Lưu ký
chứng khoán

Tự doanh
chứng khoán

Bảo lãnh phát hành
chứng khoán

Phân tích,
Phát triển chỉ số



Thành phố Hà Nội
[Trụ sở chính]

Hà Nội



Thành phố Đà Nẵng
[Chi nhánh]

Đà Nẵng



Thành phố Hồ Chí Minh
[Chi nhánh]

TP. Hồ Chí Minh

Vũng Tàu



Thành phố Vũng Tàu
[Chi nhánh]

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định về việc tăng giảm vốn điều lệ Công ty; quyết định tổ chức và giải thể Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, bao gồm 5 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

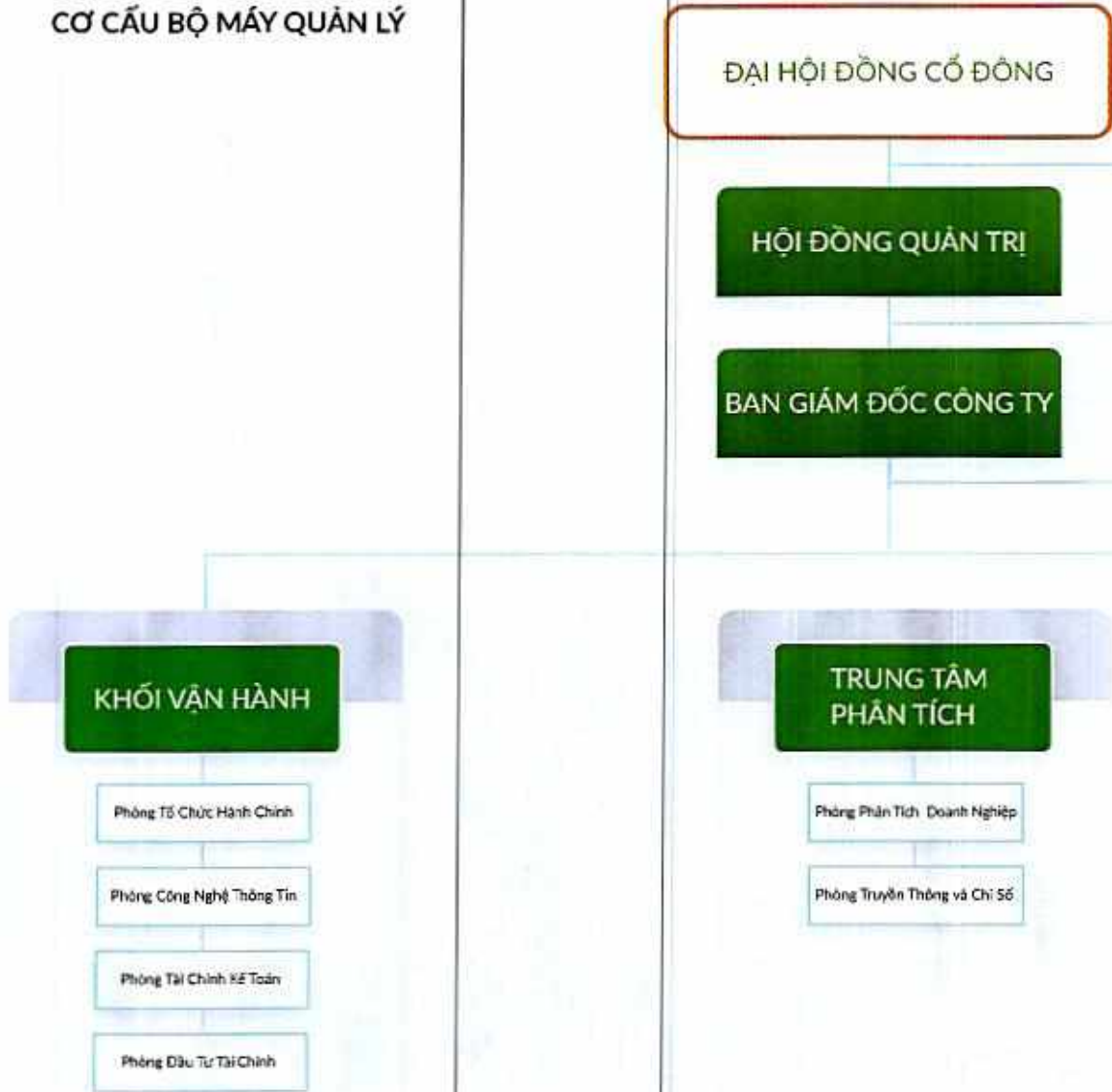
Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông giao thực hiện quyền giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

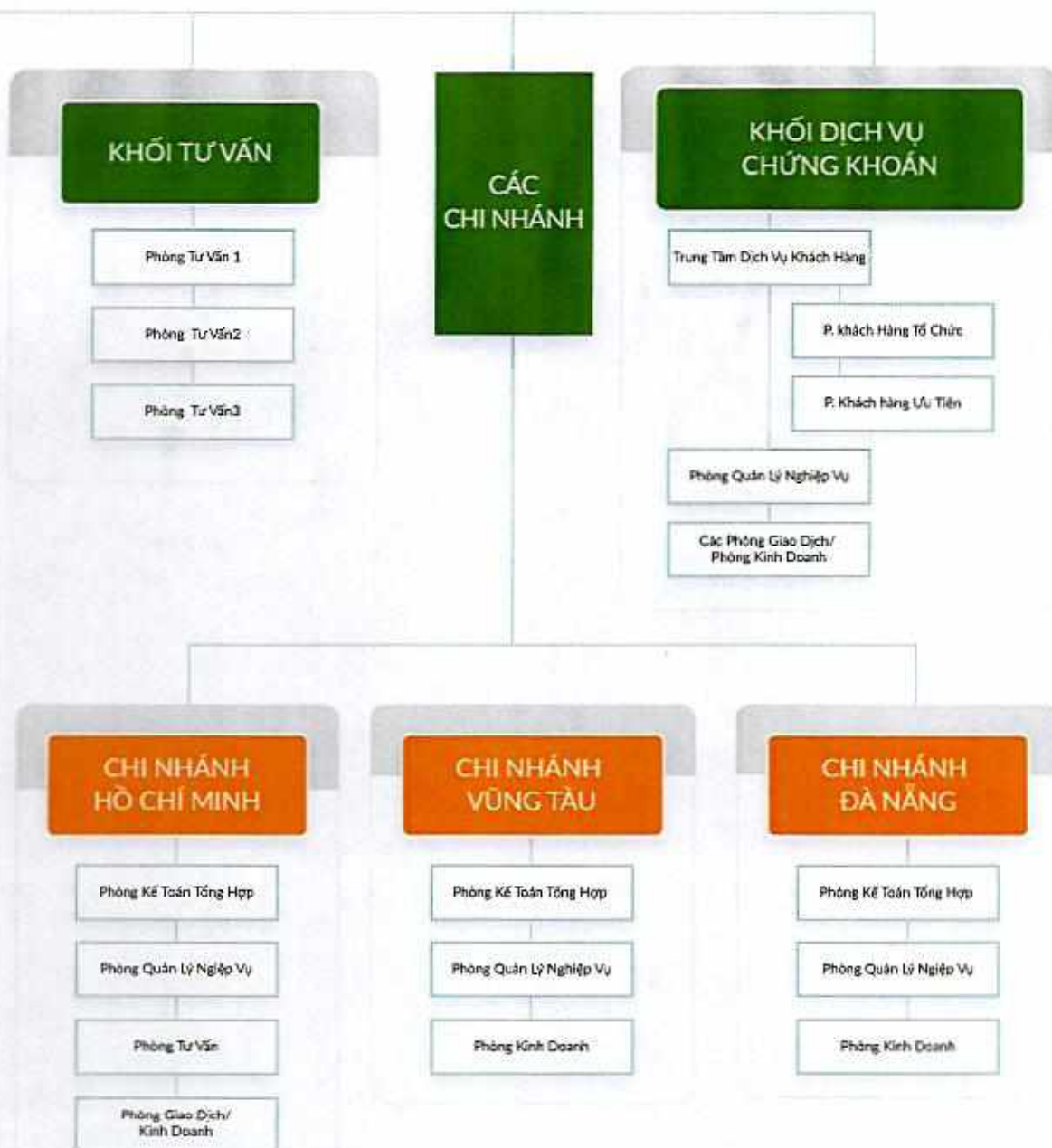


Năm 2021, cơ cấu hoạt động của Công ty gồm 03 Khối, 01 Trung tâm và 03 Chi nhánh:
Khối Dịch vụ Chứng khoán, Khối Tư vấn, Khối Vận hành và Trung tâm Phân tích PSI,
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Vũng Tàu.

Ban Kiểm Soát

Phòng Kiểm Toán Nội Bộ

Phòng QTRR-KSNB



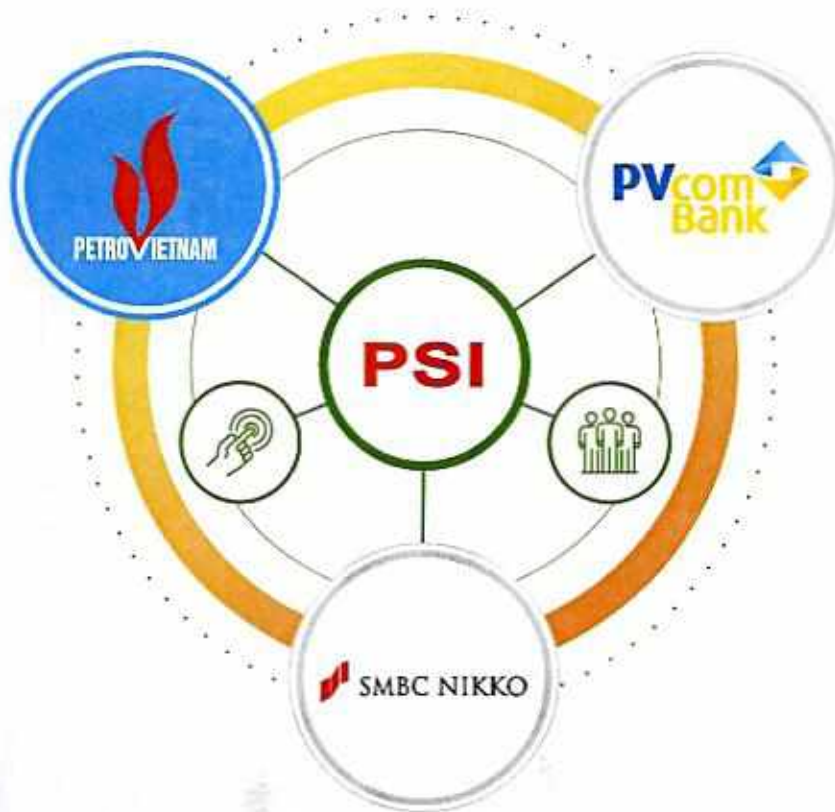


PSI

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CHIẾN LƯỢC “03 TRỤ CỘT - 2 NỀN TẢNG - 01 MỤC TIÊU”

Định hướng chiến lược của PSI là “3 trụ cột - 2 nền tảng - 1 mục tiêu”, trong đó 3 trụ cột là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Ngân hàng mẹ PVcombank, cổ đông ngoại chiến lược SMBC Nikko; 2 nền tảng là con người và công nghệ; 1 mục tiêu là Phát triển theo mô hình Ngân hàng đầu tư tập trung vào lĩnh vực năng lượng.

Với định hướng đó, PSI đã xây dựng một hệ thống khách hàng thân thiết bao gồm những tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Dầu khí và khách hàng Nhật Bản. PSI cũng sở hữu hệ thống môi giới mạnh tại Hà Nội, TP. HCM, Vũng Tàu, Đà Nẵng và đội ngũ nhân sự chất lượng, tâm huyết, gắn bó với công ty.

Cùng với việc ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, PSI đã xây dựng hệ sản phẩm đa dạng, linh hoạt, tối ưu lợi ích sử dụng vốn của khách hàng, giúp khách hàng có hành trình đầu tư bền vững và hiệu quả.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, hơn 20 năm
kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 10/2005 – 04/2007: Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng Công ty Bảo hiểm Dầu Khí
- 6/2007 - 10/2007: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Thăng Long
- 10/2007 đến 10/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
- 10/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PvcomBank)
- 03/2016 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí



Ông Trịnh Thế Phương

Ủy viên Hội đồng quản trị
Thạc sỹ Luật, Luật sư hơn 20 năm kinh
nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 1999 – 2002: Cán bộ nhân sự Công ty Gạch Men Hoàng Gia, KCN Mỹ Xuân, Bà Rịa – Vũng Tàu
- 2002 - 2007: Cán bộ Ủy ban nhân dân Huyện Thạch Thành - Thanh Hóa
- 2007 - 2010: Chuyên viên Ban Đầu tư; Phó giám sát tuân thủ - Ban Pháp chế Công ty Tài chính Dầu khí
- 2011 - 2017: Trưởng Ban TCHC&PC Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công Đoàn Dầu khí Việt Nam
- 2013 - 2015: Giám đốc Khối Pháp chế Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
- 2015 - Nay: Giám đốc Khối Pháp chế; Kiểm UV HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PvcomBank)



Ông Nguyễn Xuân Hưng

Ủy viên Hội đồng quản trị
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán

- 08/2007 - 04/2009: Giám đốc Ban Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2009 - 05/2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 05/2009 - 04/2019: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2019 đến nay: Phó Giám đốc phụ trách Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Ông Phạm Anh Đức

Ủy viên Hội đồng quản trị
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 12/1994 - 12/1995: Nhân viên Công ty Bảo Việt Hà Nội
- 02/1995 - 10/2001: Trưởng nhóm PVI
- 10/2001 - 02/2002: Phó ban Bảo Hiểm Dầu khí PVI
- 02/2002 - 10/2006: Trưởng Ban Bảo Hiểm Dầu khí PVI
- 10/2006 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Bảo Hiểm Dầu khí PVI

Bà Hồ Việt Hà

Ủy viên HĐQT
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 2002 - Nay: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tài Cấu trúc Tài sản Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí VN, nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (Pvcombank)

BAN GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Xuân Hưng

Phó Giám đốc phụ trách

● Như trên



Ông Nguyễn Mạnh Cường

Phó Giám đốc

Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, hơn
13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 02/2018 - 03/2019: Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2019 - 12/2019: Phó phòng phụ trách Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 01/2020 - 03/2020: Trưởng Phòng TCHC - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 03/2020 - 09/2020: Phó Giám đốc phụ trách Khối Vận hành kiêm Trưởng phòng Đầu tư tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 10/2020 - 02/2021: Giám đốc Khối Vận hành - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 27/02/2021 - Nay: Phó Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí



Ông Bùi Huy Long

Phó Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế đối ngoại, hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 2007 - 2010: Trưởng Phòng, Phòng thư ký tổng hợp - TCT Tài chính CP Dầu khí Việt Nam
- 2010 - 2014: Phó Phòng, Phòng kinh doanh vốn liên ngân hàng - Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 2014 - 2015: Phó Phòng, Phòng định chế tài chính - Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 2015 - 04/2019: Trưởng Phòng, Phòng định chế tài chính - Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 06/04/2019 - 26/04/2021: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Ông Ngô Anh Sơn

Phó Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng.

- 1996 - 09/2007: Kế toán trưởng Công ty Tài chính Dệt May
- 10/2007 - 3/2014: Phó Tổng giám đốc Phụ trách Tài chính và Tư vấn doanh nghiệp Công ty cổ phần Chứng khoán VNS nay là Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu Tư Việt Nam
- 04/2014 - 10/2021: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Nam
- 03/11/2021 - 18/11/2021: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Bà Vũ Thị Trà My

Kế toán Trưởng

Cử nhân Kế toán-Kiểm toán, hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán

- 08/2008 - 06/2009: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Trường Thành
- 06/2009 - 09/2010: Kế toán tổng hợp - Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng HAVINCO
- 09/2010 - 08/2014: Kế toán tổng hợp - Công ty CP Tập đoàn F.I.T
- 08/2014 - 01/2019: Kế toán trưởng/Trưởng Phòng TCKT - Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Nam
- 02/2019 - 04/2019: Cán bộ Phòng TCKT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 01/04/2019 đến nay: Kế toán trưởng/Trưởng Phòng TCKT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Nhiệm

Trưởng Ban Kiểm soát
Thạc sĩ Tài chính Kế toán, hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán.

- 1986 - 09/1995: Tổ trưởng bộ môn kế toán, Trường Trung học TCKT I, nay là Trường Đại học Tài chính QTKD
- 10/1995 - 08/1997: Chuyên viên Kiểm toán Nhà nước
- 09/1997 - 12/2000: Tổ trưởng Kiểm toán nội bộ, Công ty Thủ công Mỹ Nghệ - Bộ Thương mại
- 01/2001 - 11/2006: Chuyên viên Ban TCKT, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 12/2006 - 12/2007: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 01/2008 - 04/2010: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 05/2010 - nay: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Bà Nguyễn Thị An

Thành viên Ban Kiểm soát
Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kiểm toán.

- 07/2002 - 06/2004: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH LT
- 06/2004 - 07/2006: Giao dịch viên Techcombank Thăng Long
- 07/2006 - 11/2007: Kiểm soát viên Techcombank Thăng Long
- 11/2007 - 01/2008: Phụ trách PGD Techcombank Phạm Sư Mạnh
- 01/2008 - 05/2010: Chuyên viên TDDN, PVFC Thăng Long
- 05/2010 - 10/2013: Phó phòng phụ trách Phòng KHDN, PVFC Láng Hạ
- 10/2013 - 10/2017: Trưởng BP Quản lý tín dụng đơn vị, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
- 10/2017 - Nay: Kiểm toán viên chính, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam

Ông Bùi Thế Anh

Thành viên Ban Kiểm soát
Cử nhân Tài chính Đầu tư, 20 năm kinh
nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

- 01/2002 - 12/2006: Chuyên viên đầu tư dự án/Tổ trưởng Tổ Kinh doanh Chứng khoán Phòng Đầu tư. Thành viên Ban chuẩn bị thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC)
- 01/2007 - 10/2009: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM/Giám đốc Ban Kinh doanh và Dịch vụ Chứng khoán/Trưởng phòng Môi giới và Lưu ký Chứng khoán/Trưởng phòng Đầu tư, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 11/2009 - 12/2010: Giám đốc Ban kinh doanh/Trưởng ban Chuyển đổi và Tái cấu trúc Công ty
- 01/2011 - 04/2017: Phó Giám đốc Công ty/Trưởng Ban Đầu tư và Kinh doanh Tài sản, kiêm Trưởng ban quản lý Khu nghỉ dưỡng Nirvana Resort/Giám đốc Ban Kế hoạch và Kiểm soát/Giám đốc Ban Kế hoạch Tổng hợp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (trước đây là PVFC Invest)
- 06/2015 - 04/2015: Phó Giám đốc Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thành Việt
- 11/2015 - 04/2017: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội

CÁC RỦI RO



Rủi ro về kinh tế thế giới

Rủi ro về kinh tế thế giới là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế.

Năm 2021, có nhiều sự kiện nổi bật của kinh tế thế giới: Kinh tế thế giới đã trải qua đợt suy thoái tồi tệ nhất do tác động của đại dịch COVID-19; Thương mại toàn cầu bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy; Giá cước vận tải biển tăng vọt do tắc nghẽn chuỗi cung ứng; Khủng hoảng thị trường lao động do sự tác động nghiêm trọng của Đại dịch COVID-19 gây tổn thất lớn về thu nhập lao động trong năm 2021; Thị trường chứng khoán toàn cầu đã ghi nhận đà tăng lịch sử; Giá dầu thô Brent tăng hơn 50%; Ngành du lịch và hàng không thế giới phục hồi chậm; Khủng hoảng nợ trong ngân địa ốc Trung Quốc với tâm điểm là China Evergrande Group đã hình thành nỗi lo về bong bóng tài sản; Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ (Fed) tuyên bố đẩy nhanh cắt giảm chương trình nới lỏng và dự kiến tăng lãi suất trong giai đoạn cuối năm 2021.



Biến động về tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán.

Dịch COVID-19 tác động nghiêm trọng tới nền kinh tế, tuy nhiên với những giải pháp hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội", kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP của Việt Nam năm 2021 là 2,58%.

Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021. Đỉnh cao nhất là vào ngày 25/11 khi VN-Index chạm mốc 1.500,81 điểm. Tính đến ngày 28/12/2021, VN-Index đạt 1.494,39 điểm, tăng 35,4% so với cuối năm 2020. Chỉ số HNX-Index đạt mức 458,05 điểm, tăng 125,5% so với cuối năm 2020. Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ và tăng mạnh nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt thị trường. Tính chung từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 26.564 tỷ đồng/phiên, tăng 258% so với bình quân năm 2020.

Thị trường trái phiếu tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng với lượng phát hành trái phiếu doanh nghiệp cao đạt xấp xỉ 644.000 tỷ đồng (quy đổi cả lượng trái phiếu quốc tế), cho thấy nhu cầu huy động vốn tăng; nhà đầu tư đã tiếp tục đa dạng hóa danh mục đầu tư sang TPDN trong bối cảnh lãi suất giảm và ổn định ở mặt bằng thấp. Đồng thời, giai đoạn đầu các văn bản pháp lý mới đi vào hiệu lực, các thành viên trên thị trường đã dần làm quen và thích ứng.



Rủi ro Lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, tăng lạm phát có tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Lạm phát cũng là một loại rủi ro hệ thống, do đó vượt ngoài phạm vi điều chỉnh của doanh nghiệp.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2021 chỉ tăng 1.84% so với cùng kỳ nhờ hầu hết các nhóm hàng hóa cơ bản như thực phẩm, dịch vụ ăn uống, may mặc gần không có nhiều biến động về giá. Lạm phát được kiểm soát tốt đã tạo môi trường thuận lợi để các biện pháp nới lỏng tiền tệ phát huy vai trò hỗ trợ nền kinh tế.



Rủi ro Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất đối với công ty chính là trường hợp giá chứng khoán thay đổi do lãi suất thị trường dao động thất thường. Giữa lãi suất thị trường và giá chứng khoán có mối quan hệ tỷ lệ nghịch. Khi lãi suất thị trường tăng, nhà đầu tư có xu hướng bán chứng khoán để lấy tiền gửi vào ngân hàng dẫn đến giá chứng khoán giảm và ngược lại.

Ngoài hệ quả trực tiếp đối với giá chứng khoán, lãi suất còn ảnh hưởng gián tiếp đến giá cổ phiếu thông qua thị trường tiền tệ. Khi lãi suất tăng làm giá cổ phiếu giảm vì các nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục đầu tư để tránh rủi ro. Nhiều công ty kinh doanh chứng khoán hoạt động chủ yếu bằng vốn đi vay thì với mức lãi suất tăng cũng làm cho chi phí vốn tăng.

Năm 2020, lãi suất tiền gửi tại Việt Nam không có nhiều biến động. Mặt bằng lãi suất thấp vẫn được duy trì xuyên suốt năm, điều này giúp hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch tác động phức tạp lên hoạt động sản xuất-kinh doanh. Việc lãi suất ở mức thấp có tác dụng làm tăng khả năng cung tiền từ hệ thống ngân hàng ra nền kinh tế và thị trường chứng khoán “vô tình” lại là đối tượng hưởng lợi.



Rủi ro Tỷ giá Hối đoái

Công ty Chứng khoán Dầu khí ít bị tác động trực tiếp từ sự biến động tỷ giá. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh có thể bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định thông qua sự tác động đến thị trường chứng khoán.

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Nhiệm vụ công tác quản lý tỷ giá là bảo đảm sự ổn định tiền tệ và tỷ giá, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Năm 2021 đã đi qua ghi nhận sự ổn định ở mức cao của tỷ giá và đánh dấu một năm điều hành thành công của Ngân hàng Nhà nước.



Rủi ro về Pháp luật

Khung pháp lý trên thị trường chứng khoán được hoàn thiện: Luật Chứng khoán mới được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 ("Luật chứng khoán 2019"). Luật Chứng khoán 2019 được sửa đổi toàn diện, nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, phát triển thị trường chứng khoán ổn định, vững chắc, cấu trúc hoàn chỉnh với nhiều cấp độ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, tăng cường hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm chứng khoán cho thị trường chứng khoán, mở rộng thị trường chứng khoán có tổ chức, thu hẹp thị trường tự do; thu hút nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; tăng cường tính công khai, minh bạch trên thị trường. Cơ sở pháp lý về việc phát hành và niêm yết được sửa theo hướng chặt chẽ hơn, đồng thời quy định về các nội dung công bố thông tin, quản trị doanh nghiệp được nâng cao tính minh bạch, từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế giúp sàng lọc loại bỏ các doanh nghiệp có năng lực kém, hoạt động không hiệu quả, tạo nguồn cung các mã cổ phiếu có chất lượng cao cho nhà đầu tư.

Cùng với những quy định mới của Luật chứng khoán 2019, Luật doanh nghiệp 2020, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP về phát hành TPDN riêng lẻ và các văn bản hướng dẫn thi hành, tác động tổng thể hoạt động của công ty chứng khoán từ các nghiệp vụ đến hoạt động quản trị công ty. Do đó, trong năm 2021, công ty chứng khoán PSI đã có nhiều đổi mới nhằm đáp ứng các tiêu chí và tiêu chuẩn mới.

Ngoài rủi ro pháp lý về luật pháp nói chung, trong hoạt động của các công ty chứng khoán còn có loại rủi ro pháp lý phát sinh từ sự xung đột về quyền và lợi ích giữa Công ty và các đối tác hay khách hàng có thể gây những bất lợi cho Công ty. Để phòng tránh rủi ro, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí luôn có thái độ tôn trọng và chấp hành Pháp luật một cách nghiêm túc. Công ty có các chuyên gia pháp lý giỏi, giàu kinh nghiệm trợ giúp cho Ban Lãnh đạo Công ty và các bộ phận, phòng ban của Công ty hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật, tháo gỡ những khó khăn về pháp lý có thể xảy ra trong quá trình hoạt động. Vì những lý do đó, Công ty có thể kiểm soát, hạn chế tối đa được loại rủi ro này.



Rủi ro Nguồn nhân lực

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Do đó, nguồn nhân lực cũng là một yếu tố cạnh tranh khá mạnh. Trong điều kiện cạnh tranh khá gay gắt về nhân sự trong ngành chứng khoán, PSI luôn thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển.

PSI luôn hướng đến chế độ đãi ngộ dựa trên giá trị mà đội ngũ nhân viên PSI tạo ra cùng cơ sở hài hòa với lợi ích của công ty và quy định của nhà nước Việt Nam. Năm 2021, đại dịch COVID-19 đã làm ảnh hưởng nặng nề lên các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực. Trong bối cảnh đó, PSI vẫn nỗ lực duy trì đầy đủ mức lương, thưởng cho nhân viên, đảm bảo các phúc lợi theo quy định của pháp luật như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe hoặc chương trình khám sức khỏe định kỳ.

Ngoài ra, PSI cũng chú trọng tới việc đào tạo nhằm xây dựng nguồn nhân lực có nền tảng kiến thức vững vàng. Trong năm 2021, chúng tôi đã tổ chức thành công các buổi đào tạo nội bộ, đào tạo hội nhập nhằm giúp nhân viên trong công ty nắm được giá trị cốt lõi của công ty, nâng cao kỹ năng và kiến thức. Bên cạnh đó, công ty cũng tiến hành cử cán bộ đi học các lớp đào tạo kiến thức, chứng chỉ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhằm cung cấp, kiến thức ngành, các thay đổi liên quan đến khung pháp lý, môi trường kinh doanh, hoạt động kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam và kỹ năng trong công việc.



Rủi ro về Cạnh tranh

Cạnh tranh là quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường, luôn tồn tại trong bất cứ môi trường hoạt động kinh doanh nào. Cuộc cạnh tranh giành thị phần của các công ty chứng khoán tại thị trường Việt Nam đang diễn ra khá gay gắt, cụ thể:

- Cuộc cạnh tranh về giảm mức phí dịch vụ nhằm thu hút khách hàng, giành thị phần;
- Cạnh tranh chiếm lĩnh địa bàn kinh doanh thuận lợi;
- Cạnh tranh về việc đầu tư, trang bị công nghệ thông tin hiện đại;
- Cạnh tranh trong việc sáng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, hấp dẫn các nhà đầu tư;
- Cạnh tranh nhân sự có chất lượng cao.



Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
2	NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH	5
3	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	6
4	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	7
5	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	8
6	YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG	9
7	VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	10





1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ mặc dù vẫn xuất hiện những nhịp điều chỉnh do tác động của đại dịch, khi xuất hiện biến chủng virus COVID-19 mới Delta và Omicron. Theo đó, chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới, đỉnh cao nhất là vào ngày 25/11 khi VN-Index chạm mốc 1.500,81 điểm. Tính chung cả năm 2021, VN-Index đã tăng gần 36% so với thời điểm cuối năm 2020 và lọt Top 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới. Thanh khoản đạt kỷ lục nhờ dòng tiền mạnh mẽ từ nhà đầu tư cá nhân. Cụ thể, thanh khoản tăng 250% so với năm 2020, ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục 2,3 tỷ USD.

Thị trường cũng tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các CTCK trong hoạt động tăng vốn chủ sở hữu để tăng năng lực cho vay ký quỹ, cạnh tranh phí giao dịch và ứng dụng công nghệ mới để tăng trải nghiệm khách hàng.

Với nền tảng con người và công nghệ được xây dựng sau 3 năm thực hiện chiến lược đổi mới, tận dụng cơ hội thị trường, Công ty chứng khoán Dầu khí (PSI) đã đạt kết quả kinh doanh vượt trội trong năm 2021.

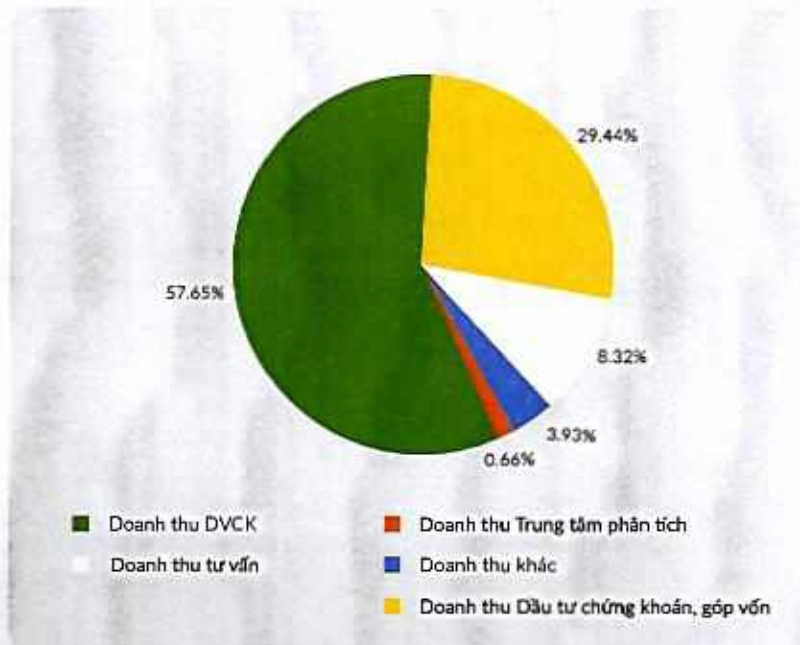
ĐVT: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH 2021	THỰC HIỆN 2021	THỰC HIỆN 2020	SỐ SÁNH TH 2021 VỚI TH 2020	SỐ SÁNH TH 2021 VỚI KH 2021
I	Tổng doanh thu	180,0	455,3	158,6	287%	253%
1	Doanh thu DVCK	130,0	262,5	106,2	247%	202%
1.1	Môi giới chứng khoán	36,5	126,6	33,6	377%	347%
1.2	Lưu ký chứng khoán	7,0	6,9	6,6	104%	99%
1.3	Dịch vụ tái chính	80,0	120,8	61,7	196%	151%
1.4	Doanh thu khác	6,5	8,1	4,32	188%	125%
2	Doanh thu Đầu tư chứng khoán, góp vốn	14,0	134,1	21,9	611%	957%
3	Doanh thu tư vấn	25,0	29,9	15,5	193%	120%
4	Doanh thu Trung tâm phân tích	4,5	3,0	3,1	98%	67%
5	Doanh thu khác	6,5	25,9	11,9	218%	399%
II	Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	25,0	55,0	22,5	244%	220%
III	Lợi nhuận sau thuế	7,9	27,1	6,9	392%	344%

Nguồn: Báo cáo tài chính PSI

Năm 2021, PSI ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 455,3 tỷ đồng, hoàn thành 253% kế hoạch năm 2021 và vượt 187% so với thực hiện năm 2020.

Trong đó, doanh thu dịch vụ chứng khoán đóng góp nhiều nhất khi chiếm đến khoảng 57,6% tổng doanh thu của công ty. Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn chiếm khoảng 29,4% doanh thu.



Chi phí năm 2021 tăng chủ yếu đến từ chi phí môi giới và chi phí lãi vay do phát hành trái phiếu huy động vốn.

Kết quả lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2021 đạt 27,1 tỷ đồng - tăng 292% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 344% kế hoạch năm 2021. Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và đánh giá lại tài sản tài chính là 32 tỷ đồng. Do vậy lợi nhuận trước trích lập dự phòng và đánh giá lại tài sản tài chính năm 2021 đạt 55 tỷ đồng, tăng 144% so với năm trước và đạt 220% kế hoạch lợi nhuận trước đánh giá lại tài sản kế hoạch năm 2021.

CỤ THỂ DOANH THU TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2021 NHƯ SAU:

Doanh thu Dịch vụ Chứng khoán

năm 2021 đạt 262,5 tỷ đồng, bằng 202% kế hoạch năm 2021; và vượt 147% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu dịch vụ tài chính đạt 120,8 tỷ, bằng 125% kế hoạch năm 2021 và tăng 88% so với năm 2020.

Doanh thu Dịch vụ tài chính tăng trưởng là do năm 2021 PSI đã phát hành 05 đợt phát hành Trái phiếu, với tổng giá trị phát hành thành công là 1.182.200.000.000 đồng bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Dự nợ cho vay Margin bình quân tăng trưởng từ mức 305 tỷ (năm 2019) lên mức 480,5 tỷ (năm 2020) lên mức 1.024 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021), tiến sát ngưỡng 200% vốn chủ sở hữu. Doanh thu môi giới đạt 126,6 tỷ, tương đương 347% kế hoạch năm 2021 và tăng 277% so với năm 2020. Doanh thu lưu ký đạt 6,9 tỷ, tương đương 99% kế hoạch năm, và tăng 4% so với năm 2020.

Năm 2021 là lần đầu tiên trong lịch sử hoạt động, PSI đạt mốc dư nợ margin vượt 200% Vốn chủ sở hữu, tương đương 1.266 tỷ (10/11), dư nợ bình quân 11 tháng đầu năm đạt 918 tỷ, tăng trưởng 90% so với cùng kỳ năm 2020 (485 tỷ), Phí giao dịch 1 tháng vượt mốc 17,7 tỷ (tháng 06/2021), Phí giao dịch ngày cao nhất lên tới 1,4 tỷ/ngày (03/06/2021).

262,5

tỷ đồng

Đạt 202% kế hoạch



Doanh thu từ hoạt động tư vấn

năm 2021 đạt 29,9 tỷ đồng, đạt 120% so với kế hoạch năm. Khối tư vấn đã có những chuyển biến tích cực trong việc tìm kiếm, duy trì hệ thống khách hàng trong và ngoài ngành, phát triển tập hợp khách hàng mới. Đóng góp trong thành tích của Khối Tư vấn có các khách hàng tiêu biểu như PVN và các đơn vị trong ngành như PVEP, PV POWER, BSR, PVOIL, PVGas, PVChem...

Trong năm 2021, PSI luôn đồng hành với các đơn vị trong ngành để tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn, phát hành cổ phiếu, trái phiếu và góp phần tạo nên thành công của các đơn vị trong công tác tái cấu trúc doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, năm 2021, PSI là một trong những công ty chứng khoán đứng đầu về tư vấn và phân phối trái phiếu doanh nghiệp, với tổng giá trị tư vấn và thu xếp gần 13.000 tỷ trong năm với các khách hàng tiêu biểu như: Công ty Cổ phần TIKI, Công ty Cổ phần Tập đoàn địa ốc Nova, Công ty tài chính TNHH MB Shinsei, Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc...

29,9

tỷ đồng

Đạt 120% kế hoạch



Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

năm 2021 là 134 tỷ đồng, đạt 957% so với kế hoạch năm được giao và lợi nhuận là 19 tỷ, đạt 736% kế hoạch. Hoạt động đầu tư tài chính của PSI gồm 4 mảng kinh doanh chính: Kinh doanh trái phiếu chính phủ, đầu tư kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư cổ phiếu niêm yết, thoái vốn OTC.

134

tỷ đồng

Đạt 957% kế hoạch



Doanh thu Trung tâm phân tích

Trung tâm phân tích của PSI có doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ Quan hệ nhà đầu tư (IR) và truyền thông cho các khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức trong nước. Trong năm, với việc cung cấp dịch vụ cho nhiều khách hàng lớn tại Việt Nam như PV POWER, FECON, các doanh nghiệp trong bộ chỉ số PVN-Index, Trung tâm phân tích đã đạt được doanh thu là 3,01 tỷ đồng.

3,01

tỷ đồng



Doanh thu khác

đạt 25,9 tỷ đồng, bằng 400% kế hoạch và tăng 118% so với năm trước. Trong năm 2021, công ty đã huy động vốn bằng việc phát hành Trái phiếu với tổng giá trị hơn 1.100 tỷ đồng nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tài chính và đầu tư tự doanh, đưa quy mô Tài sản tăng trưởng 168% năm 2021.

25,9

tỷ đồng

Đạt 400% kế hoạch



2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

- Chấm dứt HĐLĐ đối với ông Bùi Huy Long - Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 26/04/2021 theo Quyết định số 29/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 26/04/2021.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Mạnh Cường - Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 27/02/2021 theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 26/02/2021

- Bổ nhiệm ông Ngô Anh Sơn - Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 3/11/2021 theo Quyết định số 77/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 27/10/2021

- Miễn nhiệm ông Ngô Anh Sơn - Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 18/11/2021 theo Quyết định số 82/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 22/11/2021

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- **Đối với hoạt động đầu tư mới**

Các hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong năm 2021 được xây dựng phương án đầu tư trên cơ sở phân tích dự báo tình hình thị trường và kinh tế trong, ngoài nước. Các cơ hội đầu tư đều được đánh giá độc lập bởi Trung tâm Phân tích PSI nhằm đảm bảo sự an toàn trong danh mục đầu tư và hạn chế những rủi ro từ các yếu tố thị trường. Thông qua các phương án đầu tư đã được kiểm định, PSI đánh giá và triển khai các cơ hội đầu tư phù hợp trong từng thời điểm giải ngân.

Trong năm, PSI đã thực hiện đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp có nền tảng tốt, mang lại nguồn lợi tức ổn định. PSI cũng phát triển các sản phẩm bán lẻ trái phiếu nhằm đa dạng hóa các kênh đầu tư hướng tới đáp ứng đa dạng nhu cầu của Khách hàng.

- **Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư**

Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh Đạo Công ty tiếp tục tập trung vào nhiệm vụ cơ cấu lại danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, giảm tỷ lệ đầu tư chứng khoán chưa niêm yết xuống tỷ lệ theo đúng quy định.

PSI tích cực tìm kiếm các cơ hội thoái vốn các khoản đầu tư trong danh mục để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Đồng thời, kiện toàn nhân sự quản lý danh mục đầu tư nhằm tăng cường vai trò giám sát, quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. PSI đã đề cử Người đại diện vốn góp của PSI tham gia ứng cử các vị trí quản trị và giám sát tại các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư.

Bộ phận chức năng đã chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật và báo cáo định kỳ hàng tháng.



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHI TIÊU ĐƠN VỊ: VNĐ	NĂM	
	2021	2020
Tổng giá trị tài sản	2.215.989.665.281	1.273.705.613.494
Doanh thu thuần	455.403.677.272	158.478.142.848
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.438.251.736	6.468.010.385
Lợi nhuận khác	127.418.651	132.737.624
Lợi nhuận trước thuế	43.565.670.387	6.600.748.009
Lợi nhuận sau thuế	35.152.851.231	6.934.417.960
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		
Lợi nhuận còn lại của năm	27.135.951.231	6.934.417.960
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PSI

Các chỉ số tài chính chủ yếu

CHI TIÊU	NĂM		GHI CHÚ
	2021	2020	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,36	1,74	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,36	1,74	Không có hàng tồn kho
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,71	0,51	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,40	1,04	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,21	0,12	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,10	0,04	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PSI

Trong năm 2021, thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng, nhu cầu vay ký quỹ và các dịch vụ và sản phẩm đầu tư tăng tương ứng, Theo đó, quy mô bảng cân đối kế toán của PSI đã tăng thêm 74,7% so với cùng kỳ lên 2.216 tỷ đồng, Cho vay khách hàng và tài sản tài chính là hai khoản mục tài sản tăng mạnh nhất trong năm. Trong bối cảnh nhu cầu cho vay ký quỹ của khách hàng tăng mạnh, PSI đã tăng danh khoản mục cho vay thêm 84,7% lên 1.159 tỷ đồng, PSI đã tài trợ cho việc mở rộng bảng cân đối kế toán chủ yếu thông qua các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành ngắn hạn. Điều này dẫn đến việc tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 1,04 lên 2,4 lần vào thời điểm cuối năm 2021. Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản tăng từ 0,51 lên 0,71 lần vào cuối năm 2021. Hệ số khả năng thanh toán (1,36) cho thấy năng lực tài chính của PSI vẫn khá tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn của công ty vẫn được duy trì. Bên cạnh đó, chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng so với năm 2020 cho thấy sự cải thiện trong khả năng sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của PSI.

Các hệ số lợi nhuận của PSI đều có sự tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm trước, điều này tạo ra lợi tức hấp dẫn trên vốn của cổ đông và cho thấy sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của công ty.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Vốn góp tại 31/12/2020		
		Số lượng	Giá trị [đồng]	Tỷ lệ
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	30.622.674	306.226.740.000	51,17%
2	SMBC Nikko Securities Inc,	8.916.300	89.163.000.000	14,90%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thành Việt	7.500.000	75.000.000.000	12,53%
4	Các cổ đông khác	12.802.326	128.023.260.000	21,40%
	Cộng	59.841.300	598.413.000.000	100,00%

Tình hình thay đổi tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Nikko Cordial Securities Inc.	8.916.300	14,90%
2	Công ty Đầu tư Tài chính Thành Việt	3.931.200	6,57%
3	Ngân hàng Đại chúng (PVcombank)	30.622.674	51,17%
4	Cổ đông khác	16.371.126	27,36%
	Tổng cộng	59.841.300	100,00%

6. YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

6.1. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Về công nghệ, từ năm 2019, PSI chính thức đưa vào vận hành Core giao dịch chứng khoán theo chuẩn mực của Nhật Bản, giúp tối ưu thời gian đặt lệnh và tối giản trong thao tác, tăng hiệu quả giao dịch. Trong năm 2020, PSI liên tiếp ứng dụng các giải pháp giao dịch trực tuyến trong các hoạt động Mở tài khoản, Quản lý tài sản P-Money, Giao dịch trái phiếu... để gia tăng tiện ích và an toàn cho khách hàng, đặc biệt trong giai đoạn dịch covid. Hiện tại, hệ thống bảng giá của PSI thuộc top các công ty có tốc độ hiển thị nhanh nhất trên thị trường.

Với sự phát triển của công nghệ trong ngành tài chính chứng khoán, cũng như sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán, PSI đã xây dựng các sản phẩm tiện ích như: Mở tài khoản online trên ứng dụng PSI Mobile, PSI Online Trading; Thu chi hộ với ngân hàng BIDV; Tích hợp smartOPT đã được triển khai thành công. Việc đầu tư hệ thống phần mềm, phần cứng phục vụ giao dịch từ trước đó đã phát huy hiệu quả mạnh mẽ trong năm nay, đáp ứng được yêu cầu về sự phát triển nhanh chóng mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Nhằm nâng cao năng lực về vận hành hệ thống, phòng công nghệ thông tin trong năm qua đã bổ sung thêm 05 cán bộ từ quản lý đến vận hành trực tiếp. Các nhân sự trong phòng đều ý thức tốt về công việc và trách nhiệm được giao phó. Việc chủ động tự học hỏi hoặc đăng ký các khóa học bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn phục vụ công việc cũng được đề cao với sự hưởng ứng tích cực của các nhân sự,

6.2. NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến ngày 31/12/2021, tổng số lượng cán bộ nhân viên Công ty là 158 cán bộ, trong đó:

Số lượng cán bộ nhân viên Công ty

Hội sở chính - Hồ Nội 121 cán bộ

Chi nhánh Hồ Chí Minh 22 cán bộ

Chi nhánh Vũng Tàu 08 cán bộ

Chi nhánh Đà Nẵng 07 cán bộ

6.2.1. Chính sách đãi ngộ, tuyển dụng nhân tài
Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu chính sách tuyển dụng của công ty là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực chung, năng lực chuyên môn và tố chất cá nhân phù hợp văn hóa Công ty và vị trí công việc của ứng viên. Công ty cũng ban hành mới Quy chế tuyển dụng lao động và Quy trình tuyển dụng thực tập sinh để chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn tuyển dụng.

Chính sách đào tạo: Chính sách đào tạo hằng năm nhằm phát triển năng lực cho mọi cấp bậc nhân viên, Công ty đã chú trọng đào tạo hội nhập, đào tạo kỹ năng tin học văn phòng, đào tạo chứng chỉ chuyên môn và kỹ năng làm việc khác. Hình thức đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo bên ngoài (trong và nước ngoài) và bên trong (huấn luyện/đào tạo tại chỗ bởi đội ngũ quản trị viên - giảng viên nội bộ). Quy chế Đào tạo được ban hành tháng 08/2021 đã góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo của PSI.

Chính sách đãi ngộ:

Trong năm 2021, Công ty đã ban hành Quy định trả lương và điều chỉnh phương án chi lương năng suất, giúp việc chi trả lương gắn với hiệu quả công việc của từng đơn vị và cá nhân, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty.

Mục tiêu hướng tới:

- Trả công xứng đáng trên cơ sở năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc của người lao động;
- Duy trì đội ngũ nhân lực giỏi, tận tâm;
- Hấp dẫn đội ngũ lãnh đạo có năng lực xuất sắc và phẩm chất tốt;
- Khuyến khích người lao động tự hoàn thiện bản thân phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển của Công ty;
- Gắn kết sự thành đạt của cá nhân với thành công của Công ty.

6.2.2 Chính sách chăm sóc sức khỏe, đời sống người lao động của Công đoàn PSI

a) Tham mưu, tham gia xây dựng, triển khai, giám sát thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổ chức Tổng kết hoạt động Công Đoàn 2020, Hội nghị Người lao động 2021, Tham gia đóng góp ý kiến trong Hội đồng Lương, Hội đồng Thi đua khen thưởng;
- Đóng góp ý kiến đối với Quy chế Lương, Nội quy Lao động Công ty;

b) Chăm lo đời sống vật chất:

- Thanh toán chế độ chính sách cho cán bộ PSI theo từng Quý: sinh nhật, thăm hỏi, hiếu hỉ... Ban Chính sách Xã hội thực hiện tổng hợp danh sách trong cuối mỗi quý, thực hiện kiểm tra, chi trả cho người lao động trong tháng tiếp theo.
- Tổ chức, tham gia các hoạt động hiếu, hỉ nội bộ của đơn vị: BCH Công đoàn thực hiện ứng trước các trường hợp thăm hỏi, động viên cán bộ, thân nhân cán bộ trong các trường hợp phải nằm viện điều trị. Việc hiếu hỉ của cán bộ được đầu mối Công đoàn thông báo bằng email, BCH Công đoàn hoặc đại diện luôn cố gắng sắp xếp thời gian để tham gia động viên công đoàn viên;
- Chỉ khuyến khích cho toàn thể người lao động Tết Âm lịch Tân Sửu (chi hỗ trợ Tết và Li xì Công đoàn);
- Lên kế hoạch, đề xuất định mức cho nghỉ mát, thực hiện chi hỗ trợ cho CBNV trong năm 2021 mức 3.000.000 người;
- Năm 2021 do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19, các trụ sở của PSI hầu hết tại các tỉnh thành phố đông dân cư, bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch bệnh. Đến thời điểm hiện tại việc tổ chức thăm khám bệnh vẫn còn nhiều thủ tục phải tuân thủ, BCH Công Đoàn đã nắm bắt và đang đề xuất thăm khám sức khỏe cho CBNV thực hiện trong Quý I/2022;
- Phối hợp cùng phòng TCHC mở rộng diện cán bộ được hưởng bảo hiểm khám chữa bệnh ngay sau khi có hợp đồng lao động chính thức với Công ty, Ký hợp đồng Bảo hiểm khám chữa bệnh với Bao Viet Health Care, hỗ trợ cán bộ công ty đăng ký gói bảo hiểm cho thân nhân.

- Năm 2021, Công đoàn PSI tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hướng dẫn của Công đoàn PVcomBank, Công đoàn Dầu khí;
- Nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng CBNV, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của CBNV: thực hiện đầy đủ và kịp thời khi NLĐ gặp khó khăn, vướng mắc;
- Công đoàn thực hiện giới thiệu các quần chúng/thanh niên ưu tú tham gia các lớp Cảm tình Đảng, hướng dẫn hỗ trợ để các đồng chí thanh niên có cơ hội đứng trong hàng ngũ của Đảng.
- Phối hợp tổ chức chương trình về nguồn của Đảng bộ PSI;

01

Công tác chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động

02

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng

03

Công tác
nữ công

- Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03/2021: Ngày hội áo dài, tổ chức tặng quà cán bộ nữ PSI; phối hợp cùng Đoàn thanh niên PSI tổ chức tặng quà cán bộ nữ tại Hà Nội và chi hỗ trợ đối với các Chi nhánh;
- Do điều kiện chưa cho phép, thực tế khó khăn trong công tác tổ chức nên Công Đoàn PSI vẫn thực hiện chi hỗ trợ cán bộ nữ chi phí khám chuyên khoa định kỳ;
- Thực hiện chi hỗ trợ đồ dùng học tập cho con CBNV đợt Trung thu, chi Tết thiếu nhi 01/06;

04

Công tác Văn
hoá văn nghệ,
Thể dục thể thao

- Đầu mối phát động các cuộc thi PSI_12 Mùa Hoa, cuộc thi bài viết Tự Hào PSI chào mừng 15 năm thành lập Công ty;
- Đóng góp cho hoạt động, tổ chức của Đội bóng đá PSI, hỗ trợ chi phí duy trì sinh hoạt của Đội bóng;
- Lực lượng cán bộ Đoàn Thanh niên đông đảo, nhiệt huyết là đầu mối phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động phong trào của Công ty, các hoạt động văn hóa quần chúng trong các dịp Lễ, Tết tại Công ty,

05

Công tác theo
dõi, đánh giá và
đề xuất thi đua
khen thưởng
công đoàn

- Thực hiện theo dõi hoạt động phong trào và đề xuất khen thưởng cá nhân tích cực trong hoạt động Công đoàn, Hàng năm đều có đánh giá, động viên ACE có đóng góp cho các hoạt động phong trào của Công ty,

7. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa dầu khí: Khát vọng và nhiệt huyết là giá trị nổi bật trong văn hóa dầu khí, được xây dựng và bồi đắp suốt 60 năm phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, gắn liền với hình ảnh "những người đi tìm lửa". Đây là giá trị được PSI - công ty thành viên của PVN luôn gìn giữ và phát huy.

Khát vọng của PSI là khẳng định vị thế và bản sắc riêng trên thị trường: Một Ngân hàng đầu tư tập trung vào lĩnh vực năng lượng.

Nét riêng trong Văn hóa PSI đó chính là (1) Sự cần mẫn kiên trì của người làm nghề dịch vụ tài chính (2) Sự năng động, nhạy bén của người làm ngành chứng khoán (3) Đoàn kết, hỗ trợ giữa các thành viên.

Các giải pháp của PSI để xây dựng văn hóa doanh nghiệp: (1) Phát triển môi trường làm việc cởi mở, tạo điều kiện phát huy năng lực và mở ra cơ hội phát triển cho mỗi cá nhân (2) Thúc đẩy hoạt động truyền thông nội bộ để làm cầu nối giữa tiếng nói của Ban lãnh đạo với lao động, giúp 2 bên thấu hiểu nhau, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và gắn kết các nhân sự, truyền tải tinh yêu doanh nghiệp, tạo nên sức mạnh tập thể.



Tại PSI, con người là một trong 2 nền tảng và luôn được xem là tài sản trân quý nhất. Ban lãnh đạo quan điểm "công ty là ngôi nhà thứ 2", cần tạo dựng môi trường lành mạnh, công bằng, tạo động lực phấn đấu và phát huy khả năng của mỗi cá nhân, giúp họ yên tâm công tác và luôn mang trong mình niềm tự hào khi là thành viên của công ty. Chính sách thu nhập cho CBNV tại PSI luôn tương xứng những gì họ cống hiến và cạnh tranh với thị trường, Đời sống tinh thần cho người lao động luôn được quan tâm.

Đặc biệt, năm 2021 là dấu mốc kỷ niệm 15 năm thành lập công ty. PSI đã phát động các chương trình thi đua như phong trào "5S", "PSI League", "Miss Sport", "PSI_12 Mùa Hoa", "Tự Hào PSI", "PSI 15 Năm - Trường thành và Phát triển", "Mang tết về PSI". Các chương trình giúp nâng cao đời sống tinh thần của CBNV, tạo cảm hứng và nâng cao hiệu quả công việc.

Trong bối cảnh dịch bệnh giãn cách, hạn chế tiếp xúc, Lễ kỷ niệm 15 Năm đã được PSI chủ động triển khai đa dạng trong không gian công nghệ 4.0 với sân khấu ảo trên nền tảng livestream và kết nối trực tuyến giữa Hội sở tại Hà Nội với 3 chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu.



Phần III. DỰ BÁO NĂM 2022 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

1	TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021	4
2	THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2021	5
3	TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2022	6
4	MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2022	7



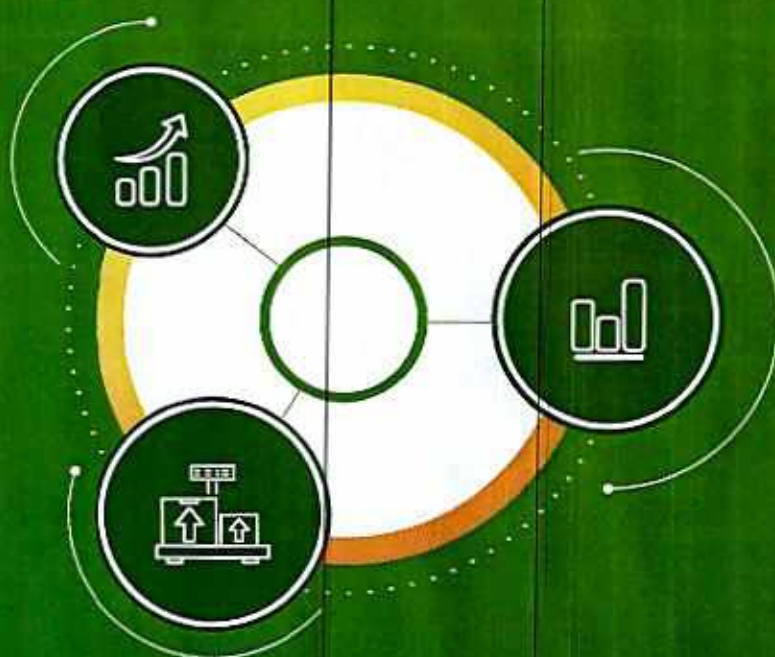
IN ĐÀO KHÍ VIỆT NAM








CHỨNG KHOÁN

NG MỞ PHÁP



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	%
1	 GDP		+2,58%
2	 Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)		+1,84%
3	 Tín dụng Huy động		+12,73% +10,40%
4	 Lãi suất tiền gửi		3M: 3,2-3,5% 6M: 3,8-5,2% 13M: 5,5-5,9%
5	 Vốn FDI đăng ký		+9,20%
6	 Xuất khẩu		+18,97%
7	 Nhập khẩu		+26,48%



Nền kinh tế Việt Nam năm 2021 phục hồi trong quý IV sau khi chịu đòn giáng nặng nề của dịch Covid-19 và các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng trên diện rộng khiến cho kinh tế đình trệ trong quý II và quý III. Tăng trưởng kinh tế cả năm đạt **2,58%** so với cùng kỳ 2020, mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.



Xuất nhập khẩu tiếp tục là yếu tố dẫn dắt tăng trưởng: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2021 đạt **668,5 tỷ USD**, tăng **22,6%** so với cùng kỳ. Cán cân thương mại thặng dư **4 tỷ USD**, khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ thương mại quốc tế.



Trong khi đó, ngành du lịch, dịch vụ ăn uống, lưu trú vẫn phải đối mặt với thách thức từ dịch bệnh. Cụ thể, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2021 giảm **3,8% YoY**, lượng khách quốc tế đến Việt Nam giảm **95,9% YoY**.



Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, CPI năm 2021 chỉ tăng **1,84%** so với cùng kỳ nhờ hầu hết các nhóm hàng hóa cơ bản như thực phẩm, dịch vụ ăn uống, may mặc gần không có nhiều biến động về giá. Lạm phát được kiểm soát tốt đã tạo môi trường thuận lợi để các biện pháp nới lỏng tiền tệ phát huy vai trò hỗ trợ nền kinh tế.

2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2021

TTCK Việt Nam là một trong những thị trường tăng trưởng mạnh nhất trên thế giới. Kết thúc năm 2021, chỉ số VN-Index đạt mức 1.498,28 điểm, tăng 1,34% so với tháng trước và tăng 35,73% so với đầu năm 2021; VN30 đạt 1.535,71 điểm, giảm 0,12% so với tháng trước và tăng 43,42% so với đầu năm 2021.

Thanh khoản thiết lập kỷ lục mới

Trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm xuống thấp trong 5 năm vừa qua đã giúp thanh khoản thị trường tăng trưởng mạnh mẽ. Lũy kế trong năm 2021, nhà đầu tư trong nước mở mới hơn 1,54 triệu tài khoản chứng khoán, lớn hơn tổng số tài khoản mở mới trong 3 năm 2018; 2019 và 2020 cộng lại (tổng 3 năm đạt 837.345 tài khoản).

Thanh khoản thị trường cổ phiếu thiết lập kỷ lục vào phiên ngày 20/08/2021 với giá trị giao dịch đạt mức 44.802.500 tỷ đồng, cao nhất trong 21 năm qua, và khối lượng giao dịch đạt hơn 1,5 tỷ cổ phiếu; trong tháng 12, giá trị và khối lượng giao dịch bình quân phiên lần lượt đạt trên 30.258 tỷ đồng và 1,08 tỷ cổ phiếu, giảm 19,6% về giá trị và 18,93% về khối lượng bình quân so với tháng trước. Tổng giá trị và khối lượng giao dịch cổ phiếu lần lượt đạt khoảng 695.925 tỷ đồng và 24,95 tỷ cổ phiếu, giảm lần lượt 15,94% về giá trị và 15,24% về khối lượng so với tháng 11.

Dư nợ cho vay (chủ yếu là cho vay margin) trên toàn thị trường tính tới cuối năm 2021 vào khoảng 193.000 tỷ đồng (~8,4 tỷ USD) và đây là con số kỷ lục trên TTCK Việt Nam từ khi thành lập tới nay.

Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng lớn với tổng giá trị thị phần của top 10 CTCK chiếm 67%, với nhiều tên tuổi quen thuộc như VPS, SSI, HSC, VNDIS... Tính chung cả năm 2021, VPS đã vươn lên đứng đầu về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có đảm bảo trên HOSE sau khi soán ngôi vua của SSI. Trước đó, VPS cả năm 2020 chỉ ở vị trí thứ 3 đã cho thấy sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các CTCK, bao gồm cả các CTCK nội và ngoại.

3. TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2022

3.1. TRIỂN VỌNG KINH TẾ

Theo ý kiến của GS, TS Trần Thọ Đạt - Chủ Tịch Hội đồng khoa học và Đào tạo, trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, cố vấn chiến lược của PSI, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022 được kỳ vọng sẽ phục hồi vững chắc hơn, thoát vùng đáy để hướng tới quỹ đạo tăng trưởng trước đại dịch. Mặc dù dịch bệnh có thể sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước, nhưng với cách tiếp cận thích ứng linh hoạt, an toàn và hiệu quả, động lực cho kinh tế phục hồi và phát triển sẽ nằm ở sự phục hồi của thị trường trong nước và mở cửa nền kinh tế.

01

Cầu trong nước

Cầu trong nước, trước hết ở tiêu dùng được dự báo sẽ có nhiều cải thiện nhờ gia tăng cả về số lượng lao động quay trở lại làm việc và mức thu nhập tốt hơn so với thời kỳ đỉnh dịch. Tái mở cửa nền kinh tế sẽ là cú hích quan trọng thúc đẩy cả xuất, nhập khẩu và các dòng vốn FDI hiện đang phục hồi mạnh mẽ. Các động lực này sẽ được gia tốc trong năm tới nhờ tận dụng các cơ hội của những hiệp định thương mại đã có hiệu lực cùng với đà phục hồi của kinh tế thế giới. Đầu tư công hứa hẹn sẽ có đột phá với những dự án lớn như sớm kết nối mạch đường cao tốc Bắc Nam phía Đông, hệ thống cao tốc phía Bắc, Đồng bằng sông Cửu Long...

02

Về phía cung

Về phía cung, các đường bay quốc tế được mở cửa trở lại là cơ hội cho các ngành thương mại và dịch vụ vốn đang bị ảnh hưởng nặng nề phục hồi sớm với tốc độ tùy thuộc vào khả năng kiểm soát dịch bệnh. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dự kiến sẽ duy trì vai trò dẫn dắt tăng trưởng, trong khi nông, lâm, thủy sản vẫn kiên định với vai trò trụ đỡ và điểm tựa của nền kinh tế. Những hạn chế về cơ sở hạ tầng là điểm nghẽn cần được tháo gỡ, trong đó cải thiện năng lực logistics sẽ giúp doanh nghiệp tận dụng được cơ hội phục hồi và cải thiện hiệu quả và chi phí sản xuất, kinh doanh.

Các tổ chức quốc tế cũng hết sức lạc quan với triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2022.

Tổ chức dự báo	Dự báo	Giải định cơ sở
Worldbank	GDP 2022: +5,5% YoY	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch Covid được kiểm soát cả trong nước và trên thế giới - Niềm tin tiêu dùng và đầu tư vững chắc - Sản xuất hưởng lợi từ nhu cầu ở các thị trường Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc phục hồi
Standard Chartered	GDP 2022: +6,7% YoY GDP 2022: +6,7% YoY Lạm phát 2022: 4,2%-5,5%	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng thu nhập nhanh hơn chỉ tiêu - Xuất khẩu được hỗ trợ bởi sự cải thiện trong thương mại quốc tế - Lạm phát từ cả hai phía cầu và cung là mối quan ngại chính.
HSBC	GDP 2022: +6,5% YoY Lạm phát 2022: 2,7%	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất: Việt Nam đang trên con đường trở thành công xưởng của châu Á nhờ nguồn lao động dồi dào, chi phí sản xuất thấp - Các hiệp định thương mại hỗ trợ xuất khẩu - FDI: Dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục chảy vào Việt Nam RCEP mở ra thêm nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài.
Fitch Ratings	GDP 2022: +7,9% YoY	<ul style="list-style-type: none"> - Động lực tăng trưởng kinh tế được duy trì là yếu tố tích cực, Việt Nam không trải qua năm nào kinh tế tăng trưởng âm trong suốt đại dịch - Xuất khẩu dẫn dắt tăng trưởng nhờ nhu cầu tăng trở lại từ khu vực các nước phát triển

Nguồn: WB, Standard Chartered, HSBC, Fitch Ratings, PSI tổng hợp

03

Xu thế Lãi suất

PSI kỳ vọng lãi suất huy động trong năm 2022 có thể tăng nhẹ sau năm 2021 đi ngang và lượng tiền gửi của người dân tăng trưởng thấp. Trong khi tăng trưởng tín dụng năm 2021 vẫn tương đối tốt thì huy động lại gặp khó khăn hơn do lãi suất kém hấp dẫn so với các kênh đầu tư khác. Chênh lệch giữa tín dụng và huy động trong hệ thống ngân hàng có xu hướng giảm. Vì vậy, để đạt được mục tiêu tăng trưởng tín dụng, các ngân hàng thương mại sẽ phải nâng lãi suất để thu hút thêm tiền gửi từ cá nhân. Một loạt các ngân hàng đều đã đưa ra các thông báo về việc điều chỉnh tăng lãi suất huy động ở nhiều kỳ hạn khác nhau. Lãi suất cho vay cũng được PSI dự báo là sẽ được điều chỉnh tăng từ nửa sau của năm 2022 do dự địa để Ngân hàng Nhà nước thực hiện nới lỏng tiền tệ không còn nhiều. Áp lực lạm phát gia tăng dưới tác động của yếu tố chi phí đẩy khiến cho NHNN có thể sẽ thu hẹp quy mô của các chính sách tiền tệ nới lỏng, làm thanh khoản hệ thống ngân hàng giảm bớt và đẩy chi phí sử dụng vốn của các ngân hàng tăng lên. Như vậy, để duy trì NIM và hiệu quả hoạt động, các ngân hàng thương mại cũng sẽ phải nâng dần lãi suất cho vay.

3.2. DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2022

Những thông tin lạc quan về tiến độ tiêm chủng và nới lỏng dần các chỉ thị giãn cách xã hội nghiêm ngặt đang và sẽ tiếp tục tạo tâm lý tích cực cho thị trường trong giai đoạn cuối năm 2021 và kéo dài đến năm 2022.

Việt Nam là một trong 20 nước trên thế giới có số liều vaccine tiêm chủng nhiều nhất, đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia) và đứng thứ 7 trong châu Á và là một trong nhóm 3 nước có tốc độ tiêm nhanh nhất thế giới tính theo số liều tiêm theo ngày và theo tuần, 14/63 tỉnh có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vaccine cho trên 95% dân số từ 18 tuổi trở lên và 12/63 tỉnh có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều vaccine cho dân số từ 18 tuổi trở lên đạt trên 50%.

Theo dự phóng của IMF, sau khi thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh tế, tỷ lệ nợ công có thể tăng lên 47,1% vào cuối năm 2021. Đây là dư địa để Chính phủ có thể thực hiện các gói kích thích kinh tế mới và đẩy mạnh đầu tư công trong năm 2022.

Tuy nhiên, vẫn còn yếu tố bất trắc đó là Covid sẽ như thế nào, chủng mới như Omicron gây tác động ra sao, thậm chí là liệu sẽ có thêm biến chủng mới nguy hiểm hơn hay không? Lộ trình thắt chặt tiền tệ của Fed sẽ ảnh hưởng như thế nào đến nền kinh tế? Đó sẽ là những rủi ro hoàn toàn có thể ảnh hưởng đến xu hướng tăng điểm của thị trường.

Từ những luận điểm trên, PSI cho rằng chỉ số VNIndex có thể vận động theo các kịch bản sau:



- Kịch bản 1 - Khả quan: Định hướng và lộ trình mở cửa lại nền kinh tế được Chính phủ cụ thể hóa và thực hiện không bị ngắt quãng bởi những yếu tố bất trắc, công với việc tâm lý nhà đầu tư lạc quan. Tín hiệu để kịch bản này diễn ra là chỉ số VN30 hoặc phần lớn các cổ phiếu vốn hóa trụ cột thu hút dòng tiền trở lại sau các tín hiệu cân bằng trong những phiên gần đây. Thanh khoản có thể tiếp tục cải thiện dựa trên tương quan với biến động chỉ số với ước tính giá trị giao dịch trung bình của HOSE đạt 24.000 - 27.000 tỷ/phiên.



- Kịch bản 2 - Thận trọng: Lộ trình mở cửa lại nền kinh tế không như dự kiến sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tâm lý nhà đầu tư, Chỉ số VN Index có thể quay lại với trạng thái điều chỉnh, trước khi dao động ổn định và tăng lên đến vùng 1.600 điểm. Thanh khoản có thể tiếp tục cải thiện dựa trên tương quan với biến động chỉ số với ước tính giá trị giao dịch trung bình của HOSE đạt 19.000 - 22.000 tỷ/phiên.

4. MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2022

Chỉ tiêu kinh doanh

Doanh thu

380 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế và trích lập

50 tỷ đồng



Nguồn vốn

Tăng vốn điều lệ tối thiểu

800 tỷ đồng

đến

1.000 tỷ đồng



Xử lý tồn đọng tài chính và đầu tư

Chuyển nhượng tối thiểu 05 khoản mục đầu tư trên danh mục OTC tồn đọng.

Thu hồi 100% công nợ trong hoạt động

Dịch vụ chứng khoán và Tư vấn.





Thị phần, sản phẩm và mạng lưới

Thị phần giao dịch tối thiểu: 1%

Tỷ lệ phát triển khách hàng mới tối thiểu: 15%

Tỷ lệ tài khoản active tối thiểu: 10%/tháng

Mở mới ít nhất 02 điểm giao dịch tại Hà Nội và khu vực phía Nam Hoàn chỉnh chuỗi sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng nước ngoài (đặc biệt tập trung vào nhóm khách hàng Nhật)

Tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ từ mảng hoạt động kinh doanh quan hệ quốc tế, đảm bảo 2%/tổng Doanh thu.



Công nghệ

Phát triển e-KYC (trên hệ thống PSI và PVcombank)

Hoàn thành kết nối thu chi hệ PSI-PVcombank, PSI-VietinBank

Đưa vào vận hành Phần mềm giao dịch trái phiếu trực tuyến (Core Bond).



Công tác cán bộ, đào tạo và quản trị điều hành

Kiện toàn nhận sự Ban điều hành

Nâng cao kỹ năng quản trị, điều hành của cán bộ chủ chốt các cấp

Đảm bảo công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai định kỳ hàng tháng



Định hướng và sản phẩm chiến lược

Định hướng chiến lược:

03 trụ cột: PVN, PVcomBank, SMBC Nikko

02 nền tảng: Con người, Công nghệ

01 mục tiêu: trở thành công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng

Đầu tư trong lĩnh vực năng lượng

Sản phẩm chiến lược: sản phẩm tài chính (công cụ nợ) trong lĩnh vực năng lượng

Phần IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
2	CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA BAN TGD, BAN KIỂM SOÁT	5
3	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	6
4	BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	7
5	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR CỦA CÔNG TY	8
6	THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG IR	9





1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị năm 2021

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Nguyễn Anh Tuấn	CT. HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	03/03	100%	
2.	Bà Hồ Việt Hà	UV. HĐQT	Bắt đầu: 15/01/2020	03/03	100%	
3.	Ông Trịnh Thế Phương	UV. HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	03/03	100%	
4.	Ông Phạm Anh Đức	UV. HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	00/03	00%	Lý do cá nhân
5.	Ông Nguyễn Xuân Hưng	UV. HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2019	02/03	66%	Lý do cá nhân



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá thuận lợi, khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

- Mặc dù môi trường kinh tế toàn cầu trở nên thách thức hơn, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn ổn định. Thị trường chứng khoán Việt Nam được Đảng và Chính phủ quan tâm tạo điều kiện để phát triển cả về chất và lượng, giữ vai trò quan trọng trong chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, trở thành kênh huy động vốn chính tạo động lực cho phát triển kinh tế.
- Thị trường chứng khoán và các công ty chứng khoán đang trong quá trình sàng lọc, cơ cấu hoạt động theo hướng lành mạnh, minh bạch để nâng cao năng lực cạnh tranh; hội nhập quốc tế.
- PSI nhận được sự quan tâm, tin tưởng và tạo mọi điều kiện thuận lợi của Ngân hàng, Tập đoàn Dầu khí và các đơn vị trong ngành.
- Tinh thần kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng là đội ngũ cán bộ trẻ trung, giàu nhiệt huyết luôn nỗ lực cống hiến, vì sự phát triển của PSI.

1.2. Khó khăn, thách thức:

- Chính trị - xã hội trong nước và thế giới có nhiều bất ổn ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán và tâm lý doanh nghiệp, nhà đầu tư.
- Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng một mặt tạo ra thời cơ, cơ hội cho đất nước; nhưng mặt khác lại tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các Công ty chứng khoán nội và ngoại, đặc biệt khó khăn đối với các Công ty chứng khoán có quy mô vừa và nhỏ.
- Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, xu thế công nghệ 4.0 tạo cho hoạt động chứng khoán truyền thống không còn hiệu quả và phù hợp; việc tái cấu trúc mô hình hoạt động, đầu tư cho công nghệ là những vấn đề cấp thiết đặt ra đối với PSI, đặc biệt trong điều kiện hạ tầng công nghệ còn nghèo nàn, lạc hậu.
- PSI hạn chế về năng lực cạnh tranh nguồn vốn, con người, công nghệ, mạng lưới, các vấn đề tồn đọng trong danh mục đầu tư, nợ xấu khó đòi chưa thể xử lý.
- Hoạt động của Ngân hàng, PVN và các đơn vị trong Ngành còn nhiều khó khăn dẫn tới việc sử dụng các sản phẩm dịch vụ của PSI hạn chế.



2. Kết quả hoạt động 2021

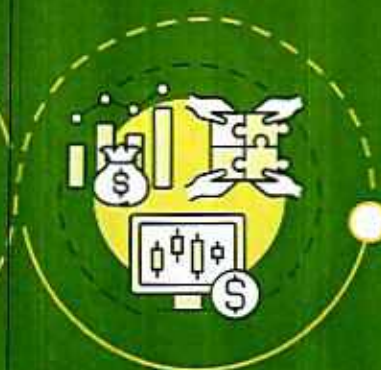
2.1. Hoạt động kinh doanh:



Doanh thu năm 2021 đạt 455,31 tỷ đồng, hoàn thành 252.8% kế hoạch năm 2021 và tăng 187% so với mức thực hiện năm 2020.



Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của công ty đạt 27,14 tỷ đồng tương đương với 344% kế hoạch năm 2021 và tăng 292% so với thực hiện năm 2020.



Chỉ tiêu An toàn tài chính tại ngày 31/12/2021 của Công ty là 252,8% trên mức yêu cầu (tối thiểu 180%) theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Doanh thu

455,31

tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

27,14

tỷ đồng

Chỉ tiêu an toàn tài chính

252,8%

trên mức yêu cầu

2.2. Hoạt động quản trị:

Nhận định thách thức cùng thời cơ thị trường, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo quyết liệt; trực tiếp tham gia hỗ trợ các phương án kinh doanh; thống nhất ban hành 114 Nghị quyết/Quyết định với các định hướng, chính sách quan trọng để nâng cao năng lực quản trị, năng lực kinh doanh của Công ty:

1) Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển PSI đến 2025 hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư, cụ thể:

2) Tập trung tăng trưởng quy mô và năng lực cạnh tranh:

- Tổng tài sản 2021 đạt: 2.215 tỷ đồng.

- Phát hành trái phiếu thành công: 1.184 tỷ đồng bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Thu hồi được trên 33 tỷ đồng nợ xấu tồn đọng. Thực hiện thoái vốn thành công khoản vốn góp tại Công ty Vạn Khởi Thành (PVSH) với giá trị 52,2 tỷ đồng là khoản đầu tư OTC tồn đọng 10 năm vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.

3) Trong năm 2021, Công ty đã triển khai thành công phương án bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh bằng việc phát hành trái phiếu PSI với khối lượng huy động thành công hơn 1.184 tỷ đồng, trong đó, đối tác nước ngoài mua hơn 350 tỷ đồng, khẳng định vị thế, uy tín của Công ty trong lĩnh vực tài chính.

4) Đã triển khai có hiệu quả các sản phẩm, tiện ích sau:

+ Triển khai thành công kết nối thu chi hộ với BIDV trên toàn hệ thống.

+ Đưa vào phân hệ quản lý chuyển nhượng trái phiếu trực tuyến trên Core Vgaia.

5) Hoạt động công nghệ: vận hành ổn định, hiệu quả hệ thống core chứng khoán mới, website mới. Thực hiện triển khai nghiên cứu các dự án công nghệ mới như: hệ thống kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp trực tuyến, sản phẩm Robot trading, mở tài khoản định danh trực tuyến EKYC.

6) Tăng cường kỷ cương kỷ luật hành chính, văn hóa làm việc nơi công sở. Chỉ đạo xây dựng, trình HĐQT thông qua các cơ chế, chính sách về nhân sự nhằm nâng cao thu nhập của CBNV đồng thời tạo tinh thần kinh doanh năng động, nhiệt huyết; Môi trường làm việc thân thiện, công bằng.

7) Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo sự gắn kết cùng thực hiện mục tiêu chung.

8) Định hướng công tác nhân sự các cấp, ổn định tổ chức; chú trọng công tác tuyển dụng nhân sự có chất lượng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

9) Định hướng công tác truyền thông, thương hiệu để nâng cao vị thế, hình ảnh của PSI trên thị trường.

- Chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển đến 2020 tầm nhìn đến 2030 trình ĐHCĐ 2019; Theo đó, đến năm 2020 PSI sẽ hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng.
- Triển khai Dự án đầu tư mới phần mềm chứng khoán và hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại và đã đưa vào sử dụng trong Quý 4/2019.
- Chỉ đạo sắp xếp, tuyển dụng nhân sự theo hướng tăng tỷ trọng nhân sự kinh doanh; Thông qua Ban hành thống nhất sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị và hoàn thiện Hệ thống chức danh, quy định trả lương, thưởng tại PSI; Xem xét và xây dựng Quy chế lương, thu nhập theo hướng tiệm cận với thị trường để thu hút nhân sự có chất lượng.
- Định hướng các phương án bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh; Thông qua gói giải pháp tài chính cho hoạt động kinh doanh và Phương án phát hành trái phiếu PSI đợt 2 năm 2019.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác truyền thông hình ảnh thương hiệu gắn với định hướng chiến lược Dầu khí, Năng lượng, điểm sáng là Hành trình Năng lượng 2019 đã tạo được dấu ấn với các Cơ quan quản lý Nhà nước, PVN và các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới tại các trung tâm hành chính Dầu khí và các điểm giao dịch ưu tiên của PVcomBank; Trong năm 2019, Công ty đã mở mới 01 điểm giao dịch ưu tiên tại trụ sở PVCombank 22 Ngô Quyền và hoàn thành việc sửa chữa 03 điểm giao dịch tại Tập đoàn Dầu Khí 18 Láng Hạ - Hà Nội, Viện Dầu khí Việt Nam 167 Trung Kính - Hà Nội và Chi nhánh Đà Nẵng - Tòa nhà PVcomBank đường 30/4 - Đà Nẵng.
- Chỉ đạo bám sát thực hiện tối đa các công việc của PVN và các đơn vị thành viên (trong năm PSI tham gia tư vấn thoái vốn cho 3 đơn vị lớn của PVN là PVOil, BSR và PVPower); Tiếp cận tham gia tư vấn thoái vốn các đơn vị thành viên của Tập đoàn Hóa chất; Khai thác tập khách hàng Nhật Bản của cổ đông chiến lược SMBC Nikko; Xây dựng sản phẩm và phân tích báo cáo ngành cho Tổng công ty kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC.
- Định hướng xây dựng Chuỗi sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng từ Tư vấn - Dịch vụ chứng khoán - Đầu tư - IR/PR truyền thông tạo giá trị gia tăng cho PSI.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các bộ phận khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua:



Chủ tịch HĐQT trực tiếp tổ chức các cuộc họp với các Khối và kết luận chỉ đạo.



Hội đồng quản trị xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành và báo cáo quý gửi Hội đồng quản trị.



Xem xét các báo cáo, đề xuất từ các tiểu ban giúp việc để giám sát tính tuân thủ và định hướng các hoạt động của Ban Điều hành.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2021 được Đại hội cổ đông giao;

- 1 Chỉ tiêu kế hoạch 2021**

Năm 2021 đạt 455,31 tỷ đồng, tương đương vượt 252,9% kế hoạch năm 2021 và vượt 287% so với cùng kỳ năm 2020.
- 2 Chỉ tiêu tài chính**

Quy mô tổng tài sản tăng trưởng đột phá cụ thể: 1.273 tỷ đồng (31/12/2020) lên 2.215 tỷ (31/12/2021) tương đương 175%.
- 3 Thị phần giao dịch và chất lượng dịch vụ**

Thị phần giao dịch đạt 1%.
Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, bao gồm: Nhân sự, Sản phẩm dịch vụ, Mạng lưới và Văn hóa kinh doanh.
- 4 Mạng lưới**

Mở mới điểm giao dịch tại TP.HCM.
Triển khai bán các sản phẩm của PSI trên mạng lưới của PVcomBank.
- 5 Công nghệ**

Phát triển 03 sản phẩm giao dịch trực tuyến.
Triển khai Dự án Core Trái phiếu với PVcomBank và Đơn vị thành viên.
Hoàn thành kết nối Core PVcomBank.
Đưa vào vận hành Website mới.
- 6 Quản trị điều hành**

Nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong quản trị điều hành.
Kiểm soát tuân thủ trên toàn hệ thống.
- 7 Xử lý tồn đọng tài chính và danh mục đầu tư**

Giảm tỷ lệ đầu tư góp vốn theo quy định pháp luật.
Thu hồi tối thiểu 30% công nợ trong hoạt động Dịch vụ chứng khoán và Tư vấn.
- 8 Chính sách nhân sự**

Áp dụng tiêu chuẩn chức danh để kiện toàn bộ máy nhân sự.
Tiếp tục cải cách chính sách thu nhập cho người lao động.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

Đến ngày 31/12/2021, Hội đồng quản trị PSI bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	2017 - 2022
2	Bà Hồ Việt Hà	UV. HĐQT	2017 - 2022
3	Ông Trịnh Thế Phương	UV. HĐQT	2017 - 2022
4	Ông Nguyễn Xuân Hưng	UV. HĐQT Kiểm PGĐ Phụ trách Công ty	2017 - 2022
5	Ông Phạm Anh Đức	UV. HĐQT độc lập	2017 - 2022

2. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị:

• Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT:

Với tư cách Chủ tịch HĐQT, Ông Nguyễn Anh Tuấn đã triệu tập, chủ trì và chỉ đạo các phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung lấy ý kiến HĐQT trong năm 2021; Giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ hoạt động của Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh. Trực tiếp chủ trì các cuộc họp của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Hội đồng đầu tư, Hội đồng thi đua khen thưởng... trực tiếp chỉ đạo triển khai chiến lược phát triển của PSI; chiến lược phát triển công nghệ thông tin... Hỗ trợ mở rộng quan hệ khách hàng, làm việc với các Cơ quan quản lý cấp trên và kết nối các cơ hội kinh doanh.

• Bà Hồ Việt Hà – Ủy viên HĐQT:

Với tư cách thành viên HĐQT, Bà Hồ Việt Hà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến Hội đồng Quản trị; tham mưu và cho ý kiến các phương án kinh doanh, các vấn đề về quản trị doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động của PSI. Hỗ trợ thúc đẩy sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcombank. Cho ý kiến xây dựng, sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định trong quản trị nội bộ Công ty.

• Ông Trịnh Thế Phương: Ủy viên HĐQT:

Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Trịnh Thế Phương đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến HĐQT; Tham mưu về pháp lý, phổ biến các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty. Hỗ trợ thúc đẩy sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcombank. Cho ý kiến xây dựng, sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định trong quản trị nội bộ Công ty.

- Ông Nguyễn Xuân Hưng: Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Phụ trách:

Với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ông Nguyễn Xuân Hưng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến Hội đồng Quản trị. Với vai trò Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Phụ trách Công ty, Ông Nguyễn Xuân Hưng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn như vai trò Giám đốc, được quy định tại Điều lệ Công ty;

Tổ chức thực hiện Nghị Quyết, Quyết định HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động chung của Công ty; Hoạt động kinh doanh hàng ngày; Công tác tài chính kế toán; Công tác kế hoạch; Công tác cán bộ trong phạm vi được ủy quyền; Thường trực tại Hội sở chính, xử lý kịp thời các công việc đảm bảo hoạt động của Công ty được liên tục, thông suốt.

Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

-
- Ông Phạm Anh Đức: Ủy viên HĐQT độc lập

Hỗ trợ PSI các mối quan hệ với các Đơn vị trong và ngoài ngành để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tham mưu cho HĐQT trong việc đánh giá năng lực hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các mức thù lao đối với các thành viên Ban điều hành và thành viên HĐQT

Rà soát báo cáo tài chính và thực hiện ngăn ngừa, giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông hoặc cán bộ quản lý Công ty.

Hỗ trợ thúc đẩy các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN

1

Phòng Kiểm toán Nội bộ

- Phối hợp rà soát các văn bản Quy trình, Quy chế, Quy định... đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước pháp luật và các cơ quan quản lý;
- Tiến hành các hoạt động kiểm tra đối với hoạt động của các đơn vị trong công ty trong phạm vi chức năng của Kiểm toán Nội bộ;
- Có ý kiến về tính pháp lý và tính tuân thủ của các đề xuất, tờ trình của Ban Điều hành và các đơn vị ra trước HĐQT, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Chính sách dịch vụ khi có yêu cầu;
- Duy trì việc xem xét đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT;



2

Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Phê duyệt phương pháp tính danh mục; Phê duyệt điều chỉnh danh mục ký quỹ; giao dịch ký quỹ trọng tâm theo từng thời kỳ;
- Phê duyệt chính sách lãi suất; chính sách khách hàng; chính sách ưu đãi cho các khách hàng mới theo đề xuất của các đơn vị kinh doanh thuộc Khối Dịch vụ Chứng khoán và phù hợp với từng thời kỳ;
- Quyết định thành lập các Tổ công tác thực hiện mục tiêu xây dựng sản phẩm mới và phát triển chính sách marketing cho Khối Dịch vụ Chứng khoán;
- Thông qua phương án tách danh mục làm hai loại: Danh mục ký quỹ cơ bản và danh mục ký quỹ bổ sung;
- Xem xét đề nghị của các đơn vị kinh doanh thuộc Khối Dịch vụ Chứng khoán về việc giải ngân cho vay đối với danh mục các cổ phiếu cụ thể theo đề xuất của các đơn vị;
- Xem xét phê duyệt triển khai sản phẩm đánh giá đối với quyền đã được thực hiện trên tài khoản; Xem xét phương án triển khai chức năng hệ thống đối với cổ phiếu phong tỏa.



3

Hội đồng đầu tư

- Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư trong năm;
- Phê duyệt các phương án đầu tư trên cơ sở xem xét điều kiện đầu tư, nguồn vốn, quản trị rủi ro và giám sát khoản đầu tư.



2. CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA BAN LÃNH ĐẠO

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	14,140,499	23.83%	Đại diện cho phần vốn của PVcombank
Hồ Việt Hà	UV.HĐQT	8,443,607	14.11%	Đại diện cho phần vốn của PVcombank
Trịnh Thế Phương	UV.HĐQT	8,036,687	13.43%	Đại diện cho phần vốn của PVcombank
Nguyễn Xuân Hưng	UV.HĐQT kiêm PGĐ Phụ trách Công ty	3,931,200	6.57%	Đại diện cho phần vốn của CTCP Đầu tư tài chính Thành Việt
Phạm Anh Đức	UV.HĐQT	-	0.00%	

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số thành viên	Quý thù lao	Số thành viên	Quý thù lao
I	Người đại diện PVcombank				
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	870.000.000	1	870.000.000
2	TV HĐQT kiêm nhiệm	2	96.000.000	2	96.000.000
3	Trưởng BKS chuyên trách	1	433.200.000	1	433.200.000
4	TV BKS kiêm nhiệm	1	36.000.000	1	36.000.000
II	Thành viên khác				
1	TV HĐQT chuyên trách	1	480.000.000	0	0
2	TV HĐQT kiêm nhiệm	1	48.000.000	2	96.000.000
3	TV BKS kiêm nhiệm	1	36.000.000	1	36.000.000
	Dự phòng 20% để thưởng cho cán bộ đảm nhận chức danh chuyên trách nếu Công ty có lợi nhuận vượt kế hoạch.		356.640.000		260.460.000
	Tổng cộng		2.355.840.000		1.827.840.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

CÁC GIAO DỊCH KHÁC

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1** Công ty đã xây dựng Quy chế quản trị; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
- 2** Hoạt động của Hội đồng quản trị được triển khai theo đúng quy định: Tổ chức họp Hội đồng Quản trị theo định kỳ tối thiểu 01 lần/Quý; Thực hiện xin ý kiến Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền bằng nhiều hình thức (lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến); đảm bảo đủ tỷ lệ thành viên Hội đồng Quản trị tham gia dự họp và đảm bảo đủ các tỷ lệ thông qua các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; thực hiện soạn thảo và ban hành các Biên bản và Nghị quyết Hội đồng Quản trị theo đúng thể thức và đúng thời hạn theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ; thực hiện công bố thông tin đúng hạn và kịp thời đối với các nội dung cần công bố theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin.
- 3** Xây dựng hoàn thiện hệ thống phân quyền, ủy quyền: Trên cơ sở các quy định Pháp luật, Công ty đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống phân quyền, ủy quyền rõ ràng, phù hợp và minh bạch nhằm đảm bảo các thẩm quyền ký kết của Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đảm bảo thẩm quyền hoạt động và ký kết của các Phó Giám đốc phụ trách các mảng dịch vụ chứng khoán, tư vấn và vận hành. Ngoài ra, để đảm bảo các hoạt động trong từng thời kỳ phát triển cụ thể của Công ty, các văn bản này cũng được chỉnh lý và bổ sung cần thiết, phân công lại các hoạt động trong Ban Giám đốc và thay đổi các ủy quyền cần thiết.
- 4** Ban hành các Nghị quyết quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty: Quyết định việc cử các đại diện vốn góp của Công ty tham gia vào quản trị và kiểm soát tại các công ty thành viên và các công ty có vốn góp; đưa ra các yêu cầu và các quyết định liên quan đến đầu tư tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư OTC và các quyết định trích lập dự phòng nhằm cân đối tài chính của Công ty; quyết định các chính sách liên quan đến việc miễn lãi cho khách hàng, giải quyết các khoản đầu tư tồn đọng của các khách hàng từ các giai đoạn trước, lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty và các nội dung khác.

3. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



TTCK Việt Nam là một trong những thị trường tăng trưởng mạnh nhất trên thế giới

Kết thúc năm 2021, chỉ số VN-Index đạt mức 1.498,28 điểm, tăng 1,34% so với tháng trước và tăng 35,73% so với đầu năm 2021; VN30 đạt 1.535,71 điểm, giảm 0,12% so với tháng trước và tăng 43,42% so với đầu năm 2021.



Thanh khoản thiết lập kỷ lục mới

Trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm xuống thấp trong 5 năm vừa qua đã giúp thanh khoản thị trường tăng trưởng mạnh mẽ. Lũy kế trong năm 2021, nhà đầu tư trong nước mở mới hơn 1,54 triệu tài khoản chứng khoán, lớn hơn tổng số tài khoản mở mới trong 3 năm 2018; 2019 và 2020 cộng lại (tổng 3 năm đạt 837.345 tài khoản).

Thanh khoản thị trường cổ phiếu thiết lập kỷ lục vào phiên ngày 20/08/2021 với giá trị giao dịch đạt mức 44.802,5 tỷ đồng, cao nhất trong 21 năm qua, và khối lượng giao dịch đạt hơn 1,5 tỷ cổ phiếu; trong tháng 12, giá trị và khối lượng giao dịch bình quân phiên lần lượt đạt trên 30.258 tỷ đồng và 1,08 tỷ cổ phiếu, giảm 19,6% về giá trị và 18,93% về khối lượng bình quân so với tháng trước. Tổng giá trị và khối lượng giao dịch cổ phiếu lần lượt đạt khoảng 695.925 tỷ đồng và 24,95 tỷ cổ phiếu, giảm lần lượt 15,94% về giá trị và 15,24% về khối lượng so với tháng 11.

Dư nợ cho vay (chủ yếu là cho vay margin) trên toàn thị trường tính tới cuối năm 2021 vào khoảng 193.000 tỷ đồng (~8,4 tỷ USD) và đây là con số kỷ lục trên TTCK Việt Nam từ khi thành lập tới nay



Số lượng nhà đầu tư mới tăng mạnh

Số lượng nhà đầu tư mới (nhà đầu tư F0) tham gia thị trường không ngừng gia tăng. Tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư trong nước đã vượt 4 triệu tài khoản, tương ứng khoảng 4% dân số.

Năm 2021, số lượng nhà đầu tư mới tham gia thị trường không ngừng gia tăng. Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư trung bình hàng tháng là hơn 100.000 tài khoản.

Trong năm, nhà đầu tư trong nước đã mở mới 1.534.363 tài khoản, tương ứng tăng 56,07% so với năm 2020, cao hơn nhiều so với con số của 4 năm liên tiếp từ 2017 - 2020 cộng lại. Tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư trong nước đã vượt 4,2 triệu tài khoản, tương ứng khoảng 4,3% dân số.



Giao dịch cổ phiếu của khối ngoại chiếm 7,39% so với giao dịch của toàn thị trường

Theo số liệu của HOSE, giao dịch cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài chiếm 7,39% so với giao dịch của toàn thị trường. Từ đầu năm đến nay nhà đầu tư nước ngoài bán ròng hơn 62 nghìn tỷ đồng. Nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tới hơn 90% một số Quỹ ETF nội địa.

Trong năm qua, tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài đạt 798.821 tỷ đồng, chiếm 7,39% tổng giá trị giao dịch cả chiều mua và bán của toàn thị trường. Tính đến hết ngày 31/12/2021, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 62.431 tỷ đồng.

Tuy nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài đã đẩy mạnh đầu tư vào các quỹ ETF, đặc biệt là các quỹ ETF nội địa. Trong năm 2021, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF bình quân của khối ngoại đạt trên 8,06 triệu chứng chỉ quỹ/ngày với giá trị giao dịch bình quân đạt 175,56 tỷ đồng/ngày, tương ứng tăng 79,84% về khối lượng và tăng 193,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng giao dịch ETF của khối ngoại chiếm 64,80% toàn thị trường. Lũy kế 12 tháng khối ngoại mua ròng trên 4,5 nghìn tỷ đồng.



Giá trị vốn hóa niêm yết tăng 43,06% so với cuối năm 2020

Giá trị vốn hóa niêm yết đạt hơn 5,8 triệu tỷ đồng, tương đương 92,77% GDP năm 2020 (GDP theo giá hiện hành) tăng 43,06% so với cuối năm 2020.

Tính đến ngày 31/12/2021, giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu tại HOSE đạt hơn 5,8 triệu tỷ đồng, tương đương 92,77% GDP năm 2020 (GDP theo giá hiện hành), tăng 43,06% so với cuối năm 2020.

HOSE hiện có 533 mã chứng khoán niêm yết trong đó gồm: 404 mã cổ phiếu, 03 mã chứng chỉ quỹ đóng, 08 mã chứng chỉ quỹ ETF, 113 mã chứng quyền có bảo đảm và 05 mã trái phiếu. Tổng khối lượng cổ phiếu đang niêm yết đạt trên 120,5 tỷ cổ phiếu.



Huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán tăng gấp hơn 5 lần so với năm 2020

Trong năm 2021, mặc dù tình hình kinh tế gặp nhiều thách thức nhưng với sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán nhiều doanh nghiệp đã huy động thành công nguồn vốn để khôi phục sản xuất kinh doanh.

Tổng giá trị vốn huy động thông qua phát hành thêm trên thị trường cổ phiếu của HOSE ước đạt hơn 49.605 tỷ đồng với 72 đợt phát hành có thu tiền, tương ứng tăng hơn 5 lần về giá trị so với năm 2020.

Cũng trong 12 tháng qua, HOSE cũng đã thực hiện được 7 cuộc đấu giá cổ phần, bán được hơn 101,8 triệu cổ phần và gần 72,97 triệu quyền mua cổ phần, qua đó thu về hơn 1.651 tỷ đồng cho nhà nước và các doanh nghiệp.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, ngoài yếu tố tăng trưởng và thuận lợi của thị trường chứng khoán Việt Nam PSI với sự chuẩn bị về: nguồn lực, công nghệ, sản phẩm dịch vụ, mạng lưới hoạt động kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021- PSI tăng trưởng đột biến cụ thể:

Tổng Doanh thu năm 2021 đạt 455,31 tỷ đồng, tương đương vượt 252,9% kế hoạch năm 2021 và vượt 287% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, Doanh thu Dịch vụ chứng khoán đạt 262,45 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 60% cơ cấu tổng doanh thu, bằng 247% so với năm trước và 202% kế hoạch năm 2021. Doanh thu Tư vấn đạt 37,88 tỷ đồng, bằng 245% so với năm trước và đạt 152% kế hoạch năm 2021. Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn đạt 134,05 tỷ đồng, bằng 602% so với cùng kỳ năm 2020 và vượt 943% kế hoạch 2021. Doanh thu khác (lãi tiền gửi) đạt 17,88 tỷ đồng, bằng 150% so với cùng kỳ năm trước và vượt 275% so với kế hoạch năm 2021.

Tổng chi phí năm 2021 là 428,17 tỷ đồng, tương đương 248,8% kế hoạch năm 2021. Chi phí tăng chủ yếu từ chi phí lãi vay (lợi tức trái phiếu PSI để huy động vốn) và chi phí hoa hồng môi giới dịch vụ.

Kết quả lợi nhuận năm 2021: Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 27,14 tỷ đồng vượt 392% so với cùng kỳ năm trước tương đương 344% kế hoạch năm 2021. Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và đánh giá lại tài sản tài chính là: 32 tỷ đồng. Do vậy lợi nhuận trước trích lập dự phòng và đánh giá lại tài sản tài chính năm 2021 đạt 55 tỷ đồng, bằng 244% so với năm trước và đạt 220% kế hoạch lợi nhuận trước đánh giá lại tài sản kế hoạch năm 2021.

Chi tiết mảng hoạt động chính của công ty trong năm 2021 như sau:

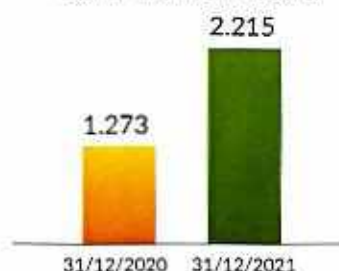
Chỉ tiêu	Khối DVCK	Khối Tư vấn	Phòng ĐTTC	TTPT-NV-VH	Tổng
Tổng doanh thu	262,45	29,89	134,05	28,92	455,31
Tổng chi phí	233,81	28,51	114,40	23,72	400,44
Thu nhập, chi phí khác	-	-	-	0,13	0,13
Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	28,65	1,38	19,65	5,33	55,00

Về chỉ tiêu Tài chính

Năm 2021 ghi nhận các chỉ tiêu tài chính trọng yếu được cải thiện tích cực đáng kể như:

- Quy mô tổng tài sản tăng trưởng từ 1.273 tỷ đồng (31/12/2020) lên 2.215 tỷ (31/12/2021) tương đương 175%.

Quy mô tổng tài sản (Tỷ đồng)



- Vốn Chủ sở hữu tại 31/12/2021 là 651,9 tỷ đồng, tăng trưởng 105% so với thời điểm 31/12/2020 (625,2 tỷ đồng).

Vốn Chủ sở hữu

651,9 TỶ ĐỒNG

- Huy động bình quân năm 2021 đạt 768,55 tỷ đồng tăng trưởng 245% so với năm 2020 góp phần bổ sung tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính.

Huy động bình quân

768,55 TỶ ĐỒNG

- Tỷ lệ an toàn tài chính luôn đảm bảo trên 200% - 230%

Tỷ lệ an toàn tài chính

200% - 230%

Đây là các chỉ tiêu tài chính được cải thiện tích cực, là điểm sáng trong năm tài chính 2021 đồng thời thể hiện hình ảnh bền vững của doanh nghiệp mang tên PSI.

Tình hình nguồn vốn

Trong năm 2021, công ty đã huy động vốn bằng việc phát hành Trái phiếu với tổng giá trị hơn 1.100 tỷ đồng nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tài chính và đầu tư tự doanh.

Các nhiệm vụ trọng tâm đã thực hiện

Bên các chỉ tiêu kinh doanh, PSI còn thực hiện được một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:



Về Thị phần giao dịch và hoạt động dịch vụ

Năm 2021 thị phần giao dịch đạt 0,71%. Số lượng tài khoản mở mới đạt trên 5.000 tài khoản. Tỷ lệ tài khoản active đạt 12,91%. Tỷ lệ phát triển khách hàng mới đạt 12,44%.



Về mạng lưới

Đến thời điểm hiện tại, PSI đã hoàn thành việc mở mới, sửa chữa văn phòng, bổ sung được lực lượng lớn Nhân sự kinh doanh chủ chốt, chất lượng trên toàn hệ thống và đưa vào khai thác vận hành có hiệu quả các Phòng Giao dịch và Chi nhánh tại: Điểm giao dịch ưu tiên tại trụ sở PVComBank 22 Ngô Quyền, Phòng giao dịch số 2 tại 18 Láng Hạ, CN Đà Nẵng, Điểm giao dịch tại Tầng 5 - Viện Dầu khí và mở rộng văn phòng giao dịch tại Tầng 07, tòa nhà 18 Lý Thường Kiệt.



Về công nghệ, sản phẩm dịch vụ

- Công ty đã đưa vào khai thác hiệu quả 02 tính năng trên Core giao dịch chứng khoán: Mở tài khoản trực tuyến và quản lý tiền tài khoản chứng khoán P - money.
- Hoàn thành kết nối thu chi hộ với Ngân hàng BIDV trên toàn hệ thống.
- Đưa vào phân hệ quản lý chuyển nhượng trái phiếu trực tuyến trên Core Vgaia.
- Các dự án đang nghiên cứu trong năm 2022: Kết nối thu chi hộ PSI - PVComBank, VietinBank; Hệ thống kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp trực tuyến; Mở tài khoản eKYC; Robot trading.



Xử lý danh mục đầu tư và nợ xấu tồn đọng

- Thu hồi trên 34 tỷ đồng công nợ Dịch vụ chứng khoán và Tư vấn, trong đó thu hồi 23 tỷ đồng (trên 33 tỷ đồng) từ Nhóm tài khoản khách hàng Lê Phong Hiếu.
- Thu hồi 100% khoản đầu tư (52,2 tỷ đồng) góp vốn vào Công ty CP Vạn Khởi Thành (PVSH).
- Chuyển nhượng danh mục đầu tư cổ phiếu tồn đọng (mã CP PPY) thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động kinh doanh



Về cơ cấu tổ chức, chính sách nhân sự

Năm 2021, Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình hoạt động 03 khối và 01 Trung tâm với phân công công việc chuyên biệt và nhiệm vụ rõ ràng:



Công ty đã thực hiện tái cấu trúc về hoạt động cũng như nhân sự: Bộ máy cơ cấu tổ chức Công ty gọn nhẹ, thu hẹp cắt bỏ những đơn vị hoạt động kém hiệu quả. Công ty đã thực hiện mạnh tái cấu trúc nhân sự theo đó cắt giảm những nhân sự không phù hợp, điều chuyển sắp xếp nhân sự trong nội bộ các đơn vị phù hợp. Cũng theo đó, Công ty đã xây dựng bộ tiêu chuẩn chức danh, mô tả công việc của từng vị trí, cơ chế trả lương trả thưởng hệ thống đánh giá tương thích với mô hình cơ cấu tổ chức cũng như đặc thù hoạt động của các đơn vị.

Năm 2021 thu nhập bình quân của người lao động được cải thiện và tăng 121% so năm 2020 cụ thể năm 2021: 18,8 triệu đồng/người/tháng xấp xỉ với mức tiệm cận về thu nhập của người lao động trong lĩnh vực chứng khoán.

Chính sách lương thưởng rõ ràng, hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong việc tuyển dụng/chiêu mộ nhân sự chất lượng cao về làm việc và cống hiến cho PSI.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô 2022

Trong bối cảnh thế giới dự báo có nhiều biến động, đặc biệt là diễn biến dịch Covid-19 còn phức tạp, khó lường, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 dự báo khoảng 4-4,5%, lạm phát toàn cầu khoảng 3,3%; chúng tôi cho rằng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của Việt Nam sẽ là đa mục tiêu, trong đó trọng tâm vẫn là vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả, đảm bảo an toàn sức khỏe và sinh mạng người dân; vừa phục hồi, phát triển kinh tế xã hội trong trạng thái bình thường mới.

Chúng tôi dự báo kinh tế Việt Nam năm 2022 như sau:

Về tăng trưởng GDP năm 2022, các hoạt động kinh tế - xã hội được dự báo sẽ phục hồi mạnh hơn khi dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn và Việt Nam tiếp tục chiến lược sống chung an toàn với Covid. Hiện nay, các tổ chức quốc tế khá lạc quan về triển vọng của nền kinh tế Việt Nam trong trung và dài hạn. Theo đó, dự báo kinh tế Việt Nam năm 2022 tăng trưởng ở mức 6,5-7% (như ADB và HSBC dự báo mức 6,5% và Standard Chartered 6,7%; trong khi WB dự báo mức tăng trưởng 5,5%).

Kinh tế Việt Nam năm 2022 có thể theo 2 kịch bản. Nếu Việt Nam thực hiện tốt Chương trình phòng chống dịch và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 2022-2023, dự báo kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng 6,5-7% (khả năng cao). Còn nếu Việt Nam phòng, chống dịch thiếu nhất quán và chậm triển khai Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế xã hội, GDP có thể chỉ tăng 5-5,5%.

Về lạm phát năm 2022, trong cả 2 kịch bản trên, dự báo CPI bình quân sẽ tăng khá cao, lên ở mức 3,5-3,8%. Lạm phát tăng chủ yếu là do: (i) giá cả, lạm phát toàn cầu còn ở mức cao, khả năng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn còn diễn ra, kéo theo lạm phát chi phí đẩy (nhập khẩu lạm phát); (ii) lạm phát do cầu kéo (cùng với đã phục hồi kinh tế); và (iii) độ trễ cũng như thực thi chính sách tài khóa, tiền tệ có phần mở rộng, thích ứng (một phần là do thực hiện Chương trình phục hồi nêu trên).



Về lãi suất năm 2022, dự kiến Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế xã hội.

Do đó, lãi suất dự báo được duy trì ở mức thấp, mặc dù trong bối cảnh thế giới tăng lãi suất, nhu cầu tín dụng và áp lực lạm phát tăng lên (như phân tích ở trên) có thể khiến mặt bằng lãi suất tăng nhẹ ở một số thời điểm.

Về tỷ giá năm 2022, tỷ giá dự kiến tăng ở mức 0,5-1% so với cuối năm trước do: (i) hoạt động kinh tế phục hồi khiến nhu cầu thanh toán, vay ngoại tệ bằng đồng USD tăng lên; (ii) Fed thực hiện thu hẹp nới lỏng định lượng, tăng lãi suất, khiến cho giá trị đồng USD duy trì ở mức cao; (iii) dự trữ ngoại hối duy trì ở mức cao giúp giá trị VND ổn định; (iv) cán cân thương mại dự báo tiếp tục thặng dư; và (v) kiều hối tiếp tục tăng so với năm 2021, hỗ trợ tỷ giá ổn định.

2. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022

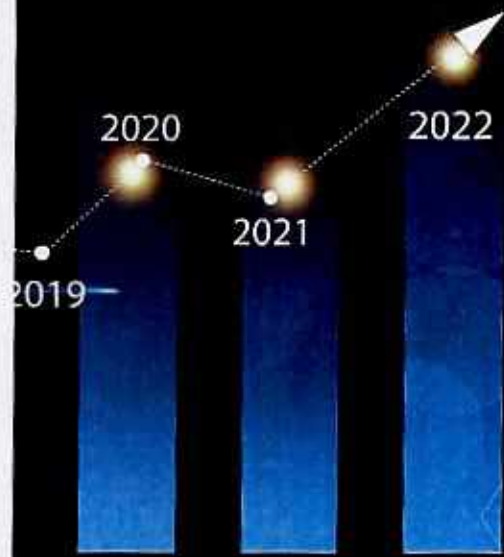
2.1 Mặt bằng định giá không còn rẻ như đầu năm 2021 và việc thu hẹp chính sách nới lỏng tiền tệ có thể khiến thanh khoản thị trường chứng khoán trong 2022 khó tăng mạnh.

Theo dữ liệu từ Bloomberg, tại thời điểm đầu năm 2021 chỉ số VN-Index giao dịch với P/E forward 2021 là 13,02 và tính theo điểm số đóng cửa ngày 13/09 là 1391,91, chỉ số VN-Index đang đạt mức P/E forward 2022 là 13,58, cho thấy mặt bằng giá của các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đã tăng cao khiến mức độ hấp dẫn của cổ phiếu trong năm 2022 giảm xuống so với giai đoạn đầu năm 2021.

2.2 Dự báo 02 kịch bản thị trường chứng khoán trong 2022 với xu hướng vận động như sau:

Kịch bản 1 - Khả quan: Định hướng và lộ trình mở cửa lại nền kinh tế được Chính phủ cụ thể hóa, tâm lý nhà đầu tư lạc quan. VN-Index được kỳ vọng dao động trong khu vực 1.320 - 1.520 điểm. Thanh khoản có thể tiếp tục cải thiện dựa trên tương quan với biến động chỉ số với ước tính giá trị giao dịch trung bình của HOSE đạt 20.000 - 24.000 tỷ/phiên.

Kịch bản 2 - Thận trọng: Lộ trình mở cửa lại nền kinh tế không như dự kiến khi dịch bệnh kéo dài sẽ tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư do rủi ro triển vọng tăng trưởng lợi nhuận kém hơn dự kiến. Chỉ số VN Index quay trở lại trạng thái điều chỉnh trong vùng 1.150 - 1.350 điểm, Thanh khoản sự giảm dựa trên tương quan với biến động chỉ số với ước tính giá trị giao dịch trung bình của HOSE đạt 16.000 - 20.000 tỷ/phiên.



Tổng hợp kịch bản

	Kịch bản khả quan	Kịch bản thận trọng
Khoảng dao động kỳ vọng VN-Index (+/-1 Stdev)	1.320 - 1.520	1.150 - 1.350
EPS dự phóng 2022 (*)	102,43	92,18
Khoảng dao động kỳ vọng P/E (**)	13,35 - 14,65	13,35 - 14,65
Thanh khoản HOSE (tỷ đồng/phiên)	20.000 - 24.000 tỷ/phiên	16.000 - 20.000 tỷ/phiên

(*) Nguồn: Bloomberg, kịch bản thận trọng điều chỉnh giảm 10%

(**) Được tính như sau:

Kịch bản khả quan: (TB 10 năm - 1 Độ lệch chuẩn đến TB 10 năm)

Kịch bản thận trọng: (TB 10 năm - 1 Độ lệch chuẩn đến 1 TB 10 năm)

Về hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán: Áp lực cạnh tranh ngày càng lớn hơn sau khi các công ty chứng khoán tăng quy mô vốn.

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Năm 2022, dự báo kinh tế rủi ro lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt với Kịch bản 2- thận trọng: Thị trường chứng khoán Việt Nam Chỉ số VN Index quay trở lại trạng thái điều chỉnh trong vùng 1.150 – 1.350 điểm, thanh khoản giảm giá trị giao dịch bình quân dự kiến bằng 83% giá trị giao dịch bình quân năm 2021. Do đó với các nguồn lực hiện có, Công ty đặt ra mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau:

3.1 Về chỉ tiêu kinh doanh năm 2022

STT	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH 2022	% KẾ HOẠCH 2022 SO VỚI THỰC HIỆN 2021
I	Tổng doanh thu	380,0	83%
1	Doanh thu DVCK	230,0	88%
1.1	Môi giới chứng khoán	100,0	79%
1.2	Lưu ký chứng khoán	8,0	116%
1.3	Dịch vụ tài chính	115,0	95%
1.4	Doanh thu khác	7,0	86%
2	Doanh thu Đầu tư chứng khoán, góp vốn	100,0	75%
3	Doanh thu tư vấn	30,0	79%
4	Doanh thu Trung tâm phân tích	4,0	133%
5	Doanh thu khác	16,0	89%
II	Tổng chi phí	357,5	83%
III	Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	50,0	91%
IV	Lợi nhuận sau thuế	22,5	83%



3.2 Vé chỉ tiêu tài chính năm 2022

Quy mô tổng tài sản

2.500
tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

1.000
tỷ đồng



Nâng quy mô tổng tài sản năm tăng từ 2.300 tỷ đồng - 2.500 tỷ đồng.

Chỉ tiêu
2022

Huy động bình quân

1.100
tỷ đồng



Vốn Chủ sở hữu tăng vốn điều lệ tối thiểu: 1000 tỷ đồng;



Huy động bình quân năm 2022 đạt 1.100 tỷ đồng bổ sung tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính, đầu tư tài chính;

3.3 Định hướng và tổ chức triển khai kế hoạch năm 2022

Định hướng phát triển chung của Công ty

Với lợi thế 03 Trụ cột: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVN với vị thế là đầu tàu kinh tế ; Ngân hàng mẹ PVcomBank, PSI có sự hỗ trợ về vốn để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nguồn và trái phiếu, Cổ đông chiến lược SMBC Nikko và cơ hội từ làn sóng doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam không ngừng , PSI tiếp tục kiên định đường hướng phát triển như đã xác định từ 2021, theo đó:

- ▶ Thứ nhất, Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển hoạt động Ngân hàng đầu tư, trong đó chú trọng phát triển thị trường ngách (thị trường trái phiếu doanh nghiệp sơ cấp và thứ cấp). Thông qua đó, đẩy mạnh hoạt động tư vấn trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu, bán lẻ/bán lô các sản phẩm trái phiếu;
- ▶ Thứ hai, tiếp tục duy trì và dồn phần lớn nguồn vốn phục vụ hoạt động môi giới bán lẻ, tận dụng các cơ hội thị trường nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh...

Định hướng triển khai kế hoạch năm 2022

Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Kế hoạch doanh thu dịch vụ chứng khoán năm 2022 là 230 tỷ đồng, với 02 mảng hoạt động chính là Môi giới phát triển khách hàng và dịch vụ tài chính. Trong năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm đối với hoạt động này là Tăng thị phần giao dịch, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và tiếp tục duy trì quy mô dư nợ cho vay ký quỹ trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro hoạt động. PSI duy trì mức bình quân phí giao dịch 400 triệu đồng/ ngày;

Nguồn vốn kinh doanh được bổ sung do công ty phát hành thành công trái phiếu PSI trong năm 2021 và tiếp tục duy trì trong năm 2021, đồng thời Sản phẩm quản lý tiền trên tài khoản chứng khoán được golive tháng 02/2021 nên kế hoạch doanh thu dịch vụ tài chính 115 tỷ với dư nợ bình quân năm 2022 là 1.000 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Kế hoạch doanh thu đầu tư chứng khoán góp vốn năm 2022 là 100 tỷ đồng . Do hiện trạng danh mục đầu tư của Công ty có tỷ trọng cao là OTC nên công ty cũng cần nhắc nhở trọng trong việc dành nguồn lực vốn cho tự doanh. Vì vậy, nhiệm vụ của phòng ĐTTC năm 2022 là:

- Tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng thanh toán các khoản đầu tư chưa hiệu quả để thu hồi bảo toàn vốn đã đầu tư;
- Tăng tỷ trọng đầu tư lãi suất cố định để tạo nguồn thu an toàn và ổn định cho hoạt động đầu tư;
- Đối với danh mục đầu tư tập trung vào những cổ phiếu cơ bản, có thanh khoản và có tiềm năng, và có thị giá đang thấp hơn giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó xem xét thêm cơ hội đầu tư vào cổ phiếu có kế hoạch thoái vốn của nhà nước trong năm như nhóm cổ phiếu hóa chất, xây dựng...
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới liên quan đến thanh khoản trái phiếu, chứng chỉ quỹ
- Tận dụng cơ hội thị trường để tiếp tục giảm tổng giá trị danh mục đầu tư, thoái vốn danh mục tồn đọng, đảm bảo an toàn tài chính chung.

Chi phí và lợi nhuận

Kế hoạch lợi nhuận trước thuế, trước trích lập năm 2022 là 50 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2022: 22,5 tỷ đồng do các hoạt động của công ty đã tăng trưởng tới ngưỡng hạn mức theo quy định giới hạn về Vốn chủ sở hữu.

Hoạt động tư vấn

Kế hoạch doanh thu tư vấn năm 2022 là 30 tỷ đồng tăng trưởng 100,2% so với năm 2021.

Cơ sở để PSI đặt kế hoạch doanh thu tư vấn quý năm 2022 bao gồm:

- Các dự án đã ký hợp đồng/triển khai trong năm 2021 sẽ được ghi nhận doanh thu trong năm 2022;
- Dự báo các hợp đồng sẽ ký mới và thu được phí trong năm 2022;

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu củng cố vai trò tư vấn tài chính cho các đơn vị trong ngành dầu khí, sát cạnh cùng các đơn vị trong ngành thực hiện mục tiêu phát triển của từng đơn vị thông qua việc cung cấp các dịch vụ tư vấn như niêm yết, phát hành chứng khoán, tìm kiếm cổ đông chiến lược và mua bán sáp nhập, tư vấn quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó vẫn tích cực mở rộng hoạt động ra ngoài ngành, triển khai các hợp đồng với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); tiếp tục phối hợp với đối tác chiến lược SMBC NIKKO để tìm kiếm cơ hội với khối các Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam.

Công ty tiếp tục chủ trương một mặt bám sát các hoạt động thu xếp vốn của PVCOMBANK để tận dụng cơ hội khai thác tối đa các khách hàng thuộc PVCOMBANK, mặt khác đẩy mạnh tìm kiếm nhu cầu phát hành trái phiếu của các Doanh nghiệp bên ngoài để đẩy mạnh hoạt động đại lý phân phối phát hành Trái phiếu, từng bước xây dựng mạng lưới và mối quan hệ với các định chế đầu tư khác như các Ngân hàng, Công ty quản lý quỹ.

Trung tâm phân tích

Trung tâm phân tích với vai trò xây dựng và vận hành phát triển bộ chỉ số; xây dựng và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng tổ chức cá nhân, tìm kiếm và đề xuất các cơ hội đầu tư... Kế hoạch doanh thu năm 2022 là 4 tỷ đồng.

Cơ sở để PSI đặt kế hoạch doanh thu trung tâm phân tích năm 2022 bao gồm:

- Các dự án đã ký hợp đồng/triển khai trong năm 2021 sẽ được ghi nhận doanh thu trong năm 2022;
- Doanh thu từ quyết toán bộ chỉ số năm 2021;
- Dự báo các hợp đồng sẽ ký mới và thu được phí trong năm 2022;

Hoạt động khác

Doanh thu hoạt động khác kế hoạch là 16 tỷ đồng. Mục tiêu để đạt được kế hoạch doanh thu mảng này là tiếp tục phát triển mảng khách hàng tổ chức và khách hàng nước ngoài để thu thêm các giá trị gia tăng từ mảng khách hàng này.

3.3 Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

Ngoài các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2022 PSI còn đặt mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

Thị phần, sản phẩm và mạng lưới

- Thị phần giao dịch tối thiểu: 1%
- Tỷ lệ phát triển khách hàng mới tối thiểu: 15%.
- Tỷ lệ tài khoản active tối thiểu 10%/tháng.
- Mở mới ít nhất 02 Điểm giao dịch tại Hà Nội và khu vực phía Nam.
- Hoàn chỉnh chuỗi sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng nước ngoài.
- Tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ từ mảng hoạt động kinh doanh quan hệ quốc tế, đảm bảo 2% /tổng Doanh thu.

Công nghệ, sản phẩm dịch

- Phát triển e-KYC (trên hệ thống PSI và PVcomBank)
- Hoàn thành kết nối thu chi hệ PSI-PVcomBank, PSI-VietinBank
- Đưa vào vận hành Phần mềm giao dịch trái phiếu trực tuyến (Core Bond)

Xử lý tồn đọng tài chính và đầu tư

- Chuyển nhượng tối thiểu 05 khoản đầu tư trên danh mục OTC tồn đọng.
- Thu hồi 100% công nợ trong hoạt động Dịch vụ chứng khoán và Tư vấn.

Công tác cán bộ, đào tạo

- Công tác tuyển dụng được chú trọng nhằm tuyển dụng nhân sự thay thế cho Người lao động nghỉ việc/điều chuyển, lượng nhân sự tuyển tập trung vào Khối DVCK và Khối Tư vấn.
- Nâng cao kỹ năng quản trị, điều hành của cán bộ chủ chốt các cấp.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai định kỳ hàng tháng.

Công tác pháp chế, QTRR, KSNB

- Bảo đảm hệ thống quy chế, quy trình phù hợp với pháp luật và yêu cầu quản lý của Công ty.
- Tư vấn cho BĐH và hỗ trợ các bộ phận chuyên môn trong việc bảo đảm tính pháp lý, tính tuân thủ và kiểm soát các hoạt động của Công ty; ngăn ngừa sai phạm, xung đột lợi ích và vi phạm đạo đức nghề nghiệp;
- Xây dựng và tổ chức triển khai chính sách rủi ro, quản lý hạn mức rủi ro nhằm tăng cường việc chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro;

4. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1 Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hiện nay gồm 03 kiểm soát viên, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách);
- Ông Bùi Thế Anh - kiểm soát viên (không chuyên trách);
- Bà Nguyễn Thị An - kiểm soát viên (không chuyên trách),

2 Tổng kết các cuộc họp trong năm

I. Phiên họp thứ nhất (28/04/2021)

Nội dung các quyết định:

- Thông báo kết quả Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của PSI
- Ban kiểm soát thảo luận và thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2019

II. Phiên họp thứ hai (31/12/2021)

Nội dung các quyết định:

- Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021
- Xem xét kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty;
- Thông qua kế hoạch công tác năm 2022
- Các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát

3 Công tác kiểm soát trong năm 2021

• Đã thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, của Ban Giám đốc năm 2020, đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021,

- Thực hiện kiểm tra công tác kiểm kê năm 2020 tại Hội sở và các chi nhánh
- Kiểm tra công tác đầu tư tài chính trong các năm trước đây và 9 tháng đầu năm 2021
- Cùng Bộ phận Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro đã rà soát và đề nghị chỉnh sửa toàn bộ các quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến thay đổi mô hình hoạt động của Công ty
- Phối hợp với Bộ phận QTRR-KSNB và Phòng KTNB, thực hiện công tác kiểm tra, rà soát số chênh lệch tiền của nhà đầu tư trên Bos và Bravo

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2022 của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp năm 2020
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông
- Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động

5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR CỦA CÔNG TY

I. BỘ MÁY QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Hồ Việt Hà	Ủy viên
3	Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên
4	Ông Phạm Anh Đức	Ủy viên HĐQT độc lập
5	Ông Nguyễn Xuân Hưng	Ủy viên

2. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Bùi Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị An	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Thành viên Ban Giám đốc

STT	Thành viên Ban Giám đốc	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc phụ trách
2	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc

II. VĂN BẢN, QUY TRÌNH, QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro

Bộ máy tổ chức và nhân sự Quản trị rủi ro ("QTRR") của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI") bao gồm: Hội đồng quản trị, Hội đồng đầu tư, Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Phòng Kiểm toán nội bộ, Giám đốc, Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ ("QTRR. KSNB"), và các bộ phận nghiệp vụ.

1.1. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động quản trị rủi ro tại PSI, Hội đồng quản trị phân công 01 Ủy viên Hội đồng quản trị phụ trách Quản trị rủi ro có nhiệm vụ hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng nhiệm vụ liên quan đến hoạt động Quản trị rủi ro;
- Hàng năm tiến hành rà soát và phê duyệt các chính sách, hạn mức rủi ro trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty;
- Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Giám đốc, Phòng QTRR.KSNB và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR

1.2. Hội đồng đầu tư

- Hội đồng đầu tư hoạt động theo Quy chế hoạt động đầu tư của PSI;
- Thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của PSI tại Báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định việc chuyển về tự doanh các khoản đầu tư PSI thực hiện theo nghĩa vụ của hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc các hợp đồng khác của PSI;
- Đánh giá các khoản mục đã thực hiện đầu tư và đưa ra phương án giải quyết

1.3. Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính hoạt động theo Quy chế Hoạt động Dịch vụ tài chính của PSI;
- Đánh giá tính phù hợp của hệ thống lãi suất, cơ chế cấp vốn và hệ thống các chính sách khác áp dụng cho hoạt động dịch vụ tài chính của PSI và quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế;
- Ban hành danh mục chứng khoán cho vay tiền giao dịch ký quỹ trên cơ sở danh mục cho phép của Sở giao dịch chứng khoán và các tỷ lệ cho vay ký quỹ đảm bảo an toàn, hiệu quả và kiểm soát được rủi ro, bảo toàn vốn và thu được khoản lợi nhuận tương ứng với số tiền sử dụng cho dịch vụ này;
- Quyết định biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường có biến động lớn để đảm bảo hạn chế rủi ro cũng như tổn thất cho PSI.

1.4. Giám đốc

- Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt
- Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình HĐQT phê duyệt; Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro;
- Định kỳ hàng quý báo cáo HĐQT việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;

- Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong PSI phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt;
- Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của PSI;
- Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính;
- Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu

1.5. Phòng Kiểm toán nội bộ

- Là một đơn vị độc lập trực thuộc HĐQT;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống;
- Đánh giá quy trình quản trị rủi ro;
- Đưa ra đề xuất, khuyến nghị nhằm thiết lập và nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống các chính sách, quy chế, quy định, quy trình của PSI

1.6. Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ

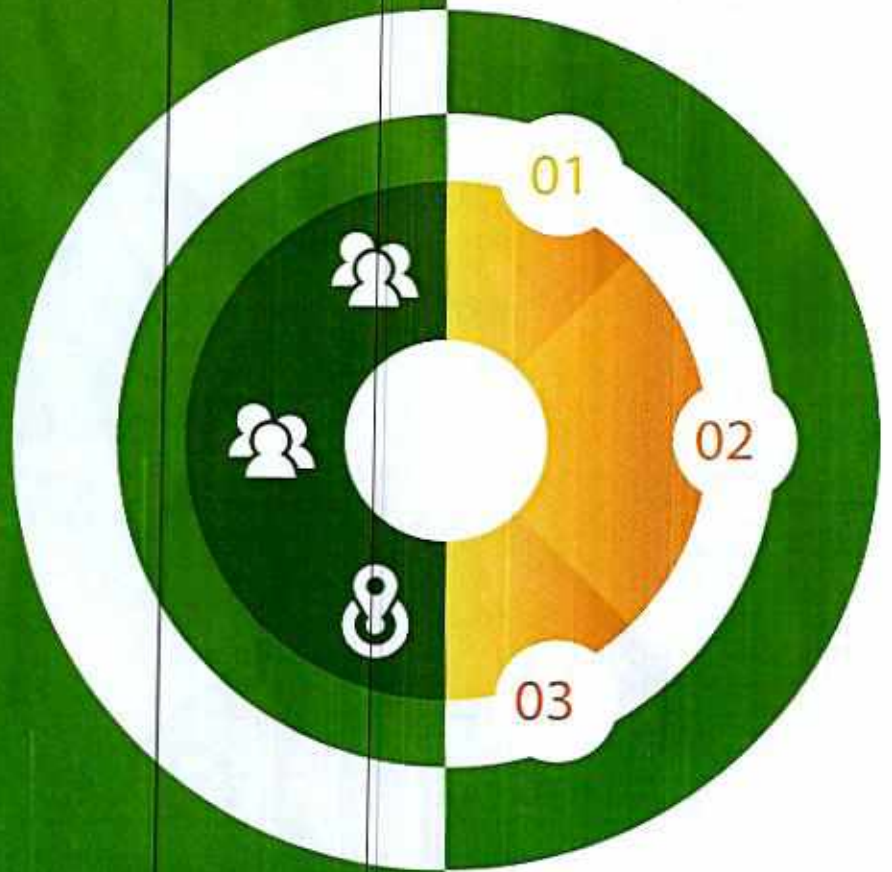
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của PSI;
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh;
- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Giám đốc; Đề xuất hạn mức rủi ro cho bộ phận nghiệp vụ;
- Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Giám đốc Công ty;
- Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của PSI.

1.7. Các Bộ phận nghiệp vụ

- Các Giám đốc Chi nhánh/Trưởng phòng nghiệp vụ trong Công ty phải tuân thủ và thực hiện quản trị rủi ro hàng ngày theo đúng quy trình quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro của PSI đã được phê duyệt
- Phối hợp cùng Phòng QTRR.KSNB tính toán, xây dựng hạn mức rủi ro cho đơn vị mình đảm bảo sát thực với hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với điều kiện của đơn vị và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan



III. Công tác kiểm tra giám sát của Công ty về quản trị rủi ro



1. Nội dung kiểm tra, giám sát

Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro; Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của Bộ phận quản trị rủi ro; Đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro; Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt,

2. Số lần kiểm tra trong năm:

Theo dõi cảnh báo xử lý giảm giá giao dịch ký quỹ, hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

Định kỳ hàng tháng, Trưởng Bộ phận QTRR.KSNB báo cáo Ban Giám đốc Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, theo dõi thực hiện trên thực tế các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Định kỳ hàng quý, Ban Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;

Định kỳ 06 tháng/1 lần công ty thực hiện các báo cáo Quản trị rủi ro theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán năm 2019

Thực hiện kiểm tra các vụ việc cụ thể (nếu có)

3. Báo cáo kết quả kiểm tra

Công ty đã tuân thủ các hạn mức rủi ro, chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đầu năm

Luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trên 180%;

PSI luôn không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động; xây dựng mối quan hệ thân thiết với cổ đông, khách hàng, cổ đông chiến lược SMBC Nikko, khách hàng ngành Dầu khí, và các đối tượng khách hàng khác đồng thời có các chính sách phù hợp với từng thời kỳ cũng như đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động, rủi ro thương hiệu;

Hạn mức đối với hoạt động đầu tư theo quy định tại điểm g, khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính: "không được sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh", PSI chưa đáp ứng được. Tuy nhiên các khoản đầu tư này PSI đã thực hiện đầu tư từ những năm 2009 đến 2012, tức là trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư số 121/2020/TT-BTC và Thông tư số 210/2012/TT-BTC. PSI đã và đang nỗ lực thoái vốn tại các doanh nghiệp đầu tư vượt hạn mức nhưng đến nay quá trình thoái vốn vẫn chưa hoàn tất vì một số lý do khách quan như (i) các doanh nghiệp do PSI đầu tư có hoạt động kinh doanh yếu kém, thua lỗ dẫn đến âm vốn chủ sở hữu (ii) một số doanh nghiệp đã dừng hoạt động trong thời gian dài, Trong thời gian tới PSI sẽ đưa tỷ lệ đầu tư này về mức quy định theo yêu cầu.

IV. ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐỘC LẬP NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

PSI tuân thủ các quy định về các đối tượng trong công ty chứng khoán không được mở tài khoản giao dịch ký quỹ bao gồm: Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và những người có liên quan đến các đối tượng trên. Việc mở tài khoản giao dịch của các đối tượng trên được thực hiện chặn trên hệ thống giao dịch của Công ty nên không phát sinh giao dịch. Định kỳ, bộ phận nghiệp vụ thực hiện rà soát các đối tượng được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm bổ sung, tuyển mới trong Công ty đảm bảo không bị bỏ sót và phát sinh hoạt động cho vay với các đối tượng không đáp ứng theo quy định.

01

2. Giao dịch với người có liên quan

Không có giao dịch

02

3. Giao dịch với cổ đông người quản lý công ty và người có liên quan của các đối tượng này

Không có giao dịch

03

4. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

Để đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty, các quy định Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí được thông qua ngày 28/04/2021, cụ thể như sau:

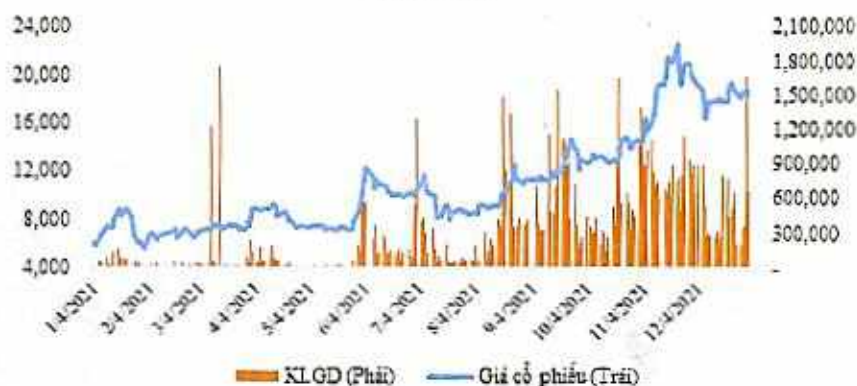
Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

04

6. THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG IR

Diễn biến giá cổ phiếu PSI và khối lượng giao dịch năm 2021-2022



THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2021

Nguồn: PSI, số liệu tại ngày 31/12/2021

Năm 2021 là năm thị trường chứng khoán Việt Nam liên tục chinh phục những đỉnh mới. Chỉ số VN-Index đạt mức điểm cao nhất trong 21 năm hoạt động và thanh khoản cũng liên tục đạt những kỷ lục mới về giá trị và khối lượng giao dịch nhờ dòng tiền từ những nhà đầu tư mới. Trước những thông tin tích cực từ thị trường, cổ phiếu PSI cũng có một năm đáng nhớ khi thiết lập mốc đỉnh lịch sử cả về giá và thanh khoản. Tại ngày 15/11/2021, cổ phiếu PSI đạt mức giá 20.500đ/cổ phiếu – mức giá cao nhất kể từ khi lên sàn. Thanh khoản của PSI cũng là mức chưa từng có trong lịch sử, với đỉnh điểm là hơn 1,6 triệu cổ phiếu giao dịch trong ngày 30/12/2021.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2021

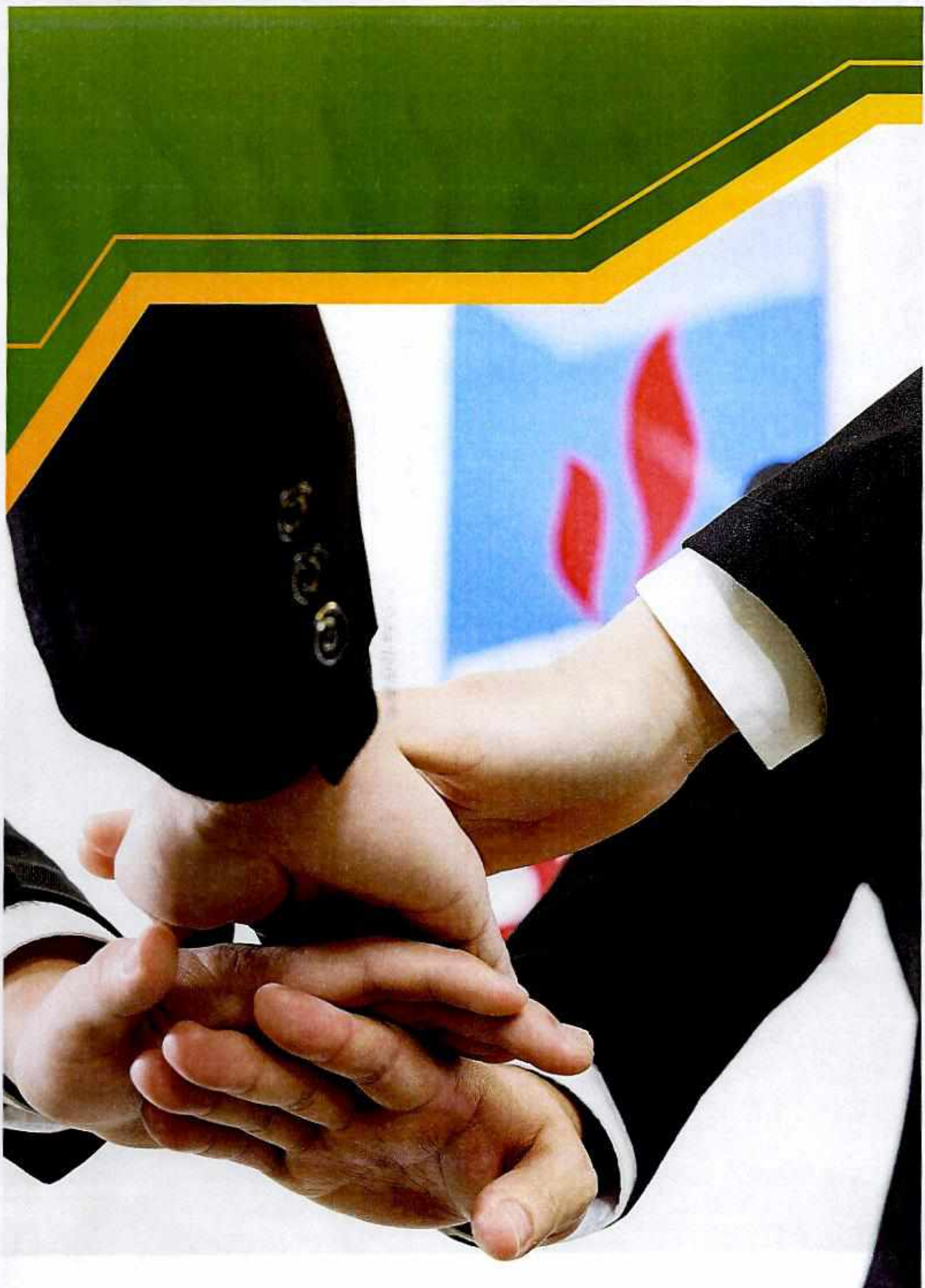
PSI luôn duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin. Nhờ vậy, công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông, nhà đầu tư hiện hữu, góp phần tạo nên thương hiệu PSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

Tại PSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư và sự bình đẳng giữa các cổ đông, nhà đầu tư luôn được công ty chú trọng hàng đầu. Để tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong năm vừa qua PSI đã luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, các phương tiện thông tin đại chúng, Báo cáo thường niên v.v... Các thông tin đều được công bố trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử PSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông và nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Đặc biệt trong năm 2021, PSI đã có một bước tiến mới khi nâng cấp và đổi mới giao diện của website PSI. Giao diện mới được thay đổi hoàn toàn so với phiên bản cũ mang đến sự thân thiện, hiện đại, dễ dàng tìm kiếm thông tin trong quá trình truy cập, giúp cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng và nhà đầu tư nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, tìm hiểu dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo, cùng các văn bản quan trọng khác từ khi thành lập công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Phần V. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	4
2 MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	5
3 NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG	6



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI

Từ những ngày đầu thành lập, PSI luôn định hướng ưu tiên tập trung các hoạt động kinh doanh xoay quanh các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường - yếu tố cần thiết đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI

PSI xây dựng mô hình phát triển bền vững dựa trên các tác động từ hoạt động của PSI lên 3 yếu tố: Kinh tế, Xã hội và Môi trường.



Cổ đông, nhà đầu tư

Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư

Công bố thông tin minh bạch, đầy đủ theo quy định của pháp luật

Cộng đồng

Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua các hoạt động thiện nguyện

Cơ quan quản lý

Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng

Hoàn thành các nghĩa vụ Thuế với Nhà nước

Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, sửa đổi văn bản, chính sách cùng cơ quan quản lý

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

Khách hàng:
Trung tâm trong chuỗi giá trị tạo ra sản phẩm, dịch vụ của PSI

Thấu hiểu nhu cầu, hành vi của khách hàng

- PSI hiểu rõ khách hàng theo các tiêu chí như: độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp... và tiêu chí về tài chính (thu nhập, tổng tài sản, quan điểm về đầu tư) để tạo nên chân dung khách hàng mục tiêu

- Dịch bệnh COVID-19 xảy ra và kéo dài đã làm thay đổi mạnh mẽ hành vi của khách hàng, đặc biệt là sự chuyển dịch sang xu hướng giao dịch, tiêu dùng trực tuyến. Nắm bắt sự thay đổi hành vi đó, PSI đã và đang tiến hành mạnh mẽ các hoạt động chuyển đổi số nhằm thu hút khách hàng tiềm năng và giữ chân khách hàng hiện tại

Thiết kế các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao cấp phù hợp với khách hàng

- Khi thiết kế sản phẩm và dịch vụ mới, PSI đều xác định rõ phân khúc khách hàng mục tiêu hướng tới, nhu cầu và hành vi của phân khúc khách hàng mục tiêu để từ đó thiết kế tính năng sản phẩm phù hợp, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của phân khúc khách hàng mục tiêu.

- Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh gắt gao về phí giao dịch và lãi suất vay ký quỹ, PSI tin rằng triết lý tạo ra những sản phẩm, dịch vụ chất lượng hàng đầu, đáp ứng nhu cầu và hành vi của từng phân khúc, tạo ra giá trị bền vững và giảm thiểu rủi ro cho khách hàng sẽ tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín của PSI.

Đo độ hài lòng của khách hàng để tiếp tục cải thiện các sản phẩm, dịch vụ

- PSI thực hiện các buổi khảo sát đội ngũ kinh doanh, các khách hàng mục tiêu để lấy ý kiến về chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sự hài lòng và những kỳ vọng của khách hàng đối với PSI.

- Dữ liệu về phản hồi của khách hàng được phân tích, báo cáo và lưu trữ để làm căn cứ cho quá trình phát triển, thay đổi và cải tiến sản phẩm, dịch vụ của PSI nhằm hướng tới không ngừng nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Cộng đồng: Tích cực thực hiện vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội

- Trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 đang có những diễn biến vô cùng phức tạp, ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống, vắc-xin trở thành giải pháp hiệu quả nhất hiện nay để Việt Nam và các quốc gia trên thế giới sớm đẩy lùi đại dịch. Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo và CBNV PSI phát huy tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết dân tộc, chung tay quyên góp nguồn lực tài chính trong điều kiện có thể với mong muốn đồng hành cùng Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành và người dân đối phó với đại dịch, sớm có vaccine phục vụ công tác tiêm chủng phòng ngừa COVID-19.

- Năm 2021, với sự ủng hộ của Ban lãnh đạo và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, số tiền 200 triệu đồng tương ứng với 2,5 ngày lương của các cán bộ công nhân viên đã được PSI chuyển thành công vào Quỹ vắc-xin phòng Covid -19.

Nhà đầu tư, cổ đồng: Tối ưu hóa giá trị cổ đông

Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông

PSI rất chú trọng đến hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông trong việc tiếp cận các thông tin liên quan một cách chính xác và kịp thời. Thông qua các cuộc họp Đại hội Cổ đông và Báo cáo Thường niên, cổ đông và nhà đầu tư của PSI được nhận đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của PSI và tất cả hoạt động phát triển chiến lược của công ty.

Công bố thông tin minh bạch

- Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, PSI công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời, tuân thủ chặt chẽ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và cập nhật theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Các thông tin đều được công bố song song trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử PSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp.
- Trong năm 2021, PSI đã có một bước tiến mới khi nâng cấp và đổi mới giao diện của trang thông tin điện tử PSI. Giao diện mới được thay đổi hoàn toàn so với phiên bản cũ mang đến sự thân thiện, hiện đại, dễ dàng tìm kiếm thông tin trong quá trình truy cập, giúp cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng và nhà đầu tư nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, tìm hiểu dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo, cùng các văn bản quan trọng khác từ khi thành lập công ty tới nay.

Cơ quan quản lý nhà nước: Tuân thủ và đóng góp tích cực

Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng

- Năm 2021, toàn thể nhân viên PSI đã tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, PSI không ghi nhận biên bản, thông báo nào liên quan đến vi phạm pháp luật, quy định trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Đóng góp tích cực cho Ngân sách Nhà nước

- Làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là cam kết của PSI trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Kể từ khi thành lập, PSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước.

Nhân viên: Đầu tư vào con người, tạo nền tảng vững chắc

Đảm bảo mức thu nhập ổn định và quyền lợi nâng cao cho nhân viên

- Năm 2021, đại dịch COVID-19 đã làm ảnh hưởng nặng nề lên nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh như vậy, PSI vẫn duy trì đầy đủ mức lương, thưởng cho nhân viên. Việc rà soát, phê duyệt và điều chỉnh lương dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty thể hiện sự cam kết của Công ty trong hoạt động phát triển bền vững đối với người lao động. Bên cạnh đó, các phúc lợi được pháp luật quy định như các phúc lợi xã hội bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe hoặc chương trình khám sức khỏe định kỳ cũng được công ty đảm bảo.

- PSI sẽ tiếp tục phân tích và xây dựng cơ cấu khung lương phù hợp với thị trường, đổi mới chính sách lương thưởng, khuyến khích từng thời kỳ. Hoạt động này nhằm tăng sự gắn bó của nhân viên với công ty, khích lệ tinh thần cạnh tranh lành mạnh trong môi trường làm việc và tạo ra thu nhập xứng đáng cho nhân viên.

Xây dựng động lực làm việc và môi trường gắn kết nhân viên

- Việc nuôi dưỡng văn hóa công ty theo định hướng phát triển bền vững là yếu tố quan trọng để duy trì tính cạnh tranh. Tại PSI, chúng tôi dành nhiều tâm huyết cho việc tìm kiếm nhân sự phù hợp, phát triển tài năng của họ, lắng nghe và hỗ trợ nhằm đảm bảo họ được trang bị các kỹ năng phù hợp.

- Nhằm thúc đẩy tính gắn kết và tạo động lực làm việc cho nhân viên, trong năm vừa qua, PSI đã liên tục thực hiện rất nhiều các chương trình như: "PSI - 12 mùa hoa", "Mang tết về PSI - cuộc thi ảnh năm 2021". Những chương trình này đã nhận được sự hưởng ứng của tất cả các nhân viên và góp phần tăng mức độ gắn kết giữa các nhân viên trong công ty.

Nuôi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự

- Tại PSI, chúng tôi coi đào tạo là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển con người, giúp nhân viên phát triển một cách chuyên nghiệp và thăng tiến trong sự nghiệp. Trong năm 2021, PSI đã tổ chức thành công các buổi đào tạo nội bộ, đào tạo hội nhập nhằm giúp nhân viên trong công ty nắm được giá trị cốt lõi của công ty, nâng cao kỹ năng và kiến thức. Bên cạnh đó, công ty cũng tiến hành cử cán bộ đi học các lớp đào tạo kiến thức, chứng chỉ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhằm trang bị đầy đủ kiến thức và chứng chỉ hành nghề cho cán bộ nhân viên nhằm chuẩn bị nguồn lực trong tương lai cho công ty.



Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-48
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-48

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020.

Trụ sở của Công ty tại: Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Hồ Việt Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên
Ông Phạm Anh Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc phụ trách	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 26/02/2021
Bà Phan Quỳnh Nga	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 10/02/2022
Ông Bùi Huy Long	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/04/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng ban
Ông Bùi Thế Anh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị An	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Hưng
Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 5 - "Các loại tài sản tài chính" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021, tài sản tài chính sẵn sàng để bán của Công ty bao gồm các khoản đầu tư và ủy thác quản lý danh mục đầu tư với giá trị sổ sách là 160,7 tỷ đồng, chiếm 24,6% vốn chủ sở hữu phát sinh từ năm 2012 trở về trước và không phát sinh đầu tư thêm đến thời điểm hiện tại. Công ty đã đánh giá giảm đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết với số tiền lũy kế là 20,52 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các cơ sở thu thập được đã phản ánh thông tin về giao dịch trên thị trường của các khoản đầu tư này, đồng thời đang nỗ lực thực hiện các biện pháp và có các kết quả tích cực nhằm đưa tỷ lệ sở hữu các tài sản tài chính này về đúng quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.

Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 6 - "Các khoản phải thu ngắn hạn" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư tại ngày 31/12/2021 bao gồm 10 tỷ đồng (số dư tại ngày 01/01/2021 là 33 tỷ đồng) là phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại TP. Hồ Chí Minh. Các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng các lô đất tại TP. Hồ Chí Minh và một số tài sản khác với tổng giá trị 16,2 tỷ đồng để đảm bảo khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi được 23 tỷ đồng đồng thời nhóm nhà đầu tư trên đã ký thỏa thuận xác nhận nợ và cam kết thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ trong năm 2022. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát, định đoạt, thanh lý tài sản để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đầu tư cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo của nhà đầu tư và Công ty.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.126.272.218.290	1.129.554.668.955
110	I. Tài sản tài chính		2.124.784.831.190	1.126.459.362.492
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	52.555.942.778	13.530.681.344
111.1	1.1 Tiền		52.555.942.778	13.530.681.344
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	305.929.910.559	14.176.660.520
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	432.400.000.000	171.972.314.000
114	4. Các khoản cho vay	5	1.159.046.601.171	627.693.076.475
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	140.179.648.218	221.206.548.218
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(12.650.000.000)	-
117	7. Các khoản phải thu	7	21.157.908.322	14.318.228.167
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	1.625.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		21.157.908.322	14.316.603.167
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		11.711.603.351	10.253.866.656
117.4	7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		9.446.304.971	4.062.736.511
118	8. Trả trước cho người bán	9	11.119.716.435	18.160.406.300
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	10.444.495.767	12.750.821.435
122	10. Các khoản phải thu khác	7	21.143.305.331	50.684.111.847
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(16.542.697.391)	(18.035.485.814)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.487.387.100	3.095.306.463
131	1. Tạm ứng		269.653.861	424.242.694
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		-	1.006.123.883
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	407.531.323	652.827.929
137	4. Tài sản ngắn hạn khác	12	1.019.201.916	1.221.111.957
139	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		(209.000.000)	(209.000.000)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		89.717.446.991	144.150.944.539
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		50.012.500.000	105.904.425.810
212	1. Các khoản đầu tư	13	50.012.500.000	105.904.425.810
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.012.500.000	105.904.425.810
220	II. Tài sản cố định		17.657.719.194	16.385.067.298
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	8.433.179.623	8.834.787.059
222	- Nguyên giá		27.200.559.792	26.088.832.383
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.767.380.169)	(17.204.045.324)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	9.224.539.571	7.500.280.239
228	- Nguyên giá		29.020.640.035	24.430.800.035
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.796.100.464)	(16.930.519.796)
249	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.265.000.000
250	V. Tài sản dài hạn khác		22.047.227.797	20.596.451.431
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	1.933.797.250	1.579.297.250
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.388.225.946	5.117.029.706
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	15.725.204.601	13.900.124.475
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.215.989.665.281	1.273.705.613.494

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.564.102.873.914	648.454.773.358
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.564.002.401.172	648.354.300.616
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	332.050.000.000	186.680.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		332.050.000.000	186.680.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	18	879.300.000.000	289.100.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	2.598.563.571	1.871.037.167
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	20	4.129.298.626	7.505.792.788
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	2.137.442.500	2.119.700.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	16.576.617.558	2.945.736.841
323	7. Phải trả người lao động		7.306.809.658	892.717.968
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.241.370.461	665.932.873
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	19.171.727.040	2.987.660.257
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24	-	8.240.000.000
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	299.490.571.758	145.319.708.839
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	28.013.883
340	II. Nợ phải trả dài hạn		100.472.742	100.472.742
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	24	90.000.000	90.000.000
355	2. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư		10.472.742	10.472.742
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		651.886.791.367	625.250.840.136
410	I. Vốn chủ sở hữu	26	651.886.791.367	625.250.840.136
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		624.576.190.150	624.576.190.150
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		598.413.000.000	598.413.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		26.163.190.150	26.163.190.150
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(20.516.900.000)	(12.500.000.000)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.375.291.013	3.375.291.013
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.364.941.013	3.364.941.013
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		41.087.269.191	6.434.417.960
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		41.054.467.907	7.602.841.612
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		32.801.284	(1.168.423.652)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.215.989.665.281	1.273.705.613.494

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại	27	38.631,37	90,07
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		59.841.300	59.841.300
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán (*)		906.233	1.018.101
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		98	154
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		15.816.796	20.543.629
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		2.011.035.965	2.081.056.645
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.701.930.072	1.898.999.183
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		165.236.143	165.344.943
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		132.867.708	8.928.204
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		18.021	182.624
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		10.984.021	7.601.691
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		3.062.769	11.410.929
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		3.054.548	1.852.929
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		8.221	9.558.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư		10.677.740	24.574.743

(*) Phản ánh số lượng các tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và khách hàng tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

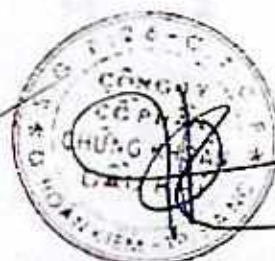
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
026	4. Tiền gửi của khách hàng	28	605.143.807.901	1.164.380.993.456
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		548.215.355.938	1.109.153.908.468
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		56.827.992.313	55.174.597.488
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		52.664.029.603	55.069.411.461
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		4.163.962.708	105.186.027
030	4.1 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		100.459.650	52.487.500
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29	605.043.348.251	1.164.328.505.956
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		576.412.047.890	577.066.976.026
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		28.631.300.361	587.261.529.930
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30	100.459.650	52.487.500


Lê Thị Thanh Tâm
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hà
TUQ Kế toán trưởng
Phòng TCKTNguyễn Xuân Hưng
Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Chi nhánh tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		134.360.295.693	15.169.917.640
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	125.950.332.633	2.936.829.219
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	32.b)	7.845.613.380	8.738.135.448
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	32.c)	564.349.680	3.474.952.973
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.c)	19.399.621.478	18.384.104.596
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.c)	120.784.816.832	61.682.554.528
04	1.4 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		260.000.000	421.919.938
06	1.5 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		128.067.047.004	33.619.577.830
09	1.6 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		6.911.978.448	6.617.797.069
10	1.7 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		29.888.262.954	15.470.220.916
11	1.8 Thu nhập hoạt động khác	32.d)	13.731.654.863	6.015.372.712
20	Cộng doanh thu hoạt động		453.403.677.272	157.381.465.229
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		23.294.710.767	11.257.159.083
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	16.334.210.707	426.364.514
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	32.b)	6.644.388.444	10.793.496.755
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		316.111.616	37.297.814
22	2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	12.870.000
24	2.3 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		12.650.000.000	-
26	2.4 Chi phí hoạt động tự doanh		96.980.351.439	4.070.920.470
27	2.5 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		134.474.442.386	44.744.257.585
28	2.6 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		9.090.910	-
30	2.7 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.400.678.400	7.052.134.797
31	2.8 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		26.873.696.368	14.455.559.659
32	2.9 Chi phí các dịch vụ khác	33	1.286.394.670	4.958.990.416
40	Cộng chi phí hoạt động		302.969.364.940	86.551.892.010
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	34		
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		8.482.883	18.461.893
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		1.766.627.707	1.078.215.726
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.775.110.590	1.096.677.619

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

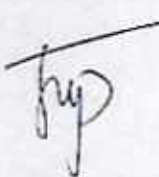
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	35		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		42.882.547	27.840.317
52	4.2 Chi phí lãi vay		59.070.026.764	32.566.216.167
60	Cộng chi phí tài chính		59.112.909.311	32.594.056.484
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	36	49.658.261.875	32.864.183.969
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		-43.438.251.736	6.468.010.385
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		127.418.671	183.729.925
72	8.2 Chi phí khác		20	50.992.301
80	Cộng kết quả hoạt động khác		127.418.651	132.737.624
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		43.565.670.387	6.600.748.009
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		42.364.445.451	8.656.109.316
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		1.201.224.936	(2.055.361.307)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	37	8.412.819.156	(333.669.951)
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		8.412.819.156	(333.669.951)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		35.152.851.231	6.934.417.960
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(8.016.900.000)	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		(8.016.900.000)	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	38	587	116



Lê Thị Thanh Tâm

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hà

TUQ Kế toán trưởng
Phó phòng TCKT



Nguyễn Xuân Hưng

Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		43.565.670.387	6.600.748.009
02	2 Điều chỉnh cho các khoản		73.760.163.220	36.710.981.996
03	- Khấu hao tài sản cố định		5.425.325.013	4.112.132.574
04	- Các khoản dự phòng		11.159.211.577	1.289.389.241
05	- Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(2.317.882)	3.277.922
06	- Chi phí lãi vay		59.070.026.764	32.566.216.167
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.892.082.252)	(1.260.053.908)
10	3 Tăng các chi phí phi tiền tệ		6.644.388.444	10.793.496.755
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		6.644.388.444	10.793.496.755
18	4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(7.845.613.380)	(8.738.135.448)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(7.845.613.380)	(8.738.135.448)
30	5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(809.257.270.462)	(303.564.164.998)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(290.552.025.103)	3.569.290.513
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(204.535.760.190)	(147.722.438.440)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(531.353.524.696)	(228.668.138.515)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		73.010.000.000	(14.760.000.000)
35	- (-) Tăng, (-) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		1.625.000	2.519.637.531
36	- (-) Tăng, (-) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(6.841.305.155)	(1.458.883.721)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		2.324.068.168	3.332.975.879
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		29.540.806.516	1.276.046.939
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(462.457.369)	780.550.720
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		7.911.380.954	(533.470.500)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		974.100.366	1.103.843.757
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.000.000.000)	(579.860.655)
44	- Lãi vay đã trả		(50.797.340.935)	(30.210.628.108)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		3.537.695.703	(24.031.934.700)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		577.437.588	288.660.998
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		8.218.061.561	2.806.213.651
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		6.414.091.690	892.717.968
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		154.898.389.323	126.313.058.565
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		185.110.000	2.100.000.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.307.623.883)	(581.806.880)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(693.132.661.791)	(258.197.073.686)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(5.306.476.909)	(3.370.606.909)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		125.454.545	181.818.182
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.766.627.707	1.078.215.726
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.414.394.657)	(2.110.573.001)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		6.675.440.000.000	1.928.240.131.671
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.939.870.000.000)	(1.697.760.131.671)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		735.570.000.000	240.480.000.000
90	IV Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		39.022.943.552	(19.827.646.687)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		13.530.681.344	33.361.605.953
101.1	- Tiền		13.530.681.344	29.861.605.953
101.2	- Các khoản tương đương tiền		-	3.500.000.000
102	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.317.882	(3.277.922)
103	VI Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	52.555.942.778	13.530.681.344
103.1	- Tiền		52.555.942.778	13.530.681.344

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		42.504.870.376.145	9.204.072.621.440
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(38.883.737.434.095)	(9.331.167.796.340)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	1.152.705.167.039
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(4.173.506.121.307)	-
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(6.911.978.448)	(6.633.827.924)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.229.068.830.152	943.674.876.039
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.229.020.858.002)	(943.705.781.114)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(559.237.185.555)	1.018.945.259.140
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.164.380.993.456	145.435.734.316
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.164.380.993.456	145.435.734.316
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.109.153.908.468	142.263.168.721
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		55.174.597.488	3.089.173.020
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		52.487.500	83.592.575
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	28	605.143.807.901	1.164.380.993.456
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		605.143.807.901	1.164.380.993.456
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		548.215.355.938	1.109.153.908.468
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		56.827.992.313	55.174.597.488
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		100.459.650	52.487.500

Thp

Thp



Lê Thị Thanh Tâm
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hà
TUQ Kế toán trưởng
Phó phòng TCKT


Nguyễn Xuân Hưng
Phó Giám đốc phụ trách


Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2020	01/01/2021	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2020	31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		665.852.970.360	624.576.190.150	-	41.276.780.210	-	-	624.576.190.150	624.576.190.150
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		67.439.970.360	26.163.190.150	-	41.276.780.210	-	-	26.163.190.150	26.163.190.150
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.375.291.013	3.375.291.013	-	-	-	-	3.375.291.013	3.375.291.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và tài sản nghiệp vụ		3.364.941.013	3.364.941.013	-	-	-	-	3.364.941.013	3.364.941.013
4. Chính sách đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(12.500.000.000)	(12.500.000.000)	-	-	-	8.016.900.000	(12.500.000.000)	(20.516.900.000)
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(41.276.780.210)	6.434.417.960	48.211.198.170	500.000.000	35.152.851.231	500.000.000	6.434.417.960	41.087.269.191
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(42.163.717.865)	7.602.841.612	50.266.559.477	500.000.000	33.951.626.295	500.000.000	7.602.841.612	41.054.467.907
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		886.937.655	(1.168.423.652)	(2.055.361.307)	-	1.201.224.936	-	(1.168.423.652)	32.801.284
TỔNG CỘNG		618.816.422.176	625.250.840.136	48.211.198.170	41.776.780.210	35.152.851.231	8.516.900.000	625.250.840.136	651.886.791.367
11. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lợi nhuận từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(12.500.000.000)	(12.500.000.000)	-	-	-	8.016.900.000	(12.500.000.000)	(20.516.900.000)
TỔNG CỘNG		(12.500.000.000)	(12.500.000.000)	-	-	-	8.016.900.000	(12.500.000.000)	(20.516.900.000)


Lê Thị Thanh Tâm
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Hà
TUQ Kế toán trưởng - Phó phòng TCXT


Nguyễn Xuân Hưng
Phó Giám đốc phụ trách
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020.

Trụ sở của Công ty tại: Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 598.413.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 598.413.000.000 đồng; tương đương 59.841.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 159 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 144 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, TP. Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng G và Tầng 1 tòa nhà PVComBank Đà Nẵng, lô A2.1, đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng mạnh cả về giá trị cũng như số lượng nhà đầu tư tham gia thị trường. Do đó doanh thu các hoạt động tư doanh chứng khoán, cho vay ký quỹ, môi giới chứng khoán, ... và lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuận (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

2.5 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phát sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phát sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tồn tại xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy tăng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06- 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03- 07 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 - 06 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí dịch vụ bán quyền và các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

2.11 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí hoạt động công ty chứng khoán, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lấy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.16 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

2.17 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phải biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.18 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.19 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khên thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chịu theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u> VND
Của Công ty Chứng khoán	52.630.500	5.613.708.430.000
- Cổ phiếu	2.630.500	61.300.930.000
- Trái phiếu	50.000.000	5.552.407.500.000
Của nhà đầu tư	3.436.147.962	81.534.592.209.040
- Cổ phiếu	3.400.861.464	79.192.574.664.850
- Trái phiếu	22.571.598	2.296.832.054.190
- Chứng khoán khác	12.714.900	45.185.490.000
	<u>3.488.778.462</u>	<u>87.148.300.639.040</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	188.371.714	190.766.079
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	21.274.993.999	9.994.697.297
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	31.092.577.065	3.345.217.968
	<u>52.555.942.778</u>	<u>13.530.681.344</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua M/15 (FVTPL)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	16.195.727.436	16.228.528.720	15.345.084.172	14.176.660.520
Trái phiếu chưa niêm yết	178.106.781.839	178.106.781.839	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	111.594.600.000	111.594.600.000	-	-
	<u>305.897.109.275</u>	<u>305.929.910.559</u>	<u>15.345.084.172</u>	<u>14.176.660.520</u>

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	155.796.548.218	122.629.648.218	207.796.548.218	195.296.548.218
Ủy thác quản lý định mục đầu tư	4.900.000.000	4.900.000.000	25.910.000.000	25.910.000.000
	<u>160.696.548.218</u>	<u>127.529.648.218</u>	<u>233.706.548.218</u>	<u>221.206.548.218</u>

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm (1)	432.400.000.000	122.000.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Bình Hiệp	-	49.972.314.000
	<u>432.400.000.000</u>	<u>171.972.314.000</u>

(1) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 năm được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,9%/năm đến 5%/năm.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	1.021.910.491.905	594.977.417.757
Hoạt động ứng trước tiền bán	137.136.109.268	32.715.658.718
	<u>1.159.046.601.171</u>	<u>627.693.076.475</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lê Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

4) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chính lệch đánh giá tăng		Chính lệch đánh giá giảm		Giá trị định giá lại	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	305.892.109.275	15.345.084.172	305.929.910.559	14.176.660.520	809.256.310	12.792.101	(776.455.026)	(1.181.215.753)	305.929.910.559	14.176.660.520
Cổ phiếu niêm yết	16.195.727.436	15.345.084.172	16.228.528.720	14.176.660.520	809.256.310	12.792.101	(776.455.026)	(1.181.215.753)	16.228.528.720	14.176.660.520
PFT	721.793	10.289.480.031	767.699	9.561.088.200	43.805	-	-	(719.391.851)	767.699	9.561.088.200
PFI	3.184.500.000	-	3.178.590.000	-	-	-	(6.000.000)	-	3.178.590.000	-
PAI	3.018.100.000	5.078.100.000	4.265.383.600	4.566.471.000	-	-	(752.715.000)	(4) 1.629.000	4.265.383.600	4.566.471.000
PAH	3.701.937.500	118.500	3.852.849.600	208.200	150.911.300	89.700	-	-	3.852.849.600	208.200
OIL	3.215.600.000	-	3.420.000.000	-	205.090.000	-	-	-	3.420.000.000	-
Các cổ phiếu khác	1.075.466.144	46.383.671	1.511.027.120	48.893.120	433.301.005	12.702.401	(17.740.036)	(10.194.902)	1.511.027.120	48.893.120
Tiền phiếu chưa niêm yết	178.106.781.839	-	178.106.781.839	-	-	-	-	-	178.106.781.839	-
- Tiền phiếu CTCP phát triển nhà Phúc Đổng	15.290.048.144	-	15.290.048.144	-	-	-	-	-	15.290.048.144	-
- Tiền phiếu CTCP tập đoàn đầu tư địa ốc Nova	41.946.729.091	-	41.946.729.091	-	-	-	-	-	41.946.729.091	-
- Tiền phiếu CTCP SECORA	6.199.427.089	-	6.199.427.089	-	-	-	-	-	6.199.427.089	-
- Tiền phiếu Tổng công ty phát triển Kinh Bắc -CTCP	48.093.099.226	-	48.093.099.226	-	-	-	-	-	48.093.099.226	-
- Tiền phiếu Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	66.336.678.289	-	66.336.678.289	-	-	-	-	-	66.336.678.289	-
- Tiền phiếu CTCP Đầu tư Hải Phòng	38.800.000	-	38.800.000	-	-	-	-	-	38.800.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	111.594.600.000	-	111.594.600.000	-	-	-	-	-	111.594.600.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi ghi danh số VPBCCCTG-11901	50.219.600.000	-	50.219.600.000	-	-	-	-	-	50.219.600.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP HT và PT Việt Nam - Chi Hà Thành	61.375.000.000	-	61.375.000.000	-	-	-	-	-	61.375.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hàng cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch định giá tăng		Chênh lệch định giá giảm		Giá trị định giá lại	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
AIS	160.696.548.218	233.706.548.218	127.529.648.218	221.206.548.218	-	-	(33.166.900.000)	(12.590.000.000)	127.529.648.218	221.206.548.218
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	155.796.548.218	207.796.548.218	122.629.648.218	195.296.548.218	-	-	(33.166.900.000)	(12.590.000.000)	122.629.648.218	195.296.548.218
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (1)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Dịch vụ Dầu Khí Việt Nam (2)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Thi công Cui giới và Lắp máy Dầu khí (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (2)	25.892.900.028	25.392.900.028	24.384.900.028	24.384.900.028	-	-	(1.008.000.000)	(1.008.000.000)	24.384.900.028	24.384.900.028
- Công ty Cổ phần KIM Công nghiệp Việt Nam (2)	4.800.000.000	4.800.000.000	4.608.000.000	4.608.000.000	-	-	(192.000.000)	(192.000.000)	4.608.000.000	4.608.000.000
- Công ty Cổ phần Khảo sát địa chất Lâm Quang Nghiệp (1)	7.650.000.000	7.650.000.000	-	6.350.000.000	-	-	(7.650.000.000)	(1.300.000.000)	-	6.350.000.000
- Công ty Cổ phần N nông Bình Sơn (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-	(10.000.000.000)	-	-	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Yên (2)	4.316.900.000	4.316.900.000	-	4.316.900.000	-	-	(4.316.900.000)	-	-	4.316.900.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết khác	93.636.748.190	113.636.748.190	93.636.748.190	113.636.748.190	-	-	-	-	93.636.748.190	113.636.748.190
Uỷ thác quản lý danh mục đầu tư (**)	4.900.000.000	25.910.000.000	4.900.000.000	25.910.000.000	-	-	-	-	4.900.000.000	25.910.000.000
	466.593.657.493	249.051.632.390	433.459.558.777	235.383.208.738	809.256.310	12.792.101	(33.943.358.026)	(13.681.215.753)	433.459.558.777	235.383.208.738

(1) Trong năm 2021, phát sinh các bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ (đã có quyết định phá sản hoặc thu hồi giấy phép kinh doanh) của 2 khoản đầu tư này. Công ty theo dõi tình hình và phân suy giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AIS đối với các khoản đầu tư này.

(2) Căn cứ trên cơ sở thông tin đầu tiếp được từ báo giá của các công ty chứng khoán và định giá của Ban Giám đốc, Công ty đã định giá giảm 20,52 tỷ đồng cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (CPC) Công ty tin tưởng rằng các cơ sở tiếp nhận được đầy đủ thông tin về giao dịch trên thị trường của các khoản đầu tư này. Đối với các khoản đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết còn lại, dự không có cơ sở xác định giá trị thị trường, giá trị định giá lại được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(**) Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang trực tiếp đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết với số tiền là 155,8 tỷ đồng, ủy thác đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết với số tiền là 4,9 tỷ đồng, chiếm 24,65% vốn chủ sở hữu, phát sinh từ năm 2017 trở về trước và không phát sinh đầu tư thêm đến thời điểm hiện tại. Công ty đang nỗ lực thảo luận với các nhà đầu tư, các cổ đông quan tâm có nhu cầu mua lại các cổ phiếu này để thực hiện chuyển nhượng nhằm đưa tỷ lệ sở hữu về đúng ngưỡng quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THIỆT CHẤP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (*)	12.650.000.000	-
	12.650.000.000	-

(*) Trong năm 2021, phát sinh các bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ (đã có quyết định phá sản hoặc thu hồi giấy phép kinh doanh). Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS đối với các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao và Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh Quảng Ngãi với số tiền lần lượt là 5 tỷ đồng và 7,65 tỷ đồng.

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	-	1.625.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	9.446.304.971	4.062.736.511
Phải thu lãi hoạt động Margin	4.581.881.140	3.124.144.445
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	7.129.722.211	7.129.722.211
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	10.444.495.767	12.750.821.435
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	419.186.070	255.870.677
- Phải thu hoạt động tư vấn	7.670.159.868	11.412.236.868
- Phải thu các dịch vụ tài chính khác	2.355.149.829	1.082.713.890
Phải thu khác	21.143.305.331	50.684.111.847
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	10.000.000.000	33.000.000.000
- Phải thu khác	11.143.305.331	17.684.111.847
	52.745.709.420	77.753.161.449

(*) Số dư phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư trị giá 10 tỷ đồng (số dư đầu năm là 33 tỷ đồng) là khoản phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31/12/2021, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng các lô đất tại TP. Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này trong năm 2021) và một số tài sản khác với tổng giá trị 16,02 tỷ đồng để đảm bảo khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi được 23 tỷ đồng, đồng thời nhóm nhà đầu tư trên đã ký thoả thuận xác nhận nợ và cam kết thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ trong năm 2022. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát, định đoạt, thanh lý tài sản để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ KIẾM

Số 18 Lê Lợi, Phường Khe, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay				Năm trước
		Số đầu năm	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối năm	
			VND	VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	7.129.722.211	7.129.722.211	-	-	7.129.722.211	7.129.722.211
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Đầu tư	7.129.722.211	7.129.722.211	-	-	7.129.722.211	7.129.722.211
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	10.007.181.700	10.903.763.603	998.376.346	(2.489.164.769)	9.412.975.180	10.903.763.603
- Phải thu hoạt động môi giới	51.157.911	26.903.180	13.112.980	(3.437.204)	36.578.956	26.903.180
- Phải thu hoạt động tư vấn	6.458.159.868	8.275.059.868	256.400.000	(2.431.400.000)	6.100.059.868	8.275.059.868
- Phải thu các dịch vụ khác	928.555.979	679.955.979	81.400.000	-	761.355.979	679.955.979
- Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ Margin	2.569.307.942	1.921.844.576	647.463.366	(54.327.565)	2.514.980.377	1.921.844.576
	17.136.903.911	18.033.485.814	998.376.346	(2.489.164.769)	16.542.697.391	18.033.485.814

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

9 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư BrotherCapital	10.000.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và dịch vụ Goline	597.000.000	872.900.000
Trả trước cho người bán khác	522.716.435	287.506.300
	<u>11.119.716.435</u>	<u>18.160.406.300</u>

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Cước thuê kênh internet	134.782.013	608.073.808
Chi phí cải tạo văn phòng	272.749.310	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	44.754.121
	<u>407.531.323</u>	<u>652.827.929</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.143.630.266	-
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	2.615.138.604	4.266.805.128
Chi phí trả trước cước leased line Internet	491.192.297	147.553.245
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	138.264.779	478.417.786
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	224.253.547
	<u>4.388.225.946</u>	<u>5.117.029.706</u>

11 . CÀM CỐ, THẺ CHẬP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng và dịch vụ khác	1.933.797.250	1.579.297.250
	<u>1.933.797.250</u>	<u>1.579.297.250</u>

12 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng bộ chỉ số PVN-Index	810.201.916	1.012.111.957
Phái thu khác	209.000.000	209.000.000
	<u>1.019.201.916</u>	<u>1.221.111.957</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trái phiếu Công ty Cổ phần Fecon	-	35.891.925.810
Trái phiếu Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (*)	50.012.500.000	50.012.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	20.000.000.000
	<u>50.012.500.000</u>	<u>105.904.425.810</u>

(*) Trái phiếu Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam với kỳ hạn 07 năm, lãi suất 7,2%/năm, ngày đáo hạn trái phiếu là ngày 26/06/2027.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	3.117.760.791	22.971.071.592	26.088.832.383
Mua trong năm	1.277.290.909	830.846.000	2.108.136.909
Thanh lý, nhượng bán	(996.409.500)	-	(996.409.500)
Tại ngày 31/12/2021	<u>3.398.642.200</u>	<u>23.801.917.592</u>	<u>27.200.559.792</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	1.959.589.247	15.244.456.077	17.204.045.324
Khấu hao trong năm	374.633.129	2.185.111.216	2.559.744.345
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(996.409.500)	-	(996.409.500)
Tại ngày 31/12/2021	<u>1.337.812.876</u>	<u>17.429.567.293</u>	<u>18.767.380.169</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	1.158.171.544	7.726.615.515	8.884.787.059
Tại ngày 31/12/2021	<u>2.060.829.324</u>	<u>6.372.350.299</u>	<u>8.433.179.623</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.779.060.664 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐAI KHI

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

15 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	23.390.800.035	1.040.000.000	24.430.800.035
Mua trong năm	4.589.840.000	-	4.589.840.000
Tại ngày 31/12/2021	27.980.640.035	1.040.000.000	29.020.640.035
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	15.890.519.796	1.040.000.000	16.930.519.796
Khấu hao trong năm	2.865.580.668	-	2.865.580.668
Tại ngày 31/12/2021	18.756.100.464	1.040.000.000	19.796.100.464
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	7.500.280.239	-	7.500.280.239
Tại ngày 31/12/2021	9.224.539.571	-	9.224.539.571

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.655.001.295 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

16 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	15.590.778.054	13.765.697.928
Tiền lãi phân bổ trong năm	14.426.547	14.426.547
Số dư cuối năm	15.725.204.601	13.900.124.475

17 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2021	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	186.680.000.000	5.540.040.000.000	(5.394.670.000.000)	332.050.000.000
Vay ngân hàng	186.680.000.000	5.540.040.000.000	(5.394.670.000.000)	332.050.000.000
	186.680.000.000	5.540.040.000.000	(5.394.670.000.000)	332.050.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (1)	302.050.000.000	96.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (2)	30.000.000.000	69.980.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	-	20.000.000.000
	332.050.000.000	186.680.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng

(1.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2021/7740171/HDTD ký ngày 12/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành, giấy tờ có giá và chứng khoán khác (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu);
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh ký quỹ gồm: Hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2020/7740171/HDBD ngày 26/06/2020 được ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành.

(1.2) HĐ thấu chi số 1210/2021/7740171/HĐTC ngày 12/10/21, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức thấu chi: 49.500.000.000 đồng;
- + Mục đích thấu chi: bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/03/2022;
- Lãi suất thấu chi: 5,0%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng tiền gửi được quy định cụ thể tại Hợp đồng thấu chi với tổng giá trị các hợp đồng tiền gửi là 50.000.000.000 đồng.

(1.3) HĐ thấu chi số 0609/2021/7740171/HĐTC ngày 06/09/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức thấu chi: 19.800.000.000 đồng;
- Mục đích thấu chi: bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/03/2022;
- + Lãi suất thấu chi: 5,0%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng tiền gửi được quy định cụ thể tại Hợp đồng thấu chi với tổng giá trị các hợp đồng tiền gửi là 20.000.000.000 đồng.

(2) HĐ thấu chi số 02/2021/7740171/HĐTC ngày 18/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức thấu chi: 33.300.000.000 đồng;
- + Mục đích thấu chi: bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất thấu chi: 4,9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng tiền gửi được quy định cụ thể tại Hợp đồng thấu chi với tổng giá trị các hợp đồng tiền gửi là 33.400.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

18 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi (1)	\$79.300.000.000	289.100.000.000
	<u>\$79.300.000.000</u>	<u>289.100.000.000</u>

(1) Thông tin về kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021:

- + Mệnh giá: 100.000.000 đồng/l trái phiếu;
- + Số lượng trái phiếu đang lưu hành tính đến 31/12/2021: 8.793.000 trái phiếu;
- + Lãi suất danh nghĩa: Lãi suất cố định từ 9%/năm đến 9,5%/năm;
- + Mục đích phát hành: tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp.

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	280.573.139	138.520.913
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	1.710.807.397	1.117.327.742
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	607.183.035	615.128.512
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	-	60.000
	<u>2.598.563.571</u>	<u>1.871.037.167</u>

20 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holding	-	4.000.000.000
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	1.077.350.000	2.591.020.000
Phải trả các đối tượng khác	3.051.948.626	914.772.788
	<u>4.129.298.626</u>	<u>7.505.792.788</u>

21 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Người mua trả tiền trước mua bán cổ phiếu tự doanh	1.560.000.000	1.560.000.000
Người mua trả tiền trước hoạt động tư vấn	577.442.500	559.700.000
	<u>2.137.442.500</u>	<u>2.119.700.000</u>

22 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	59.573.848	324.924.418
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.993.568.466	(419.250.690)
Thuế Thu nhập cá nhân	11.459.149.478	2.464.251.269
Các loại thuế khác	64.325.766	575.811.844
	<u>16.576.617.558</u>	<u>2.945.736.841</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

23 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	9.132.561.282	859.875.453
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	9.015.414.490	1.528.767.127
Chi phí hoạt động khác của công ty chứng khoán	1.023.751.268	599.017.677
	19.171.727.040	2.987.660.257

24 . NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

a) Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhận đặt cọc mua cổ phần	-	\$ 240.000.000
	-	\$ 240.000.000

b) Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhận đặt cọc thuê văn phòng, dịch vụ khác	90.000.000	90.000.000
	90.000.000	90.000.000

25 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cổ tức, lãi cổ tức cho nhà đầu tư	18.901.259.095	19.100.016.572
Phải trả các hợp đồng dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	255.748.160.452	121.970.000.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.027.648.903	1.027.648.903
Giảm lãi Margin cho khách hàng	2.525.900.617	-
Phải trả trái tức thu hộ khách hàng	18.480.395.412	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.807.207.279	3.222.043.364
	299.490.571.758	145.319.708.839

(*) Khoản phải trả liên quan đến các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng thông qua việc Công ty thực hiện tìm kiếm, giới thiệu mã chứng khoán cho khách hàng có nhu cầu đầu tư; hoặc kinh doanh với mục đích phù hợp theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

26 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	51,17%	306.226.740.000	51,17%	306.226.740.000
SMBC Nikko Securities Inc.	14,90%	89.163.000.000	14,90%	89.163.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thành Việt	6,77%	40.498.000.000	12,53%	75.000.000.000
Các cổ đông khác	27,16%	162.525.260.000	21,40%	128.023.260.000
	100%	598.413.000.000	100%	598.413.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	41.054.467.907	7.602.841.612
Lợi nhuận chưa thực hiện	32.801.284	(1.168.423.652)
	41.087.269.191	6.434.417.960

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	7.602.841.612	(42.163.717.865)
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	32.801.284	(1.168.423.652)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	33.951.626.295	8.989.779.267
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	41.554.467.907	(33.173.938.598)
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(500.000.000)	(500.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(500.000.000)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ lũy kế	-	41.276.780.210
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	41.054.467.907	7.602.841.612

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 28 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	500.000.000

27 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
- USD	38.631,37	90,07

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

28 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	548.215.355.938	1.109.153.908.468
1. Nhà đầu tư trong nước	548.215.355.938	1.109.153.908.468
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	56.827.992.313	55.174.597.488
1. Nhà đầu tư trong nước	52.664.029.605	55.069.411.461
2. Nhà đầu tư nước ngoài	4.163.962.708	105.186.027
Tiền gửi của tổ chức phát hành	100.459.650	52.487.500
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	100.459.650	52.487.500
	605.143.807.901	1.164.380.993.456

29 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	605.043.348.251	1.164.328.505.956
1.1 Nhà đầu tư trong nước	576.412.047.890	577.066.976.026
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	28.631.300.361	587.261.529.930
	605.043.348.251	1.164.328.505.956

30 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	100.459.650	52.487.500
	100.459.650	52.487.500

31 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.026.492.373.043	598.101.562.202
1.1 Phải trả gốc margin	1.021.910.491.903	594.977.417.757
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.021.910.491.903</i>	<i>594.977.417.757</i>
1.2 Phải trả lãi margin	4.581.881.140	3.124.144.445
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>4.581.881.140</i>	<i>3.124.144.445</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	137.136.109.268	32.715.658.718
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	137.136.109.268	32.715.658.718
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>137.136.109.268</i>	<i>32.715.658.718</i>
	1.163.628.482.311	630.817.220.920

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

32 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VNĐ	Tổng giá vốn VNĐ	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VNĐ	Lỗ VNĐ	Lãi VNĐ	Lỗ VNĐ
- Công ty Cổ phần Đ tổ TMT	-	-	-	-	-	845,988,768	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	139,000	5,343,700,000	4,829,868,241	513,831,759	-	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần PVI	302,500	12,896,550,000	9,904,660,000	2,991,890,000	-	-	-
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Phú Yên	539,700	7,592,970,000	10,279,756,256	-	2,686,786,256	-	-
- Công ty Cổ phần Fecon	417,400	5,588,960,000	4,693,658,019	895,301,981	-	-	426,364,514
- Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu Khí	-	-	-	-	-	1,278,083,663	-
- Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	-	-	-	-	-	714,758,300	-
- Cổ phiếu/ Trái phiếu niêm yết khác	25,000,000	2,826,499,000,000	2,725,908,500,000	100,590,500,000	-	117,998,488	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	24,233,790	2,297,105,004,525	2,292,813,211,411	17,934,360,031	13,642,566,917	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi	1,006,000	1,313,028,241,991	1,310,008,650,663	3,024,448,862	4,857,534	-	-
		<u>6,468,054,426,516</u>	<u>6,358,438,304,590</u>	<u>125,950,332,633</u>	<u>16,334,210,707</u>	<u>2,956,829,219</u>	<u>426,364,514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Số 18 Lê Thánh Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

b) . Bảng lịch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số	Giá trị thị trường/	Bảng lịch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021		Bảng lịch đánh giá lại tại ngày 01/01/2021		Bảng lịch đánh giá lại theo kế toán	
	kê toán	Giá trị hợp lý	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	16.195.727.436	16.228.528.720	809.256.310	(776.455.026)	12.792.101	(1.181.215.753)	7.845.613.380	(6.644.388.444)
Giá phải nhận yết	16.195.727.436	16.228.528.720	809.256.310	(776.455.026)	12.792.101	(1.181.215.753)	7.845.613.380	(6.644.388.444)
- PPV	723.791	767.600	43.805	-	-	(719.391.351)	3.183.861.156	(6.034.801.200)
- VAF	603.669	673.200	69.531	-	-	(5.469)	214.970	(136.970)
- PAF	5.618.100.000	4.265.385.000	-	(752.715.000)	-	(451.629.000)	-	(301.086.000)
- PVA	338.569	810.000	471.431	-	256.431	-	435.000	(140.000)
- PVI	3.184.500.000	3.178.500.000	-	(6.000.000)	-	-	286.500.000	(292.300.000)
- Cổ phiếu khác	2.991.461.401	8.782.392.920	808.671.543	(17.740.026)	12.535.670	(10.186.433)	2.374.382.254	(13.621.274)
	16.195.727.436	16.228.528.720	809.256.310	(776.455.026)	12.792.101	(1.181.215.753)	7.845.613.380	(6.644.388.444)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN ĐẦU KHI

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	564.349.680	3.474.952.973
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	19.399.621.478	18.384.104.596
Từ các khoản cho vay	120.784.816.832	61.682.554.528
	140.748.787.990	83.541.612.097
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của tổ chức phát hành	384.299.089	647.980.654
- Doanh thu khác	13.347.355.774	5.367.392.058
Thu nhập thuần hoạt động khác	13.731.654.863	6.015.372.712
33 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	1.286.394.670	4.958.990.416
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	2.902.583.093	3.648.639.992
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(1.616.188.423)	1.310.350.424
	1.286.394.670	4.958.990.416
34 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.482.883	18.461.893
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.165.001	18.461.893
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.317.882	-
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	1.766.627.707	1.078.215.726
	1.775.110.590	1.096.677.619
35 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	42.882.547	27.840.317
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.882.547	24.562.395
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.277.922
Chi phí lãi vay	59.070.026.764	32.566.216.167
	59.112.909.311	32.594.056.484

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÉ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

36 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	20.738.719.445	12.950.017.104
Chi phí vật tư văn phòng	337.110.043	353.049.057
Chi phí công cụ, dụng cụ	535.989.182	343.263.438
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.390.404.593	314.511.424
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.075.800.930	3.299.491.566
Chi phí dự phòng hoàn nhập dự phòng	125.400.000	(20.961.183)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.033.301.725	7.116.959.330
Chi phí khác	12.421.535.957	8.507.853.233
	49.658.261.875	32.864.183.969

37 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.565.670.387	6.600.748.009
Các khoản điều chỉnh tăng	264.000.020	2.344.614.608
- Chi phí không hợp lệ	264.000.020	289.253.301
- Điều chỉnh tổng phần lợi nhuận chưa thực hiện	-	2.055.361.307
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.765.574.616)	(7.186.857.589)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(564.349.680)	(238.355.030)
- Chuyển lỗ các năm trước (*)	-	(6.928.502.559)
- Điều chỉnh giảm phần lợi nhuận chưa thực hiện	(1.201.224.936)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	42.064.095.791	1.758.505.028
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	8.412.819.156	351.701.006
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	-	(105.510.302)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	(579.860.655)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.412.819.156	(333.669.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(419.250.690)	494.279.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.000.000.000)	(579.860.655)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	4.993.568.466	(419.250.690)

38 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	35.152.851.231	6.934.417.960
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35.152.851.231	6.934.417.960
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.841.300	59.841.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	587	116

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.555.942.778	-	15.530.681.344	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	305.929.910.559	-	14.176.660.520	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	482.412.500.000	-	277.876.739.810	-
Các khoản cho vay	1.159.046.601.171	(2.514.980.377)	627.693.076.475	(1.921.844.576)
Các khoản phải thu	52.745.709.420	(14.027.717.014)	77.753.161.449	(16.111.641.238)
	<u>2.052.690.663.928</u>	<u>(16.542.697.391)</u>	<u>1.011.030.319.598</u>	<u>(18.033.485.814)</u>
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Vay và nợ			1.211.350.000.000	475.780.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			306.218.433.955	154.696.538.794
Chi phí phải trả			19.171.727.040	2.987.660.257
			<u>1.536.740.160.995</u>	<u>633.464.199.051</u>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá trong lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	305.929.910.559	-	-	305.929.910.559
	<u>305.929.910.559</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>305.929.910.559</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	14.176.660.520	-	-	14.176.660.520
	<u>14.176.660.520</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.176.660.520</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.555.942.778	-	-	52.555.942.778
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	432.400.000.000	-	50.012.500.000	482.412.500.000
Các khoản cho vay	1.156.531.620.794	-	-	1.156.531.620.794
Các khoản phải thu	38.717.992.406	-	-	38.717.992.406
	<u>1.680.205.555.978</u>	<u>-</u>	<u>50.012.500.000</u>	<u>1.730.218.055.978</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.530.681.344	-	-	13.530.681.344
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	171.972.314.000	55.891.925.810	50.012.500.000	277.876.739.810
Các khoản cho vay	625.771.231.899	-	-	625.771.231.899
Các khoản phải thu	61.641.520.211	-	-	61.641.520.211
	872.915.747.454	55.891.925.810	50.012.500.000	978.820.173.264

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	1.211.350.000.000	-	-	1.211.350.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	306.218.433.955	-	-	306.218.433.955
Chi phí phải trả	19.171.727.040	-	-	19.171.727.040
	1.536.740.160.995	-	-	1.536.740.160.995
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	475.780.000.000	-	-	475.780.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	154.696.538.794	-	-	154.696.538.794
Chi phí phải trả	2.987.660.257	-	-	2.987.660.257
	633.464.199.051	-	-	633.464.199.051

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu kỳ chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	134.979.025.452	134.620.295.693	183.804.356.127	453.403.677.272
Chi phí hoạt động	118.720.049.649	132.925.062.206	51.324.253.085	302.969.364.940
Doanh thu không phân bổ				1.775.110.590
Chi phí không phân bổ				108.771.171.186
Kết quả hoạt động	16.258.975.803	1.695.233.487	132.480.103.042	43.438.251.736
Tài sản bộ phận trực tiếp	21.054.831.586	433.459.558.777	1.575.006.980.516	2.029.521.370.879
Tài sản không phân bổ	-	-	-	186.468.294.402
Tổng tài sản	21.054.831.586	433.459.558.777	1.575.006.980.516	2.215.989.665.281
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.598.563.571	-	1.217.616.741.126	1.220.215.304.697
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	343.887.569.217
Tổng nợ phải trả	2.598.563.571	-	1.217.616.741.126	1.564.102.873.914

Tài sản và nợ phải trả bộ phận trực tiếp được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu của các hoạt động của Công ty

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	4.136.562.322	5.453.258.779
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	1.814.129.040	300.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng công ty mẹ	2.850.903.305	421.917.808
Ủy thác đầu tư			
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng công ty mẹ	-	21.010.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền gửi			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	15.244.516.864	6.619.555.594
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	202.548.868	202.548.868
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	152.183.475	29.157.911

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng quản trị		
Nguyễn Anh Tuấn	938.836.000	869.616.000
Hoàng Hải Anh	-	20.387.000
Hồ Việt Hà	48.000.000	46.261.000
Trình Thế Phương	48.000.000	48.000.000
Phạm Anh Đức	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Xuân Hưng	(*)	(*)

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ban Giám đốc		
Nguyễn Xuân Hưng	884.026.413	581.006.181
Bùi Huy Long	181.964.500	475.569.939
Nguyễn Mạnh Cường	765.258.349	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

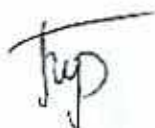
Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

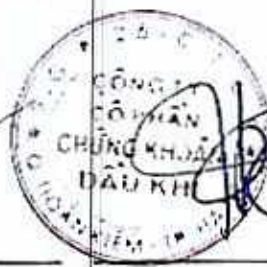
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Thanh Tâm
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hà
TƯQ Kế toán trưởng
Phó phòng TCKT



Nguyễn Xuân Hưng
Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYEN ANH TUAN

